

THƯỢNG TƯỚNG - TIẾN SĨ

NGUYỄN HUY HIỆU

Một thời QUẢNG TRỊ

(Hồi ức)

Đại tá LÊ HẢI TRIỀU *thể hiện*

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Hà Nội - 2008

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Một thời Quảng Trị - Một thời hào hùng bởi bao kỳ tích mà quân dân ta đã lập nên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cùng với biết bao mảnh đất quả cảm, kiên cường của Tổ quốc mảnh đất Quảng Trị huyền thoại là minh chứng hùng hồn của đỉnh cao khí phách và trí tuệ Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh chói lọi.

Thượng tướng, Tiến sĩ Nguyễn Huy Hiệu, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là một cán bộ trực tiếp chiến đấu và chỉ huy chiến đấu trên nhiều chiến trường ác liệt, nhưng Quảng Trị là chiến trường mà ông đã từng gắn bó nhiều nhất với đầy ắp những kỷ niệm vui buồn. Một thời Quảng Trị là cuốn hồi ức chiến tranh đặc sắc mà ông đã dồn cả tâm huyết của mình. Mong muốn lớn nhất của ông trong Một thời Quảng Trị là góp phần tôn vinh truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng, dân tộc và quân đội thông qua mảnh đất Quảng Trị anh hùng, đồng thời là để tri ân đồng đội, đồng bào đã sát cánh bên ông vượt qua mọi thử thách hiểm nguy để chiến đấu giành, giữ từng tấc đất thiêng, trong đó nhiều người đã anh dũng hy sinh, tên tuổi của họ đã trở thành bất tử.

Nhớ lại ngày 20 tháng 12 năm 1973, một trong những ngày thiêng liêng nhất của cuộc đời ông - ngày ông đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, ông đã

viết: "... Hôm nhận danh hiệu Anh hùng tôi đã khóc. Tôi nhớ đến hình ảnh Đại đội trưởng Mai Xuân Tinh, Chính trị viên đại đội Đặng Quang Hồng, Trung đội trưởng Phan Hữu Mỹ, Nguyễn Đình Cư... chiến sĩ Cao Như Thiêm, chiến sĩ B.41 Phùng Văn Khoét, Trung đoàn trưởng Cao Uy và biết bao nhiêu cán bộ, chiến sĩ của Trung đoàn 27 - Mặt trận B5 thân yêu của tôi đã anh dũng ngã xuống... Nhờ họ tôi mới có được vinh quang này..."

Những đêm hành quân trong mịt mù khói lửa; những ngày ẩn sâu vào lòng đất mẹ để che mắt quân thù; những giờ phút lặng phắc, nín thở chờ giặc tới tưởng như trái tim cùng thời gian ngưng lại; những trận chiến đấu quả cảm thiêu cháy quân thù bằng ngọn lửa hờn căm; những niềm vui ngất trời khi lá cờ chiến thắng lồng lộng tung bay trên căn cứ địch... và cả những giọt nước mắt ghen ngào, đau thắt khi lặng lẽ tiễn đưa đồng đội về nơi an nghỉ... Tất cả, tất cả đều được tái hiện chân thực và chất lọc, giản dị và sinh động trong **Một thời Quảng Trị**.

Niềm kiêu hãnh, tự hào của người chiến thắng; lòng khát khao độc lập tự do, đất nước vươn mình trong xanh tươi sự sống; người với người chan chứa yêu thương, mỗi cuộc đời đều ấm nồng giữa lòng vị tha nhân ái để chung xây một thế giới hòa bình... là những điều sâu sắc nhất còn đọng mãi trong ta khi đọc xong **Một thời Quảng Trị**.

Xin trân trọng giới thiệu **Một thời Quảng Trị** cùng bạn đọc!

**NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

Chương một

QUẢNG TRỊ VÀ CUỘC HỘI THẢO "HOÀI NIỆM VỀ CHIẾN TRƯỜNG XƯA VÀ ĐỒNG ĐỘI"



Trước khi nói về cuộc Hội thảo Du lịch Quảng Trị "Hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội", tôi muốn dành ít trang nói về mảnh đất Quảng Trị anh hùng.

Nhìn trên bản đồ Việt Nam, Quảng Trị nằm ở đoạn thắt lại trên chiều dài Bắc - Nam vào trung điểm của cả nước, với diện tích 4.746 ki-lô-mét vuông, có mười đơn vị hành chính với hai thị xã, bảy huyện đất liền và một huyện đảo Cồn Cỏ, với 136 xã, phường, thị trấn. Phía đông Quảng Trị là biển Đông, có chiều dài bờ biển hơn một trăm ki-lô-mét, phía tây giáp với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với đường biên giới dài 208 ki-lô-mét; phía nam giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế và phía bắc giáp tỉnh Quảng Bình. Với địa thế như vậy, Quảng

Trị tựa vào dãy Trường Sơn hùng vĩ và nhìn ra biển Đông bao la.

Quảng Trị có bốn vùng địa hình rõ rệt. Rừng núi, gò đồi, đồng bằng, cồn và cồn cát. Vùng rừng núi chiếm 30% diện tích, có độ cao từ 500 đến 700 mét, có những ngọn núi cao trên dưới 1.000 mét, nằm trong dãy Trường Sơn. Đặc biệt ngọn Tá Linh cao 1.701 mét, là ngọn núi cao nhất Quảng Trị, thuyền đi ngoài khơi xa vẫn nhìn thấy. Vùng này địa hình hiểm trở, trước chiến tranh chống Mỹ đây là vùng rừng già nguyên sinh sum suê, trù phú có nhiều loại lâm thổ sản và thú quý hiếm. Trong chiến tranh vùng rừng núi Quảng Trị bị chất độc hóa học và bom đạn Mỹ tàn phá nặng nề, ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sinh thái, đến nay vẫn chưa phục hồi lại được. Tiếp đến là vùng gò đồi có dạng đồi bát úp, ít dốc nhưng bị tàn phá gần hết chỉ còn cỏ tranh, cây dại, đồi hoang. Ở các vùng đất bazan như Cửa, Tân Lâm, tây Gio Linh, Vĩnh Linh và các thung lũng ven khe suối gần đồng bằng mới có dân cư sinh sống, còn phần lớn chỉ là những đồi đất sỏi cằn cỗi. Tiếp đến là vùng đồng bằng hẹp chỉ chiếm 11% diện tích, do phù sa sông suối bồi thành, gọi là đồng bằng nhưng chẳng mấy nơi bằng phẳng. Đồng bằng Quảng Trị là nơi trồng cây lương thực chủ yếu của tỉnh. Cuối cùng là vùng cồn và cồn cát, thường ở

ven biển nhưng có nhiều nơi xen giữa đồng bằng. Cát là tai họa cho vùng đồng bằng, vì gió xô, nước cuốn làm cát lấp dần đất sản xuất.

Quảng Trị có hệ thống sông suối phân bố đều từ bắc vào nam. Ba hệ thống sông lớn là Hiền Lương (Bến Hải), Thạch Hãn và Ô Lâu cùng các sông nhỏ như Lai Phước, sông Hiếu, sông Nhùng và các sông nhánh như Vĩnh Định, Vĩnh Phước, Ái Tử. Phía tây có sông Ba Lòng tạo thành mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế giữa các vùng trong và ngoài tỉnh cũng như cho việc xây dựng các công trình tưới tiêu, bảo đảm nguồn nước cho sinh hoạt và thủy điện. Hầu hết các sông ở Quảng Trị đều bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, nhưng cũng có hai con sông chảy về phía tây sang nước Lào là sông Sê Pôn và sông Sê Bông Hiêng. Có những con sông ở Quảng Trị đã in đậm dấu ấn trong lịch sử như sông Bến Hải, sông Thạch Hãn. Lượng mưa ở Quảng Trị tuy lớn nhưng phân bố không đều. Lòng sông lại dốc nên lượng nước lưu lại trong các khu vực sông không được bao nhiêu, thêm vào đó là việc địa hình bị chia cắt nhiều nên mỗi lưu vực sông trở thành một bồn trũng gần như khép kín ngăn trở việc điều hòa dòng chảy.

Lãnh hải Quảng Trị có diện tích khá rộng, tuy là một ngư trường nguồn cá không phong phú nhưng

bù vào đó lại có nhiều đặc sản của đại dương như tôm hùm, cá ngừ, cá chuồn... Vùng ven biển có nhiều đầm phá như Giao Liêm, Hà Bá (Triệu Phong), Diên Hà, Tử Lai, Thái Lai, Duy Viên (Vĩnh Linh) rộng hàng trăm héc-ta có khả năng khai thác nuôi trồng thủy sản. Quảng Trị có hai cửa biển là Cửa Việt và Cửa Tùng - những đầu mối giao thông quan trọng. Cửa Tùng, Cửa Việt, Mỹ Thủy, Triệu Lăng... là những danh lam thắng cảnh và địa điểm nghỉ mát, có bãi tắm lý tưởng.

Quảng Trị có mạng đường bộ phát triển khá sớm. Hệ thống đường mòn xuyên rừng xuyên núi, băng qua cồn cát ngày nay đã trở thành một đoạn của đường Hồ Chí Minh. Quảng Trị còn có đường quốc lộ 15, 14, 9, 1A chạy qua và các tỉnh lộ 64 (Quảng Trị - Cửa Việt), 68 (Quảng Trị - Triệu Hải), 72, 73, 74, 75 (Gio Linh). Đường 76 (Cam Lộ) cùng nhiều đường khác từ thị xã Quảng Trị đi La Vang, Phước Môn, Thượng Phước; từ Hải Lăng đi Hội Yên, Mỹ Thủy, từ Tà Rụt đi Sa-ra-van nước bạn Lào. Đặc biệt quốc lộ 1A và đường xe lửa xuyên Việt có chiều dài 64 ki-lô-mét chạy dọc trung tâm tỉnh qua các vùng đông dân, các thị trấn, thị xã như Hiền Lương, Đông Hà, Thạch Hãn, Mỹ Chánh. Đường số 9 (giờ đây trở thành con đường xuyên Á chạy sang nước bạn Lào, qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo) là một con

đường chiến lược cực kỳ quan trọng trong chiến tranh cũng như trong phát triển kinh tế thời bình. Hiện nay đường Hồ Chí Minh đã được xây dựng xong, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng của tỉnh.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa nắng lắm, mưa nhiều, nền nhiệt độ cao là đặc trưng của khí hậu Quảng Trị. Ngoài ra do vị trí và cấu trúc địa hình nên Quảng Trị còn có đặc điểm khí hậu riêng. Vùng khí hậu Đông Trường Sơn và vùng khí hậu Tây Trường Sơn có sự phân hóa trong chế độ mưa ẩm. Đường ranh giới giữa hai vùng khí hậu Đông và Tây Trường Sơn chính là đường sông núi của dãy Trường Sơn chạy từ phía bắc Động Voi Mẹp qua vùng núi thấp đông Khe Sanh đến động Ba Lê, Động Ngoài của tỉnh Thừa Thiên - Huế. Trong tiểu vùng khí hậu, đáng chú ý là tiểu vùng khí hậu đồng bằng ven biển Đông Trường Sơn với nền nhiệt độ cao, chịu tác động của gió Lào. Tiểu vùng khí hậu núi cao xấp xỉ 1.000 mét trở lên, lượng mưa trung bình đạt 280 mm. Ở vùng núi cao, nhiệt độ trung bình từ 16 đến 20 độ C. Không gian ở đây thoáng rộng, rất thích hợp với việc xây dựng các trung tâm nghỉ mát.

Đông Hà là nơi khô nóng nhất trong tỉnh. Mùa gió Tây Nam từ tháng 4 đến tháng 8, nhiệt độ có ngày lên tới 40 độ C.

Sự phức tạp của địa hình kết hợp với sự khắc nghiệt của khí hậu đã gây cho Quảng Trị các thiên tai như bão, lũ, lụt, hạn, xói mòn, sụt lở, cát bay... Vì vậy, đấu tranh với thiên nhiên để bảo vệ cuộc sống là yêu cầu đặt ra thường xuyên đối với người dân Quảng Trị.

Quảng Trị có tên từ năm 1809, sau khi giành lại được chính quyền vua Gia Long đã lập dinh Quảng Trị. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) được đặt thành tỉnh. Qua nhiều lần tách ra rồi nhập vào, ngày 17 tháng 2 năm 1906 toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập thị xã Quảng Trị. Cách mạng tháng Tám thành công, các đơn vị hành chính cấp phủ đổi thành cấp huyện, bỏ đơn vị hành chính cấp tổng thành lập cấp xã.

Cuối tháng 7 năm 1954, theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, sông Hiền Lương được chọn làm giới tuyến quân sự tạm thời chia cắt tỉnh Quảng Trị. Đại bộ phận các huyện, thị xã, thị trấn và một số thôn xã của Vĩnh Linh nằm ở phía nam giới tuyến thuộc tỉnh Quảng Trị do chính quyền ngụy Sài Gòn kiểm soát. Hơn ba phần tư huyện Vĩnh Linh nằm ở phía bắc giới tuyến do Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quản lý. Nhà nước ta quyết định thành lập Đặc khu Vĩnh Linh trực thuộc Trung ương.

Sau khi thống nhất nước nhà, năm 1976, bốn đơn vị hành chính Quảng Bình, Quảng Trị,

Thừa Thiên và Đặc khu Vĩnh Linh được sáp nhập thành tỉnh Bình Trị Thiên.

Tháng 7 năm 1989, tỉnh Quảng Trị được tái lập đặt tỉnh lỵ tại thị xã Đông Hà. Quảng Trị đã trải qua nhiều thay đổi về địa lý hành chính, nhưng các địa danh Quảng Trị, Đông Hà, Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Cồn Cỏ... vẫn sống mãi, vang vọng đến mai sau.

Quảng Trị có dân số trên 700 nghìn người, gồm nhiều dân tộc. Dân tộc Kinh chiếm 90% dân số. Còn lại là dân tộc Vân Kiều, Tà Ôi, Pa Kô và một số dân tộc khác như Hoa, Mường, Tày, Thái, Cà Tu, Ba Na, Xê Đăng, Ê Đê, Nùng, Stiêng, Rục.

Nhân dân Quảng Trị có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, không hề khuất phục trước kẻ thù xâm lược nào. Năm 1418, dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Lê Lợi, nhân dân đã nhất tề đứng lên đánh đuổi quân Minh giải phóng hai châu Tân Bình và Thuận Hóa. Nhân dân còn động viên hơn hai vạn thanh niên từ Đèo Ngang đến đèo Hải Vân gia nhập nghĩa quân Lê Lợi tiến ra Bắc đánh đuổi quân Minh giành quyền độc lập cho dân tộc. Vào thế kỷ XVIII, trong cuộc nội chiến giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn, nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra. Nhân dân Quảng Trị đã tham gia phong trào Tây Sơn diệt Nguyễn phá Xiêm,

giải phóng Đảng Trong, đông đảo nhân dân Tân Bình, Thuận Hóa tập hợp dưới ngọn cờ đại nghĩa của Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc, đại phá Mãn Thanh thống nhất non sông, bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược đất nước ta. Đầu năm 1874, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Quảng Trị đã hưởng ứng "Hịch Bình Tây" của các sĩ phu Nghệ An đứng lên đấu tranh chống thái độ thỏa hiệp đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn.

Ngày 6 tháng 6 năm 1884, triều đình nhà Nguyễn phản bội, ký Hiệp ước Pa-tơ-nốt dâng nước ta cho đế quốc Pháp. Nhân dân Quảng Trị đã giúp Tôn Thất Thuyết và phái chủ chiến của ông xây dựng căn cứ Tân Sở (Cù, Cam Lộ). Đông đảo thanh niên trong tỉnh lên Tân Sở luyện tập quân sự chuẩn bị chiến đấu.

Sau cuộc tập kích quân Pháp đóng ở Huế ngày 4 tháng 7 năm 1885 bị thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi lánh ra Quảng Trị và chọn Tân Sở làm căn cứ kháng chiến chống Pháp của vua Hàm Nghi. Vùng đất hiểm trở này đã trở thành kinh đô dã chiến, là đầu não kháng chiến của phong trào Cần Vương. Tại đây, ngày 13 tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi hạ "Chiếu Cần Vương", vạch tội ác thực dân Pháp, kêu gọi văn thân yêu nước và nhân

dân nổi dậy chống quân xâm lược Pháp. Hưởng ứng "Hịch Cần Vương" của vua Hàm Nghi, các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra trong tỉnh Quảng Trị, làm thức tỉnh tinh thần độc lập dân tộc và nêu cao ý chí kiên cường bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân ta.

Ngót 100 năm bên bờ đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân Pháp và tiến hành các cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại trong thế kỷ XX, đặc biệt là trong 21 năm kiên cường kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Quảng Trị đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của dân tộc. Những năm tháng chiến tranh ác liệt đó cũng là những năm tháng hào hùng rực rỡ chiến công của quân dân Quảng Trị.

Quảng Trị đã một thời làm cho thực dân Pháp và đế quốc Mỹ kinh hoàng trên các mặt trận: Đường 9, Khe Sanh, Cồn Tiên, Dốc Miếu, Cửa Việt, Thành Cổ...

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Quảng Trị đã có hơn 20 năm là tuyến lửa. Ở đây đã xuất hiện hàng loạt sự tích anh hùng cùng nhiều địa danh lẫy lừng chiến công, biểu tượng cho chí khí quật cường, quả cảm và niềm tự hào lớn lao của cả dân tộc ta. Chính điều đó đã tạo nên sự phong phú và đồ sộ mang tính đặc thù,

độc đáo trong toàn bộ hệ thống di sản văn hóa của tỉnh Quảng Trị.

Từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 7 năm 2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã mở cuộc Hội thảo du lịch Quảng Trị. Trước đó, khi trao đổi với tôi, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã nêu một số chủ đề về du lịch của địa phương. Tôi đề xuất chủ đề Hội thảo là: *Hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội* với hy vọng Hội thảo sẽ là diễn đàn khoa học, đánh giá và khẳng định giá trị lịch sử cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam đã diễn ra tại Quảng Trị - mảnh đất đậm đặc những di tích chiến tranh của thời chống Mỹ xâm lược. Những địa danh lịch sử trên vùng đất này vẫn còn âm vang trong lòng nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế. Nói tới Quảng Trị làm sao ta quên được Cồn Cỏ, sông Bến Hải, cầu Hiền Lương, địa đạo Vịnh Mốc, Dốc Miếu, Cồn Tiên, Đông Hà, Cam Lộ, Đầu Mầu, Làng Vây, Khe Sanh, Thành Cổ, sông Thạch Hãn, suối La La, Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Trường Sơn, Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Đường 9, đường Hồ Chí Minh, hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra...

Quảng Trị có tới 72 nghĩa trang liệt sĩ. Trong đó có hai nghĩa trang quốc gia như đã kể trên. Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Trường Sơn nằm ở thượng

nguồn sông Bến Hải có 10.263 mộ chí, Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Đường 9 là nơi yên nghỉ của 10.420 chiến sĩ và trong 81 ngày đêm mùa hè đỏ lửa ở Thành Cổ - Quảng Trị năm 1972 cũng gần ngần ấy đồng đội ngã xuống. Máu xương chiến sĩ ta là một phần trầm tích sâu dày của Quảng Trị.

Thông qua những tham luận trong hội thảo, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu lịch sử, những vị tướng lĩnh, những cựu chiến binh, những nhà lãnh đạo chỉ huy chiến đấu trên mảnh đất này đã giúp cho tôi hồi tưởng đậm nét thêm những năm đánh Mỹ gian khổ, quyết liệt cùng đồng bào, đồng chí, đồng đội lập nên những chiến công vang dội từ Tết Mậu Thân (1968) cho tới Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 lịch sử. Tôi bồi hồi nhớ về những vị tướng, những người thầy đã giúp đỡ, chỉ bảo, dìu dắt tôi trưởng thành. Đó là các vị Tướng: Lê Trọng Tấn, Lê Quang Đạo, Cao Văn Khánh, Lê Tự Đồng, Lê Quang Hòa, Hoàng Minh Thi... cùng biết bao đồng chí, đồng đội khác.

Tôi cũng bồi hồi nhớ lại bức điện của Bác Hồ kính yêu gửi quân dân mặt trận Khe Sanh (Quảng Trị) ngày 13 tháng 7 năm 1968, sau khi ta thắng lớn ở mặt trận này. Bức điện có đoạn: "Cuộc thắng lợi của ta ở Khe Sanh tỏ rõ mưu lược và sức mạnh vô địch của quân, dân và cán bộ ta, nó góp phần xứng

đáng vào thắng lợi to lớn của miền Nam từ đầu xuân cho đến nay... thắng lợi vẻ vang của Khe Sanh càng giục giã quân và dân miền Bắc cố gắng hơn nữa, bắn rơi nhiều máy bay giặc Mỹ hơn nữa. Giặc Mỹ tuy thua, nhưng vẫn rất ngoan cố. Đồng bào, chiến sĩ và cán bộ ta phải luôn luôn cảnh giác, liên tục đánh mạnh, đánh thắng. Nam - Bắc một lòng, ra sức đánh giặc. Thắng lợi cuối cùng nhất định về ta".

Tôi nhớ lại, bức thư gửi Khu ủy và Quân khu ủy Trị - Thiên ngày 6 tháng 7 năm 1969 của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương có đoạn: "Chiến trường Trị - Thiên gồm một dải đất đồng bằng rất hẹp và dài có Đường số 1 chạy từ Đà Nẵng ra, ở phía bắc có Đường số 9, phía tây là miền núi hiểm trở. Dù hiện nay địch đang xuống thang, Trị - Thiên vẫn giữ nguyên vị trí quan trọng của nó. Đối với ta, đó là đầu cầu nối liền với miền Bắc xã hội chủ nghĩa; đối với địch, đó là chiến tuyến ngăn chặn quân chủ lực của ta tiến về phía Nam".

Tôi không thể quên đầu năm 1973, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đi thị sát Cửa Việt, Dốc Miếu, Khe Sanh,... Nhìn cảnh tàn phá do bom đạn Mỹ gây ra, cảnh xơ xác, hoang tàn của Cồn Tiên, Dốc Miếu, Quán Ngang, Đồi 241, Đại tướng xúc động nói: "Nơi

đây biết bao cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ngã xuống trong các đợt tiến công và phản công chiến lược năm 1971 - 1972 để làm nên những chiến công bất tử diệt Mỹ, diệt ngụy, tạo thế, tạo lực, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi".

Vào dịp 27 tháng 7 năm 2005, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận được thư mời của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị dự Hội nghị giới thiệu chương trình "Du lịch hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội", Đại tướng đã gửi thư chúc mừng. Trong thư có đoạn: "Quảng Trị là một trong những nơi đung đầu quyết liệt nhất giữa cách mạng và phản cách mạng, là một trong những chiến trường khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, là nơi chứng kiến nỗi đau chia cắt của đất nước ròng rã 20 năm. Lịch sử đã để lại trên đất Quảng Trị một hệ thống di tích lịch sử cách mạng độc đáo. Đó là tài sản vô giá của dân tộc mà Quảng Trị có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn và khai thác".

Cuộc hội thảo giúp tôi nhớ lại lời Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô khi ông đến thăm vùng giải phóng Quảng Trị ngày 15 tháng 9 năm 1973: "Thắng lợi của các bạn ở Quảng Trị và ở toàn miền Nam thật là tuyệt vời. Thắng lợi đó buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt ném bom miền Bắc, rút hết quân khỏi miền Nam, ký Hiệp định Pa-ri. Thắng lợi cuối cùng

của các bạn là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước nhất định sẽ phải tới". Đồng chí còn nói: "Các bạn đã cho đế quốc Mỹ một bài học lớn. Chúng tự cho mình là mạnh hơn ai hết, không ai có thể đánh bại chúng. Nhưng giờ đây Mỹ đã có thể hiểu được một dân tộc nghèo đã có thể đánh bại được chúng. Một dân tộc anh hùng, vì độc lập tự do mà đấu tranh là một dân tộc vô địch. Đó là bài học vĩ đại cho nhân dân thế giới, cho những người bị áp bức bóc lột ở ba châu Á, Phi, Mỹ La-tinh".

Nhà thơ Tố Hữu về thăm Quảng Trị sau ngày giải phóng đầu năm 1973 đã khái quát sự tàn phá của Mỹ - ngụy bằng mấy câu thơ:

Anh về Quảng Trị, Gio Linh

Trèo lên Dốc Miếu, lặng nhìn Quán Ngang

Bờ bờ cỏ lút đồng hoang

Chim kêu cành cụt, chang chang nắng còn

Tả tơi mấy ấp khu đồn

Mái tôn, rào kẽm, tháp đồn chờ vợ!

Quảng Trị là tỉnh phải chịu hậu quả chiến tranh nặng nề, thời tiết lại khắc nghiệt, điểm xuất phát thấp, nhưng bằng sự nỗ lực của mình cộng với sự giúp đỡ của Trung ương, của các địa phương trong cả nước, các tổ chức quốc tế, Quảng Trị đang từng

bước đổi mới. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - thương mại - du lịch - dịch vụ. Cơ sở hạ tầng được nâng cấp, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, chính sách xã hội được quan tâm. Quốc lộ số 9 đang được nâng cấp để trở thành con đường xuyên Á nối Việt Nam với Lào, Thái Lan, Mi-an-ma và các nước vùng Đông Nam Á, Tây Á. Quảng Trị là "cầu nối", là "điểm nhấn" của con đường di sản miền Trung và tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

Trong hệ thống di tích đồ sộ, phải kể đến những di tích có giá trị lớn đối với hoạt động du lịch hoài niệm, thu hút, hấp dẫn các chính khách, nhà nghiên cứu lịch sử và khách du lịch. Hệ thống di tích chiến tranh cách mạng ở Quảng Trị phong phú về số lượng, đa dạng về loại hình và có giá trị giáo dục truyền thống, ý nghĩa nhân văn cao về nội dung. Chính điều đó đã tạo nên tính đặc thù, độc đáo của hệ thống di tích Quảng Trị. Có thể nói Quảng Trị là một trong những bảo tàng sinh động nhất về lịch sử chiến tranh cách mạng.

Ý tưởng Hội thảo Du lịch Quảng Trị "Hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội"¹ của tôi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh nhất trí.

1. Hiện nay gọi là "Du lịch Hoài niệm" cho dễ nhớ.

Tham dự Hội thảo có các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương, các tướng lĩnh quân đội, các vị lãnh đạo tỉnh Quảng Trị đã gắn bó với chiến trường, các nhà khoa học, lãnh đạo các sở ban, ngành, huyện thị và các cơ quan thông tin đại chúng...

Mở đầu cuộc Hội thảo, anh Lê Hữu Phúc - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quảng Trị đọc lời khai mạc. Trong lời khai mạc có đoạn:

- Hệ thống di tích chiến tranh cách mạng trên đất Quảng Trị vô cùng quý giá - một thế mạnh đặc trưng của du lịch Quảng Trị cần được khai thác và phát huy, nhằm phát triển kinh tế du lịch, hướng vào mục tiêu lâu dài. Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương. Trên cơ sở đề án: Tăng tốc phát triển du lịch miền Trung của Tổng cục Du lịch... Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông qua quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Trị đến năm 2010, có tính đến năm 2020, một trong những nhiệm vụ cấp thiết đặt ra cho ngành du lịch Quảng Trị là công tác xúc tiến, quảng bá du lịch...

Mục tiêu phát triển du lịch Quảng Trị đến năm 2010 và hướng đến xa hơn là duy trì tốc độ tăng trưởng, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển, góp phần chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế và xóa đói giảm nghèo.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để phát huy được tiềm năng to lớn về du lịch, đặc biệt là khai thác có hiệu quả di tích lịch sử chiến tranh cách mạng trên chiến trường Quảng Trị ác liệt năm xưa trở thành điểm du lịch lịch sử độc đáo như mong muốn của Trung ương, Chính phủ và nhân dân cả nước.

Tiềm năng và ý nghĩa du lịch di tích lịch sử cách mạng đồ sộ trên đất Quảng Trị là tài sản vô giá, mãi mãi thuộc về Đảng, quân đội và nhân dân ta. Đảng bộ và quân dân Quảng Trị là người vinh dự được gánh vác trọng trách bảo vệ, phát huy và gìn giữ tài sản vô giá đó...

Tiếp đó, tôi đọc tham luận "Quảng Trị với Du lịch hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội". Xin được tóm tắt một số đoạn trong bản tham luận đó:

- Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, thế kỷ XX là trang sử bi hùng và rục rĩ nhất bởi hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược trong đó đỉnh cao là sự nghiệp chống Mỹ, thống nhất đất nước của nhân dân ta. Đó là sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, biểu tượng và ý chí của lòng yêu nước - khát vọng độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam. Trong cuộc đọ đầu lịch sử đó, mảnh đất Quảng Trị là tiền đồn của miền Bắc và là điểm đầu của miền Nam - nơi ranh giới tạm thời

chia cắt hai miền đất trong suốt 20 năm ròng rã đã phải hy sinh vô bờ bến. Dấu ấn của một thời oanh liệt trên đất Quảng Trị là cả một hệ thống di tích chiến tranh đồ sộ, có tầm quan trọng đặc biệt. Chiến tranh đã đi qua gần một phần ba thế kỷ, nhưng những chiến công, kỳ tích huyền thoại trên đất Quảng Trị vẫn còn nguyên giá trị, mãi mãi in đậm trong ký ức, tâm thức hàng triệu triệu người Việt Nam và bạn bè quốc tế thuộc mọi thế hệ.

Quảng Trị là một điểm đến hấp dẫn, an toàn, thân thiện có giá trị giáo dục sâu sắc cho các cựu chiến binh thăm lại chiến trường xưa và mọi tầng lớp nhân dân. Nhu cầu thăm lại chiến trường xưa, tìm hiểu cội nguồn chiến thắng vĩ đại của dân tộc Việt Nam và sự hoài niệm về một vùng đất lửa oanh liệt đang ngày càng tăng lên bởi sự ngưỡng mộ của du khách trong nước và quốc tế. Vì lẽ đó, Du lịch hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội mang một ý nghĩa chính trị, lịch sử, nhân văn to lớn.

Ngày xưa Quảng Trị là vùng đất lửa, ngày nay Quảng Trị là vùng đất tâm linh. Tôi được biết những năm trở lại đây, lượng khách đến Quảng Trị tham quan ngày một đông bởi các di tích lịch sử chiến tranh ở Quảng Trị có sức lôi cuốn mạnh mẽ. Số lượng du khách là người nước ngoài đến tham quan, du lịch tăng nhanh. Du lịch Quảng Trị

là sự kết hợp giữa du lịch tham quan với du lịch hồi tưởng, du lịch tâm linh. Nếu như những du khách quốc tế, đặc biệt là cựu chiến binh Mỹ về thăm lại chiến trường xưa, nơi mà họ đã từng tham chiến để tận mắt chứng kiến vùng đất kỷ niệm của một thời lầm lỡ, gây bao đau thương cho con người và mảnh đất này, thì những người dân Việt Nam trở về đây để kính cẩn nghiêng mình trước sự hy sinh anh dũng của những người chiến sĩ Giải phóng quân đã xả thân vì nghĩa lớn.

Với hệ thống dày đặc các di tích hết sức độc đáo, du lịch hoài niệm về đồng đội và chiến trường xưa, về những kỷ niệm sâu sắc, thiêng liêng gắn với đất và người Quảng Trị là một loại hình du lịch mới, có khả năng thu hút du khách đặc biệt hấp dẫn, có ý nghĩa to lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và nhiều mặt khác.

Trước hết, loại hình du lịch này có ý nghĩa tôn vinh, tưởng nhớ những người con anh hùng đã chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, những địa danh lừng lẫy chiến công đã tô thắm truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc, từ đó góp phần giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tính nhân văn cao cả, ý chí cách mạng kiên cường, tấm gương hy sinh vì nước, vì dân cho các thế hệ người Việt Nam hiện tại và mai sau. Du lịch hoài niệm sẽ

trở thành trường học thực tiễn, thể hiện sâu sắc và sinh động đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa" của hàng triệu cựu chiến binh và người dân Việt Nam các thế hệ. Đó thật sự là cầu nối giữa hiện tại và quá khứ, nối Quảng Trị với các địa phương bạn, với cả nước, nối kết đất và người Việt Nam với khu vực và quốc tế.

Nhân đây, tôi đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị sớm có quy hoạch thị xã Quảng Trị. Tỉnh có thể kêu gọi các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư. Khi quy hoạch, ngoài những khu kinh tế, giáo dục, khu dân cư, khu du lịch, khách sạn... cần ưu tiên đặc biệt đến cụm công trình tưởng niệm. Những công trình này phải có không gian hoành tráng, uy nghiêm và giàu sức truyền cảm như Điện Biên Phủ và Bến Dược, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tượng đài tưởng niệm chiến sĩ hy sinh ở thị xã Quảng Trị và Thành Cổ nên xây dựng ở bờ bắc sông Thạch Hãn. Tại dòng sông này, mùa hè năm 1972, đã có một cuộc chiến đấu ngoan cường của những người con khắp mọi miền đất nước. Họ là những nông dân, công nhân, sinh viên... tuổi đời còn rất trẻ đã vượt tuổi bằng ngàn cầm súng giết giặc. Cuộc chiến đấu 81 ngày đêm tại Thành Cổ quá ác liệt, 18 nghìn cán bộ, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh,

nhiều người mãi mãi nằm lại dưới đáy sông Thạch Hãn, khu vực ven thị, trong thị xã và trong Thành Cổ. Chúng ta xây dựng tượng đài tại bờ bắc sông Thạch Hãn để đời đời con cháu luôn tưởng nhớ một thời máu lửa, một thời cha anh đã làm tất cả những gì có thể làm và nên làm để đánh đuổi giặc ngoại xâm, đem lại cuộc sống tươi đẹp hôm nay cho cháu con. Theo tôi, tượng đài này nổi thành một trục với đài tưởng niệm Thành Cổ. Quần thể tượng đài bờ bắc sông Thạch Hãn bao gồm: Tượng đài chính, không gian cây xanh, quảng trường, bến tưởng niệm thả hoa... Tôi đề nghị quần thể này phải rộng khoảng 5 héc-ta trở lên (Ngũ Phúc). Chúng ta quy hoạch phải có tầm nhìn xa hàng chục, hàng trăm năm. Rồi đây, có thể hàng chục vạn người hành hương về dự lễ kỷ niệm chiến thắng Quảng Trị và thả hoa tưởng niệm trên sông Thạch Hãn...

Trong tham luận của mình, Tiến sĩ Nguyễn Viết Chúc - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa - Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng Quốc hội bày tỏ:

- Tôi muốn khẳng định ngay rằng, ý tưởng "Du lịch hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội" là một ý tưởng tuyệt vời, bởi nó thể hiện cách nhìn nhận và tiếp cận du lịch hoàn toàn mới, không bị trói buộc bởi tư duy xưa cũ khi nói đến du lịch là nghĩ ngay đến chuyện ăn chơi, giải trí...

Một khía cạnh khác không thể không nói tới với sự trân trọng đó là tính nhân văn sâu sắc của một ý tưởng. Nếu không ấp ủ trong lòng về quá khứ thì khó diễn tả bằng lời về sự biết ơn quá khứ, biết ơn những người đã không tiếc cuộc đời mình để có ngày hôm nay, cái ngày mà chúng ta có đủ thì giờ yên tĩnh cân nhắc những điều làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn. Có lẽ những người đang yên nghỉ trên mảnh đất Quảng Trị vinh quang này không hình dung ra có một ngày nào đó người ta lại bàn đến chuyện sẽ đón khách du lịch đến mảnh đất mà có lúc bom đạn cày xới hàng ngày, mảnh đất mà mỗi thước đều thấm đẫm máu và nước mắt. Nhưng chuyện đó đã diễn ra, diễn ra đúng vào những ngày cả nước đang nhớ về các anh, các chị với lòng thành kính và biết ơn vô hạn. Không chỉ thành kính và biết ơn mà còn biết tin vào những điều các anh, các chị đã tin trước khi ngã xuống vì một Quảng Trị, vì một Việt Nam ngày mai tươi đẹp hơn! Vâng, chúng tôi tin vào điều các anh, các chị đã tin và chúng tôi đang hành động để niềm tin ấy ngày càng sáng tỏ. Tổ chức Hội thảo "Du lịch hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội" là một nén tâm nhang thấp lên từ trái tim những người đang sống theo đạo lý "Uống nước nhớ nguồn". Đồng thời nó là sự khởi đầu hết sức nghiêm túc cho một chương trình kinh tế - xã hội của một mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa cách mạng.

Anh Nguyễn Viết Chúc nói tiếp:

- Hệ thống di tích lịch sử chiến tranh cách mạng hết sức đa dạng, độc đáo, là một thế mạnh của Quảng Trị. Cứ đến Quảng Trị ở trong mỗi con người chúng ta bỗng nảy ra những điều mà chúng ta cũng không thể dự đoán trước được. Ví như, chúng ta bỗng thấy thời gian là một chuỗi liên mạch không có sức mạnh nào cắt chia được và chúng ta, chính hồn ta, trái tim ta lại là chất kết nối kỳ diệu giữa quá khứ - hiện tại - tương lai. Bỗng dưng ta hiểu được một điều mà không phải lúc nào, ở đâu ta cũng hiểu: Chính ta, chính con người lại là chất kết nối kỳ diệu của thời gian và ngay giữa mỗi nối kỳ diệu ấy ta hiểu hơn giá trị làm người. Chính ở nơi đây ta tự trang bị cho ta sự hiểu biết rất nhiều so với cái ta đã biết về quá khứ, giúp ta nhận ra giá trị của hiện tại và hình dung một cách rõ ràng về tương lai.

Khi ta đứng trên đất Quảng Trị, ta dễ tìm thấy cội nguồn tình cảm và sức mạnh con người. Về chiến trường xưa không phải chỉ dành cho những ai đã từng có mặt ở đây trong chiến trận mà là cho mọi người, cho các thế hệ người Việt Nam và cả người nước ngoài.

Về chiến trường xưa là để thấy những điều sâu xa, là để hiểu hơn cần phải làm gì trong thế ứng xử

với thiên nhiên, với con người và giữa những nền văn hóa khác nhau.

Như vậy, việc chọn Quảng Trị cho loại hình du lịch hoài niệm phục vụ việc khảo cứu, học tập và giáo dục truyền thống có lẽ là đắc địa...

Anh Nguyễn Xuân Đức - Giám đốc Sở Văn hóa thông tin, trong bài tham luận của mình lại đi sâu vào khía cạnh khác:

- Gần đây, tôi có chuyến đi công tác sang Mỹ, một đất nước công nghiệp và thực dụng. Tuy nhiên, tôi thấy những công trình tưởng niệm về các sự kiện chiến tranh họ đặc biệt chú ý. Riêng về hai cuộc chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam ở khắp nước Mỹ đều có công trình tưởng niệm. Ở thủ đô Oa-sinh-tơn có công trình to lớn, tiêu biểu, còn ở tất cả các bang đều có hai công trình tưởng niệm binh sĩ Mỹ tử trận tại Triều Tiên và Việt Nam. Tôi có cảm nhận rằng, xét về góc độ di tích các tượng đài kỷ niệm chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam là nổi bật nhất. Gần đây nhất có thêm khu tưởng niệm những nạn nhân trong vụ khủng bố ngày 11 tháng 9.

Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng, giáo dục truyền thống là chức năng số một không thể thay thế của công tác trùng tu tôn tạo di tích. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể không tính đến tiềm năng to lớn

của di tích nếu biết phát huy nó thành sản phẩm du lịch. Trên tinh thần đó, chúng tôi xác định cách làm di tích ở Quảng Trị cần khẳng định mấy yêu cầu sau: Một là, giữ cho được hoặc phục chế các hiện vật gốc, hình ảnh thực và các di tích gốc thật phong phú và sinh động. Làm được việc này, sẽ tạo nên cảm giác mãnh liệt cho những ai có hội ức chiến tranh và cũng tạo nên nhu cầu khám phá, tìm hiểu đối với thế hệ trẻ. Hai là, cần khẳng định những giá trị tinh thần của các di tích, dần dần hình thành một không gian thiêng, một cõi thiêng cho người hướng thiện. Cho đến hôm nay, ta có thể khẳng định cả mảnh đất Quảng Trị đã trở thành một cõi thiêng. Việc làm này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của nhiều ngành và tất cả xã hội. Để mỗi di tích là một tập hợp vô vàn những điển tích, dần dần các điển tích sẽ trở thành giai thoại, từ giai thoại trở nên huyền thoại. Đó là con đường hình thành giá trị phi vật thể, đó cũng chính là sự cuốn hút không giới hạn đối với nhiều đối tượng khác nhau. Khi đã xác lập được một giá trị phi vật thể không nhất thiết phải là di tích to lớn, đồ sộ mới thu hút được nhiều khách, có khi chỉ một địa chỉ, một hòn đá, gốc cây nhưng lại có sức thu hút kỳ lạ...

Trong bài tham luận của mình, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Quảng Trị

nhìn nhận "Hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội" lại từ các nghĩa trang liệt sĩ. Anh nói:

- Quảng Trị chính là hình ảnh thu nhỏ của cuộc kháng chiến đầy hy sinh gian khổ của cả dân tộc. Từ bãi biển Cửa Tùng đến tận biên giới Việt - Lào không nơi nào không có vết tích của bom đạn Mỹ tàn phá. Máu của hàng vạn người đã đổ trên quê hương Quảng Trị. Chỉ tính số liệt sĩ đã hy sinh và đang yên nghỉ ở 72 nghĩa trang liệt sĩ trong tỉnh đã gần 60 nghìn người. Trong 72 nghĩa trang liệt sĩ thì có hai nghĩa trang Quốc gia: Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn có hơn 10 nghìn mộ liệt sĩ và Nghĩa trang Liệt sĩ Đường 9 cũng hơn 10 nghìn mộ liệt sĩ. Nghĩa trang liệt sĩ ở huyện và xã trong tỉnh Quảng Trị cũng có hàng nghìn mộ liệt sĩ là con em các miền quê trong cả nước. Tính bình quân cứ 8 người dân Quảng Trị lo một phần mộ liệt sĩ. Nói cách khác cứ 8 người dân Quảng Trị được sống trong thanh bình hôm nay phải đổi bằng sinh mạng của một chiến sĩ.

Chiến tranh đi qua đã hơn 30 năm, nhưng người dân Quảng Trị vẫn còn những nỗi đau. Quảng Trị có đến 18.484 liệt sĩ là con em của tỉnh. Ngày xưa Quảng Trị là vùng đất lửa, ngày nay đây là vùng "đất tâm linh". Những năm trở lại đây, lượng khách đến Quảng Trị tham quan ngày một đông bởi các di tích lịch sử chiến tranh đã có sức lôi cuốn

mạnh mẽ... Rất nhiều đoàn khách, cá nhân đến thăm viếng Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, Nghĩa trang Liệt sĩ Đường 9 đều có nguyện vọng được ủng hộ, đóng góp công sức, tiền của để chăm sóc, xây dựng nghĩa trang liệt sĩ... Tại Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn đã có rất nhiều đơn vị Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của các tỉnh, thành phố đến đây để báo công, tổ chức cắm trại, thắp lửa truyền thống! Nhiều cơ quan đơn vị tổ chức lễ kết nạp đảng viên ngay tại nghĩa trang. Nhiều trường học tổ chức cho học sinh đến tham quan và giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ. Nếu như ở địa đạo Vịnh Mốc với hệ thống giao thông hào, hầm địa đạo của 114 địa đạo liên hoàn trong toàn khu vực Vĩnh Linh đã tái hiện sức sống kỳ diệu của con người Vĩnh Linh trong cuộc kháng chiến, thì Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, Đường 9 và những nghĩa trang khác đã tái hiện sự hy sinh vô cùng to lớn của dân tộc Việt Nam, làm sống lại một thời máu lửa, oanh liệt trên mảnh đất này...

Tiến sĩ Ngô Tất Tố, nguyên Đại sứ Việt Nam tại Liên bang Nga dẫn lời Thủ tướng Phan Văn Khải trong chuyến thăm Hoa Kỳ tháng 6 năm 2005: "Mục đích chủ yếu của tôi đi Mỹ lần này là chuyển đến nhân dân Mỹ thông điệp rõ ràng và mạnh mẽ rằng: Chính phủ và nhân dân Việt Nam mong

nhất của cả hai phía, là nơi thực thi những ý đồ chiến lược vô cùng quan trọng của ta và địch...

Bản chất cuộc chiến tranh của chúng ta là chiến tranh nhân dân. Vì vậy, việc huy động sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và thời đại là việc đương nhiên. Có thể chứng minh điều đó ở nhiều vùng đất, nhiều chiến dịch khác, nhưng rõ ràng là, không ở đâu điều đó được thể hiện rõ ràng, sâu sắc như tại chiến trường Quảng Trị. Việc Chủ tịch Phi-đen của Cu Ba, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp thăm Quảng Trị cùng với hơn mười đại diện các nước trình quốc thư, lập quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở Cam Lộ (Quảng Trị) năm 1973, là minh chứng cho sự tập hợp của lương tri loài người chống chiến tranh xâm lược.

Đối với dân tộc ta thì không có địa phương nào trên cả nước lại không có những người con ưu tú của mình trực tiếp chiến đấu ở mảnh đất này. Những hy sinh, đóng góp của Quảng Trị là vô cùng quan trọng, nhưng chiến công trên mảnh đất này là của cả nước, quang vinh này thuộc về cả dân tộc. Từ những hạt gạo, viên thuốc, từ những khẩu súng viên đạn cho đến mồ hôi, xương máu và trí tuệ để làm nên chiến thắng đều từ sức mạnh tổng hợp đó... Nếu như mỗi tên đất, tên làng, dòng sông,

ngọn núi ở đây đều gắn với những chiến công hào hùng thì không có tác đất nào lại không có mồ hôi, xương máu của những người con ưu tú của mọi miền đất nước. Vì vậy, Quảng Trị không còn là địa danh của một địa phương mà đã thành một biểu tượng chung, niềm tự hào chung về một thời hào hùng của chiến trường xưa và ở đó có biết bao hoài niệm mãi mãi còn lắng đọng. Rất nhiều nước trên thế giới sau những chiến công hiển hách của dân tộc mình đều có những "Khải hoàn môn" như vậy. Cuộc chiến đấu của dân tộc ta rất đáng được tôn vinh, việc giáo dục truyền thống lâu dài lại hết sức cần thiết...

Còn anh Nguyễn Văn Trá - Chủ tịch Hội cựu chiến binh tỉnh Quảng Trị lại có góc nhìn của những người trong cuộc về "Du lịch hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội". Anh nói:

- Quảng Trị là một bảo tàng về chứng tích chiến tranh. Sự khốc liệt của cuộc chiến tranh như vẫn còn lưu giữ trong mỗi di tích, hiện vật và đặc biệt là trong ký ức của con người. Ai đã đi qua chiến tranh, đã từng sống những giây phút hào hùng và bi tráng ấy mới thật sự thấm thía ý nghĩa lớn lao của sự sống, ý nghĩa cao đẹp của sự hy sinh. Và chính sự nâng niu trân trọng những giá trị vật thể và phi vật thể ấy của cuộc kháng chiến vĩ đại mà dân tộc đã đi

qua, đồng thời tiếp lửa truyền thống cho các thế hệ mới có thể tìm thấy những giây phút thanh thản của tâm hồn. Có lẽ vì thế, Du lịch hoài niệm - một sản phẩm du lịch khá mới mẻ đang thu hút sự quan tâm của nhiều người. Xuất phát từ ước muốn tìm về chiến trường xưa, tìm về ký ức để hiểu một cách sâu sắc những giá trị to lớn của chiến thắng mà dân tộc Việt Nam đã giành được trong thế kỷ XX, để sống lại những tháng ngày oanh liệt nhất của lịch sử dân tộc với tất cả sự ngưỡng mộ và trân trọng quá khứ hào hùng mà nhiều người đã đến đây để thăm viếng, tưởng niệm, để chiêm nghiệm và để tâm hồn thêm trong sáng...

Trong dòng người về thăm chiến trường xưa, có nhiều du khách quốc tế, họ đến đây để khám phá, để lý giải, để tận mắt chứng kiến sức sống kỳ diệu của một dân tộc không bao giờ khuất phục trước sức mạnh của đạn bom, sự huỷ diệt, và chắc chắn không thể nào thiếu vắng những cựu chiến binh Mỹ, Úc, Niu Di-lân, Hàn Quốc... những người đã từng đến đây gieo rắc cái chết mà cho đến hôm nay họ vẫn chưa hiểu được vì sao mình lại phải cầm súng bắn vào người dân vô tội ở cái xứ sở xa xôi này.

Với một vùng đất thiêng, chứa đựng nhiều sự tích anh hùng và những chiến công lừng lẫy, người dân Quảng Trị hôm nay hết sức tự hào với những

trang vàng son đã đi vào lịch sử và xác định rằng đây là vốn quý, là tài sản lớn lao. Chính cuộc chiến đấu kiên cường chống ngoại xâm cùng những hy sinh to lớn của cả dân tộc mới tạo dựng nên diện mạo của những di tích, địa danh có sức sống và sức thu hút đặc biệt này...

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Toàn - Phó Giám đốc Đại học Huế lại phân tích giá trị nhân văn của các di tích lịch sử cách mạng trên vùng đất Quảng Trị. Anh cho rằng:

- Lịch sử đã đi qua nhưng những mốc son mà con người và quê hương Quảng Trị đã xây đắp không bao giờ phai phôi trước gió bụi thời gian, trước những biến thiên của lịch sử. Nó đã gắn chặt vào tâm thức của con người, khắc ghi khổ đau, hạnh phúc, tạo nên cội nguồn của sức mạnh và mãi mãi ghi đậm dấu ấn vào lịch sử văn minh của nhân loại. Đây là những tài sản có giá trị nhân văn sâu sắc trong việc giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ hôm nay và mai sau. Giá trị nhân văn ấy biểu hiện ở các điểm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, đây là vùng đất đầy cam go, gian khổ, chịu nhiều mất mát hy sinh trước những thử thách khốc liệt của chiến tranh. Một vùng đất đầm máu xương và nặng nghĩa ân tình với nhân dân cả nước. Một vùng đất mà mỗi khi nhắc đến, bất cứ một

quốc ngày nay. Bất cứ lúc nào, hoàn cảnh ra sao, Quảng Trị luôn vì cả nước và cả nước cũng luôn hướng về Quảng Trị. Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Trường Sơn, Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Đường 9, mãi mãi là nơi đi về thăm viếng của nhân dân ta trên mọi miền Tổ quốc. Quảng Trị hùng thiêng sông núi, là đỉnh cao của truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn"...

Những giá trị nhân văn nêu trên là thiêng liêng, là sức mạnh tiềm tàng không bao giờ cạn của con người và mảnh đất Quảng Trị. Những giá trị ấy mãi mãi cần được khai thác, tôn vinh, để các thế hệ nối tiếp nhau làm cho nó thêm sáng ngời và lan tỏa đến muôn đời...
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tiến sĩ Nguyễn Văn Dũng khẳng định hệ thống di tích lịch sử cách mạng đồ sộ và độc đáo của Quảng Trị. Anh đi sâu phân tích giá trị các địa danh:

- Trong hệ thống di tích đồ sộ, phải nhấn mạnh đến những di tích có giá trị lớn đối với hoạt động du lịch.

Địa đạo Vịnh Mốc - "Lâu đài trong lòng đất", thể hiện ý chí và quyết tâm chiến thắng, là thành quả tuyệt vời của tinh thần lao động sáng tạo, là công trình quân sự độc đáo mang màu sắc huyền thoại của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Cầu Hiền Lương - là "cầu" nhưng lại ngăn cách đôi bờ sông Bến Hải được cả thế giới biết đến như là biểu tượng của nỗi đau chia cắt và khát khao thống nhất non sông.

Cồn Tiên - Dốc Miếu - Hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra (được người Mỹ coi là "con mắt thần" là công trình của 47 nhà khoa học kỹ thuật quân sự tài ba của Mỹ, với kế hoạch đặt ra hết sức quy mô, ngốn 800 triệu đô-la/năm đã bị tan tành mây khói trong cuộc tiến công chiến lược của quân và dân ta vào mùa xuân năm 1972)... là những cái tên nhức nhối đối với quân xâm lược nhưng lại là niềm tự hào của quân dân Quảng Trị.

Thành cổ Quảng Trị trong một thị xã nhỏ chưa đầy 3 ki-lô-mét vuông, nhưng thử thách khốc liệt qua 81 ngày đêm mùa Hè đỏ lửa trở thành một chứng tích lịch sử nổi tiếng khắp toàn cầu.

Đường mòn Hồ Chí Minh - đường Trường Sơn - con đường huyền thoại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, suốt 16 năm chiến đấu và chiến thắng oanh liệt đã làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang.

Đường 9 - Khe Sanh - con đường chiến lược huyết mạch mà các thế lực xâm lược sử dụng cho các cuộc chiến tranh bẩn thỉu đã trở thành nỗi kinh hoàng của chúng. Đối với người Mỹ, Khe Sanh trở thành

"Khe Tử", là nơi quân xâm lược Mỹ phải trả giá đắt bằng máu và ghi đậm chứng tích thảm bại của chúng ở Việt Nam.

Đảo Cồn Cỏ hiên ngang giữa trùng khơi, đánh tan cuồng vọng đen tối của kẻ thù. Đảo đã hai lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng và được Bác Hồ khen tặng là một địa danh sáng ngời khí phách.

Vinh Linh lũy thép, nhân loại biết đến như một địa danh kiêu hãnh và oai hùng không thể nào quên.

Nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Đường 9, nghĩa trang Liệt sĩ quốc gia Trường Sơn và 70 nghĩa trang liệt sĩ khác (nơi yên nghỉ của gần 60 nghìn người con ưu tú từ mọi miền đất nước) đã biến Quảng Trị thành "cõi thiêng" trong tâm khảm nhân loại tiến bộ.

Sông Thạch Hãn, sông Ba Lòng, suối La La đã đi vào thi ca và sẽ còn vang vọng mãi...

Trong cuốn sách nhỏ này, tôi không thể viết đầy đủ tất cả những gì đã diễn ra trong suốt 8 năm (gần ba nghìn ngày) kể từ Tết Mậu Thân 1968 đến mùa Xuân 1975 - Thời gian tôi đã chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị - khoảng thời gian oanh liệt, đáng nhớ nhất của cuộc đời. Tôi chỉ ghi lại những sự kiện gắn liền với những đồng đội của tôi cùng những người dân Quảng Trị kiên trung, đã đùm bọc

gắn bó, chia lửa trong từng trận chiến đấu, từng chiến dịch. Có người đã vĩnh viễn nằm lại trên chiến trường, có người đã trở thành cán bộ lãnh đạo cao cấp trong quân đội, có người đang hoạt động trên các lĩnh vực công tác khác nhau do xã hội phân công. Dù ở đâu, cương vị công tác nào, hình ảnh Quảng Trị vẫn luôn luôn hiện lên gần gũi thân thương trong tâm trí mọi người.

Năm tháng qua đi, đất nước đang tiến nhanh về phía trước nhưng lịch sử luôn còn đó, sáng ngời. Những chiến công vang dội, những tên người tên đất trên mảnh đất thiêng Quảng Trị mãi mãi in đậm trong lịch sử. Những cánh rừng, ngọn núi ngùn ngụt lửa đạn, những chiến địa loang máu giặc đã trở thành nông trường, nhà máy... Nhưng những địa danh Đường 9 - Khe Sanh, Tà Cơn, Cồn Tiên, Dốc Miếu, Sa Mưu, Tân Lâm, Đông Hà, Cửa Việt, Phu-lô, đồi Không Tên, con suối La La... sẽ không bao giờ phai mờ trong ký ức của quân dân Quảng Trị cũng như quân dân cả nước.

Trên mảnh đất này, quá khứ anh hùng trong chiến tranh giải phóng đã, đang và sẽ mãi mãi tạo nguồn sức mạnh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bài học về ý chí, nghị lực cách mạng, dũng khí tiến công và truyền thống quyết thắng vẫn còn nguyên giá trị đối với chúng ta.

Cuộc Hội thảo *Du lịch hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội* càng làm tôi thêm bồi hồi, xúc động nhớ về những kỷ niệm sâu sắc thiêng liêng - Một thời Quảng Trị. Vâng! Đó là một thời hào hùng, không thể nào quên.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chương hai

BẮC QUẢNG TRỊ TRONG CUỘC TIẾN CÔNG NĂM 1968

Tháng 12 năm 1967, Bộ Chính trị ra nghị quyết lịch sử: Chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam của ta sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Bộ Chính trị nhận định: Do những thất bại có tính chất chiến lược của Mỹ ở miền Nam và do những thắng lợi to lớn của ta trong năm 1967, địch khó có khả năng mở cuộc phản công lần thứ ba. Xu thế của tình hình trong cả năm 1968 là chúng sẽ càng chuyển vào phòng ngự một cách bị động hơn... Về phía ta, Bộ Chính trị cho rằng: Chúng ta đã thắng địch cả về chiến lược, chiến thuật, lực lượng quân sự và chính trị của ta ở miền Nam đã lớn mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào, ta đang nắm quyền chủ động trên khắp các chiến trường... Bộ Chính trị kết luận: Diễn biến cơ bản của tình hình là ta đang ở thế thắng, thế chủ động

và thuận lợi, địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 (tháng 1 năm 1968), quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 12 năm 1967) và hạ quyết tâm: Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách trong thời kỳ mới là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định.

Bộ Chính trị dự kiến về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy có thể phát triển theo ba khả năng:

Khả năng thứ nhất, ta thắng lớn, địch phải chịu thua và kết thúc chiến tranh.

Khả năng thứ hai, ta thắng ở nhiều nơi, nhưng địch củng cố được lực lượng và chống cự lại.

Khả năng thứ ba, Mỹ sẽ tăng thêm nhiều lực lượng mở rộng chiến tranh ra cả miền Bắc, sang Lào và Cam-pu-chia.

Nhưng dù tình hình thế nào, ta cũng kiên quyết liên tiếp tiến công địch cho đến khi chúng bị thất bại hoàn toàn.

Tại chiến trường Quảng Trị, ta chủ trương mở chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô

lớn ở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị, xem đó là một trong những mặt trận của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968. Đây là đòn chính của bộ đội chủ lực nhằm thu hút quân cơ động Mỹ, tiêu diệt một bộ phận, vây hãm và giam chân tiêu hao chúng, tạo thế cho các chiến trường khác.

Trên tuyến Đường số 9, từ Cửa Việt đến Lao Bảo, quân địch có 45 nghìn tên, trong đó có 28 nghìn quân Mỹ, gồm ba trung đoàn lính thủy đánh bộ tăng cường, chín tiểu đoàn pháo binh, ba tiểu đoàn và một đại đội cơ giới... được tổ chức thành một tuyến phòng ngự ngăn chặn quân ta từ miền Bắc tiến công hoặc thâm nhập qua giới tuyến quân sự tạm thời.

Lực lượng tác chiến chiến dịch của ta bao gồm lực lượng thuộc Mặt trận Đường số 9 - Bắc Quảng Trị đang hoạt động tại chỗ và lực lượng mới được Bộ điều vào tham gia chiến dịch gồm bốn sư đoàn và một trung đoàn bộ binh, một đoàn và năm đại đội đặc công, năm trung đoàn pháo binh, ba trung đoàn pháo cao xạ, một trung đoàn và hai tiểu đoàn công binh, bốn đại đội xe tăng, một đại đội súng phun lửa cùng các lực lượng bảo đảm.

Mở đầu chiến dịch Đường số 9 - Khe Sanh, đêm 20 tháng 1 năm 1968 (10 ngày trước khi bắt đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân) quân ta nổ súng tiến công quận lỵ Hướng Hóa, tiêu diệt phần lớn quân địch đồn trú.

Ngày 24 tháng 1 năm 1968, quân ta tiến công Huội San, 400 quân nguy Lào chạy thoát về Làng Vây.

Ngày 31 tháng 1 năm 1968, quân ta tiến công chi khu Cam Lộ.

Từ ngày 20 tháng 1 đến ngày 7 tháng 2 năm 1968 quân ta tiến công tiêu diệt một số cứ điểm phía tây, mở thông Đường số 9, đưa lực lượng vào vây hãm Tà Cơn và tiêu diệt quân địch ở cứ điểm Làng Vây - một cứ điểm mạnh của địch.

Ngày 8 tháng 2 năm 1968, quân ta tổ chức tiến công vây hãm Tà Cơn. Lúc đầu quân ta dùng pháo binh và các loại hỏa lực khống chế các căn cứ, nhưng máy bay lên thẳng địch vẫn hạ cánh và máy bay vận tải địch vẫn thả dù tiếp tế được. Trước tình hình đó, ta chủ trương chuyển sang xây dựng trận địa sát căn cứ, thực hiện chiến thuật vây lấn. Mũi vây lấn phía tây sân bay Tà Cơn đã xuyên vào giữa hàng rào, cách chiến hào địch khoảng 50 mét. Ta đưa lực lượng hỏa lực nhẹ và súng bắn tỉa vào sát căn cứ địch, uy hiếp mạnh tinh thần và tâm lý binh sĩ Mỹ. Lúc này, quân địch đang bị thu hút vào việc giải toả thành phố Huế và các đô thị khác nên viện binh địch vẫn chưa ra Đường số 9.

Trước yêu cầu đòi hỏi cấp thiết của chiến trường, theo sự chỉ đạo của Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 quyết định thành lập Trung đoàn 27

gồm ba tiểu đoàn: Tiểu đoàn 9, Tiểu đoàn 43, Tiểu đoàn 44, ba cơ quan trung đoàn và các đơn vị trực thuộc. Đồng chí Hà Tiềm giữ chức Trung đoàn trưởng, đồng chí Đoàn Sáu giữ chức Chính ủy, đồng chí Trần Thất giữ chức Trung đoàn phó, đồng chí Ngô Chí Bình giữ chức Phó Chính ủy, đồng chí Lê Sinh giữ chức Tham mưu trưởng và đồng chí Võ Xuân Tần giữ chức Chủ nhiệm chính trị trung đoàn.

Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 271 của Quân khu 4 được điều về Trung đoàn 27 lấy phiên hiệu Tiểu đoàn 1. Tiểu đoàn 43 thuộc tỉnh đội Nghệ An thành lập năm 1961, được điều về Trung đoàn 27 lấy phiên hiệu Tiểu đoàn 2. Tiểu đoàn 44, tỉnh đội Hà Tĩnh thành lập năm 1964, được điều về Trung đoàn 27 lấy phiên hiệu Tiểu đoàn 3.

Ba cơ quan trung đoàn và các đơn vị trực thuộc được rút từ cơ quan và đơn vị chủ yếu của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Ngày 8 tháng 2 năm 1968, Đảng ủy Trung đoàn 27 họp phiên đầu tiên tại xã Nam Anh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An dưới sự chủ trì của Chính ủy kiêm Bí thư Đảng ủy Trung đoàn Đoàn Sáu. Tham dự buổi họp đầu tiên của Đảng ủy Trung đoàn có đồng chí Lê Quang Hòa - Chính ủy Quân khu 4 thay mặt Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ đạo

hội nghị. Trong không khí hào hứng phấn khởi, các đồng chí trong Đảng ủy sôi nổi thảo luận những chủ trương và biện pháp lãnh đạo xây dựng Trung đoàn 27 thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao. Biết bao nhiêu việc cấp thiết đặt ra, việc nào cũng có ý nghĩa quan trọng riêng của nó nên việc thực hiện khâu then chốt nhất để tập trung xây dựng trung đoàn lúc này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Thời gian lên đường vào chiến trường Quảng Trị chiến đấu đang thoi thúc từng ngày, do đó Đảng ủy Trung đoàn xác định: Để trung đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu, trước hết phải xây dựng và củng cố vững chắc hệ thống tổ chức Đảng, đặc biệt là các chi bộ ở đại đội, đồng thời giải quyết đúng đắn vấn đề sắp xếp cán bộ, mạnh dạn đề bạt và bổ nhiệm cán bộ trẻ đã qua thử thách chiến đấu. Điều chỉnh một số cán bộ giữa các đại đội trong tiểu đoàn và giữa các tiểu đoàn, đơn vị và cơ quan, tạo sự đồng đều giữa các đơn vị. Chủ trương này được các đồng chí trong Đảng ủy Trung đoàn nhất trí cao.

Cũng từ đó, ngày 8 tháng 2 trở thành ngày truyền thống của Trung đoàn Đỏ Nghệ An - Trung đoàn 27.

Ngay sau khi thành lập được ít ngày, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 nhận lệnh chuyển đến huyện Nam

Đàn và Hưng Nguyên (Nghệ An) chờ lệnh vượt sông Lam. Tiểu đoàn 3 cũng được lệnh hành quân gấp lên phía tây Hà Tĩnh trên trục đường 15. Các đơn vị trực thuộc lần lượt tách khỏi đội hình Quân khu về vị trí tập kết chuẩn bị hành quân vào Bắc Quảng Trị.

Điểm tập trung của ngày thành lập trung đoàn cũng là điểm chuẩn bị xuất phát hành quân chiến đấu. Do điều kiện không cho phép, cả trung đoàn không tập trung làm lễ xuất quân. Tuy vậy, trong lòng mỗi cán bộ, chiến sĩ đều dấy lên niềm vinh dự, tự hào được đứng trong đội hình Trung đoàn Đỏ, ra đi từ quê Bác kính yêu.

Bộ Tư lệnh Quân khu 4 đã kịp thời chỉ thị cho các huyện đội tiếp tục bổ sung quân số cho Trung đoàn 27 trên dọc đường hành quân. Các cơ quan trong Quân khu đều cử những cán bộ, chiến sĩ nhiều kinh nghiệm ưu tiên bổ sung cho Trung đoàn 27. Cán bộ về nhận nhiệm vụ ngay trên đường hành quân. Cấp trên gấp gả giao nhiệm vụ cho cấp dưới cũng tranh thủ lúc nghỉ giải lao sau mỗi chặng hành quân.

Ngày 20 tháng 2 năm 1968, Tiểu đoàn 3 đã có mặt ở xã Vĩnh Chấp thuộc khu vực Vĩnh Linh nằm trên trục quốc lộ số 1 cách sông Bến Hải 15 ki-lô-mét. Tuy bị máy bay và pháo hạm Mỹ đánh phá ác liệt

hòng hủy diệt vùng đất giáp ranh này, nhưng nhân dân Vĩnh Cháp vẫn ngày đêm kiên cường bám trụ xây dựng và bảo vệ quê hương. Vĩnh Cháp đã trở thành pháo đài bất khả xâm phạm trong những năm dài đánh Mỹ. Vĩnh Cháp là hậu cứ, là vị trí dừng chân cuối cùng để các đơn vị trong trung đoàn làm công tác chuẩn bị trước khi vượt sông Bến Hải vào chiến trường Bắc Quảng Trị chiến đấu theo chỉ thị của Mặt trận B5.

Ngày 26 tháng 2 năm 1968, cả Trung đoàn 27 chúng tôi tổ chức vượt sông Bến Hải. Đội hình chiến đấu của trung đoàn kéo dài từ cao điểm 31 đến căn cứ Cồn Tiên. Theo nhiệm vụ trung đoàn giao thì các tiểu đoàn phải độc lập tác chiến trên từng khu vực.

Đêm vượt sông Bến Hải vào chiến trường Quảng Trị, đại bộ phận trung đoàn vượt sông ở thượng nguồn. Riêng Tiểu đoàn 3 của tôi vượt sông Bến Hải bằng những chiếc đò của du kích xã Vĩnh Giang và bằng tất cả các phương tiện có thể: mủng chuối, nylon làm phao và bằng cả dây song giăng qua sông. Trời mưa dầm dề, máy bay địch vẫn quần lượn thả pháo sáng, ném bom những khu vực chúng nghi có bến vượt của quân ta. Pháo địch từ căn cứ Dốc Miếu, Quán Ngang, Ái Tử, Đông Hà... bắn dọc bờ sông ngăn chặn quân ta vượt sông. Quân Mỹ và lính ngụy đã phát hiện ra bến sông này, nhưng

chúng vẫn không tài nào ngăn nổi những chuyến dò đưa bộ đội qua sông. Máy bay Mỹ thả bom từ trường, bom nổ chậm, nhưng với những chiếc xuồng cao su của các đơn vị công binh Mặt trận B5, những chiếc thuyền nan và những mảng chuối của bộ đội và dân quân xã Vĩnh Giang, Vĩnh Trường chúng tôi vẫn luôn lách vượt qua sông Bến Hải.

Người chiến sĩ hy sinh đầu tiên của Trung đoàn 27 là Dương Văn Dũng - Tiểu đội phó - Tiểu đoàn 2, quê Lục Tây, Kỳ Văn, Kỳ Anh, Hà Tĩnh¹. Anh bị bom tọa độ, hy sinh ngày 27 tháng 2 năm 1968. Anh được an táng tại xã Vĩnh Hiền, Vĩnh Linh.

Tiểu đoàn 3 sau khi vượt sông Bến Hải đã bí mật luồn sâu vào khu vực Lâm Xuân, Hoàng Hà Thượng, Tây Giáp ở đông nam huyện Gio Linh.

Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 bám theo trục đường 76 Gia Bình, Gio An. Qua hai đêm hành quân, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 đều chạm phải thám báo Mỹ. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 Nguyễn Xuân Hùng trao đổi với Chính trị viên Trần Văn Châu:

- Thời cơ đánh địch đã đến, chúng ta tổ chức cho tiểu đoàn chiến đấu càng sớm càng tốt, vừa đánh địch vừa đưa dân đội hình vào căn cứ Cồn Tiên.

1. Quê quán của các liệt sĩ trong tác phẩm này tôi viết lại theo trí nhớ của mình, nên có thể có chỗ chưa thật chính xác, mong gia đình các liệt sĩ và bạn đọc lượng thứ.

Tiểu đoàn trưởng Hùng chỉ vào tấm bản đồ, nói tiếp:

- Ta đưa bộ đội bí mật dừng chân ở làng Trung Sơn. Cán bộ tiểu đoàn, đại đội cùng đi trinh sát nắm địch. Theo trên cho biết, bọn thám báo Mỹ thường ở làng Xuân Hải đi sục sạo xuống làng Gia Bình và làng Tân Thành. Do vậy, ý định của tôi là chọn làng Gia Bình làm trận địa phục kích.

Chính trị viên Trần Văn Châu bổ sung thêm:

- Tôi nhất trí ý kiến của Tiểu đoàn trưởng chọn Gia Bình làm trận địa phục kích. Nhưng yêu cầu đặt ra cho đơn vị là phải hết sức giữ bí mật, bất ngờ, giấu kín lực lượng, tuyệt đối không để cho địch biết đơn vị mới vào tham gia chiến đấu.

Làng Gia Bình thuộc xã Gio An nằm kề trục đường đất từ Côn Tiên đi Xuân Hải, phía bắc giáp Trung Sơn, phía nam giáp Linh Hải. Phương án tổ chức trận địa phục kích được nhanh chóng triển khai. Đại đội 1, Tiểu đoàn 2 đảm nhiệm việc tổ chức lực lượng bám sát trục đường từ làng Gia Bình đi Xuân Hải, Trung Sơn.

Theo phương án chiến đấu, địch có thể từ Dốc Sỏi sang hoặc từ cao điểm 39 xuống. Nếu đúng, cứ để cho bọn thám báo Mỹ lọt hẳn vào trận địa phục kích của ta lúc đó mới nổ súng chặn đầu, khóa đuôi rồi đồng loạt tiến công tiêu diệt chúng.

Đêm 2 tháng 3 năm 1968, các tổ phục kích của ta triển khai xong, bí mật đào công sự chiến đấu. Pháo địch ở căn cứ Dốc Sỏi vẫn bắn cầm canh từ làng Gia Bình đến làng Xuân Hải. Trận địa pháo của địch ở Dốc Miếu nã từng loạt ra bờ sông Bến Hải. Chiến sĩ ta vẫn kiên nhẫn hoàn thiện công sự chiến đấu, rồi bí mật ngụy trang, lặng lẽ chờ đợi.

Trời sáng dần, pháo ở các căn cứ địch bắn ra phía bắc càng dày hơn. Cán bộ chỉ huy tranh thủ đi kiểm tra lại trận địa chiến đấu. Đài quan sát đặt ở cây đa làng Gia Bình liên tục thông báo tình hình bằng các tín hiệu đã được quy định cho chỉ huy tiểu đoàn. Mọi động thái của địch vẫn như thường lệ, chứng tỏ chúng vẫn chưa phát hiện ra lực lượng của ta có mặt ở khu vực này.

Đúng như dự kiến của ta, trời vừa sáng bọn thám báo Mỹ bắt đầu đi lùng sục, khoảng một trung đội. Chúng chia làm ba tốp theo trục đường mòn vào làng Gia Bình. Chiến sĩ ta nhìn rõ từng tên lính Mỹ mặc áo rằn ri trên lưng đeo chiếc ba lô to sụ, súng lăm lăm trong tay lặng lẽ hành quân qua trước mặt. Khi quân địch lọt hết vào trận địa phục kích, tổ chặn đầu nổ súng. Bằng những loạt súng AK đánh gọn, ta đã diệt ngay tốp địch đi đầu. Bị đòn bất ngờ, lính Mỹ hốt hoảng lùi lại,

bắn loạn xạ. Lúc này Đại đội 1 đồng loạt bắn súng AK, trung liên, ném lựu đạn vào đội hình quân Mỹ. Lính Mỹ chui vào các gò đất, gốc cây chống trả.

Đại đội trưởng ra lệnh cho bộ đội đánh nhanh, không cho địch tháo chạy và gọi pháo binh bắn vào trận địa. Bọn thám báo Mỹ bị ghìm lại, không ngóc đầu lên được. Bộ đội ta lợi dụng địa hình bám sát, dùng súng AK điểm xạ ngăn tiêu diệt chúng. Một số tên sống sót, liều mạng vứt súng, quăng ba lô chạy tháo thân, các tổ chiến đấu của ta truy sát tiêu diệt.

Chỉ sau 30 phút chiến đấu, trung đội thám báo Mỹ đã bị tiêu diệt. Đơn vị rút vào làng Gia Bình để củng cố, chuẩn bị cho những trận đánh tiếp theo.

Về phía ta, trong trận chiến đấu đầu tiên này, có bốn đồng chí đã anh dũng hy sinh, đó là Tiểu đội trưởng Lê Viết Thuật, quê Liên Minh, Diễn Nghĩa, Diễn Châu, Nghệ An; chiến sĩ Hồ Xuân Vinh, quê Quỳnh Yên, Quỳnh Lưu, Nghệ An; chiến sĩ Lê Minh Ngọc, quê Bản Mon, Thạch Giám, Tương Dương, Nghệ An; chiến sĩ Nguyễn Văn Linh, quê Phú Linh, Diễn Tân, Diễn Châu, Nghệ An. Thi hài của các anh được đơn vị chuyển về xã Vĩnh Trường, Vĩnh Linh làm lễ truy điệu và an táng.

Ngày 4 tháng 3 năm 1968, tại làng Gia Bình được tin một đại đội lính Mỹ nổ súng ra nhằm bảo vệ vòng ngoài cho căn cứ Cồn Tiên và Dốc Miếu, Tiểu đoàn 2 dùng một đại đội tăng cường chặn đánh đại đội Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu 150 tên.

Trận thắng ngày 4 tháng 3 của Đại đội 1 Tiểu đoàn 2 làm cho cán bộ, chiến sĩ trung đoàn phấn chấn hẳn lên. Ban chỉ huy Tiểu đoàn 2 hạ quyết tâm thừa thắng xông tới, kiên quyết không cho địch đánh chiếm bàn đạp, luôn giữ yếu tố chủ động, bí mật, bất ngờ.

Về phía địch, sau khi chạm trán với ta ở Gia Bình, lữ đoàn kỵ binh bay số 1 vừa được tăng cường ra hướng này cay cú dồn quân ra phía đông bắc Cồn Tiên. Nắm được ý định của địch, Ban chỉ huy Trung đoàn 27 chỉ thị ngay cho Tiểu đoàn 2 nhanh chóng triển khai lực lượng đánh quân giải tỏa Cồn Tiên, không cho chúng chiếm con đường từ An Nha đi Võ Xá, cố gắng cắt đứt trục đường từ Cồn Tiên qua Long Sơ sang Dốc Miếu. Kết hợp với đơn vị bạn thực hiện vây ép Cồn Tiên từ ba phía theo kế hoạch của Bộ chỉ huy Mặt trận B3.

Địch cho rằng ta đánh xong thường rút ra ngoài để củng cố nên chúng tiếp tục cho quân nổ súng ra làng Gia Bình. Trong khi đó, Tiểu đoàn 2 sau khi

diệt trung đội thám báo Mỹ đã được lệnh trụ lại Gia Bình tăng cường lực lượng sẵn sàng đánh địch.

Một đại đội lính Mỹ thuộc sư đoàn kỵ binh bay số 1 hành quân đến Gia Bình. Chúng triển khai đào công sự, dựng lều bạt trong vườn cây đã bị bom pháo làm gãy đổ, xơ xác. Tiểu đoàn 2 lệnh cho Đại đội 2 và Đại đội 3 đang ở vị trí tập kết (làng Trung Sơn) xuất kích sang phối hợp với Đại đội 1 chiến đấu. Khi trinh sát xác định đúng vị trí của lính Mỹ, Tiểu đoàn trưởng phát lệnh tiến công. Cơn mưa đêm vừa tạnh để lại nhiều vũng nước, quanh miệng hố bom, hố pháo, bùn đất nhão ra dính chặt vào dép cao su làm cho anh em vận động rất vất vả.

Phát hiện ra hướng tiến công của ta, lính Mỹ bắn như vãi đạn. Trung đội trưởng Trung đội 1, Đại đội 2, Tiểu đoàn 2 Lê Ngọc Thu, quê Tiên Sơn, Thanh Hưng, Thanh Chương, Nghệ An dẫn đầu trung đội tiến lên. Được khẩu đại liên của đại đội bắn chi viện, trung đội của Thu vừa chi viện cho nhau bằng những loạt AK điểm xạ ngắn, vừa nhằm vào những tên lính Mỹ cao to mà diệt. Bị ta đánh mạnh, chia cắt, chúng co cụm từng tổ nhỏ chống trả. Mãi tiến công Lê Ngọc Thu không để ý đến một tên Mỹ bị thương, cách anh cự ly rất gần. Tên Mỹ giơ súng bắn, anh ngã xuống. Các chiến sĩ Trung đội 1 vô cùng thương tiếc người chỉ huy của mình

đã xông lên, dồn cầm thù vào những đường đạn diệt hết tên Mỹ này đến tên Mỹ khác.

Ở một hướng khác, Trung đội trưởng Phan Sỹ Công, quê ở Thái Nguyên, Trảng Sơn, Đô Lương, Nghệ An cũng dẫn đầu trung đội tiến công một cụm lính Mỹ. Sau khi đã diệt được ba tên, Công dẫn trung đội vượt qua khu bãi bom trống. Kể từ lúc xuất kích, Trung đội trưởng Công chưa gặp tổ chiến đấu của Cao Như Thiêm (quê anh ở Tùng Lâm, Diễn Tháp, Diễn Châu, Nghệ An). Công biết tổ của Thiêm không phải bị lạc mà có lẽ đang tiến sâu về phía địch, bởi lúc mới nổ súng anh em còn nhìn thấy Thiêm cho tổ nhanh chóng vượt qua bờ ruộng để diệt tổ địch đang cụm lại bắn tạt sườn sang phía Trung đội 2. Trung đội trưởng Công vừa chỉ huy chiến đấu vừa quan sát dò tìm tổ chiến đấu của Thiêm. Anh linh cảm tổ của Thiêm đang bị lính Mỹ bao vây. Đúng như vậy, cuộc chiến đấu không cân sức giữa tổ ba người của Cao Như Thiêm với một trung đội Mỹ diễn ra quyết liệt. Hai chiến sĩ là Nguyễn Văn Toại, quê Tiên Phong, Lam Sơn, Đô Lương, Nghệ An và chiến sĩ Nguyễn Văn Đồng, quê Lĩnh Lam, Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An đã anh dũng hy sinh.

Lính Mỹ phát hiện hướng này chỉ còn một tay súng, chúng tụ lại mỗi lúc một đông. Thiêm yên lặng chờ lính Mỹ xông vào thật gần mới nổ súng,

diệt ba tên Mỹ. Bọn Mỹ phía sau tức tối dùng súng phóng lựu, đại liên bắn tới tấp vào vị trí của Thiêm làm anh bị thương vào chân. Sau đợt bắn dữ dội, lính Mỹ lại xông lên, Thiêm tiếp tục nổ súng. Đạn trong băng vơi dần, anh bắn dè sẻn từng viên một. Thiêm bị thương lần thứ hai rồi lần thứ ba. Tên Mỹ chỉ huy ra lệnh cho bọn lính bao vây bắt sống. Thiêm đã bắn đến viên đạn cuối cùng. Địch ào tới. Mấy tên lính nguy cùng đám lính Mỹ thi nhau đâm đá bắt anh khai. Cao Như Thiêm nén đau im lặng. Rồi chúng mua chuộc bằng lời lẽ ngọt ngào. Thiêm giả vờ lịm đi không nghe thấy. Đứa hỏi, đứa đỡ anh dậy. Thiêm vẫn im lặng. Bọn địch nén tức giận, dụ dỗ anh.

Trong khi đó, các mũi tiến công của Đại đội 2, Tiểu đoàn 2 vẫn kiên quyết bám sát lính Mỹ, buộc chúng phải co dân lại để gọi pháo binh và máy bay đánh vào Gia Bình. Một số lính Mỹ đã tạt sang chân cao điểm 39. Đội hình chiến đấu của ta kéo dài từ thôn Gia Bình đến chân cao điểm 39.

Nghe tiếng súng của bộ binh ta nổ mỗi lúc một gần, bọn địch hoảng sợ, kéo Thiêm đi. Máu từ các vết thương của Thiêm rỏ ra thấm đất. Anh ghì mình nổi đau, giữ nét mặt bình thản trước kẻ thù. Biết không thể lung lạc được tinh thần của Thiêm, bọn địch dựng anh lên rồi lùi trở lại. Biết chúng

sẽ bắn mình, Cao Như Thiêm ráng sức dựa lưng vào cây đa, đứng thẳng, xoay người về hướng bắc, hô lớn:

Việt Nam nhất định thắng!

Hồ Chí Minh muôn năm!

...

Trận đánh kết thúc, Tiểu đoàn 2 đã diệt và làm bị thương 150 tên lính Mỹ, thu hàng chục khẩu súng các loại. Sau trận đánh, đồng đội vội vã đi tìm Cao Như Thiêm. Bên gốc đa, người anh đầy vết đạn, máu chảy đầm đìa. Tất cả nghiêng mình trước người chiến sĩ ưu tú của Trung đoàn 27, người con yêu dấu của quê hương Nghệ An đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Sau này, bà con cô bác ở thị xã Đông Hà nghe bọn lính ngụy sống sót chạy về kể lại, cả bọn đều nể phục tấm gương hy sinh cao cả của người chiến sĩ Quân giải phóng.

Trong trận chiến đấu ngày 6 tháng 3 năm 1968, Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 27, ngoài Trung đội trưởng Lê Ngọc Thu, chiến sĩ Cao Như Thiêm hy sinh, còn có Trung đội trưởng Phạm Sỹ Công, quê Thái Nguyên, Trảng Sơn, Đô Lương, Nghệ An và ba chiến sĩ nữa là Lê Hữu Biên, quê Diễn Trường, Diễn Châu, Nghệ An; Nguyễn Văn Biên, quê Xóm Trung, Nghi Kiều,

Nghi Lộc, Nghệ An; Trần Ngọc Hà, quê Quỳnh Long, Quỳnh Lưu, Nghệ An hy sinh. Các đồng chí hy sinh trong trận ngày 6 tháng 3 năm 1968 đều được đơn vị đưa về an táng tại xã Vĩnh Trường, khu vực Vĩnh Linh.

Trong khi cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 chiến đấu với quân Mỹ ở Gia Bình nhằm giữ vững địa bàn để thực hiện nhiệm vụ vây ép căn cứ Cồn Tiên, thì cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 3 bí mật đưa đơn vị luồn sâu, tiến công địch ở phía đông quốc lộ số 1. Tiểu đoàn vừa chiến đấu vừa giúp địa phương xây dựng lực lượng vũ trang trong từng xã, từng thôn ấp. Thấy lực lượng chủ lực của ta hoạt động quanh quận Gio Linh, chỉ huy vùng 1 chiến thuật điều trung đoàn 2 ngụy (vừa co về Đông Hà để bổ sung quân số) cấp tốc hành quân cùng với quân Mỹ mở những cuộc càn ra vùng bắc và đông bắc huyện Gio Linh.

Bộ Tư lệnh Mặt trận B5 chỉ thị cho chỉ huy Trung đoàn 27 dùng Tiểu đoàn 3 triển khai chống càn. Các đại đội nhận nhiệm vụ chỉ kịp phổ biến sơ bộ cho bộ đội là tổ chức hành quân ngay. Đúng lúc đó du kích huyện Gio Linh đến báo với chỉ huy Tiểu đoàn 3 là địch đã vào làng Phúc Sa thuộc xã Gia Hà. Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Thiềng trao đổi với Chính trị viên Nguyễn Viên về sử dụng lực lượng:

- Tình hình cấp bách, tôi xuống lệnh cho Đại đội 1 xuất kích trước, anh tổ chức các đại đội còn lại khẩn trương hành quân. Anh động viên anh em mang đồ dùng gọn nhẹ, bám sát đội hình, giữ vững cự ly, không để thất lạc.

Anh Thiềng nói ngắn gọn rồi cùng mấy trinh sát tiểu đoàn khoác ba lô lao đi.

Đêm tháng 3, trời Gio Linh cao thăm thẳm. Trăng sáng, những vì sao nhấp nháy... Một dải mây vắt ngang trời. Gió thổi từng hồi, từng hồi dễ chịu. Những cồn cát trắng thấp thoáng lơ mờ phía trước hàng quân. Làng Phúc Sa trống trải nằm trên một bãi cát dài. Phía đông là những cồn cát, những cây gai, cây xương rồng, cây dừa dại mọc thành từng bụi lớn chạy dài hàng cây số.

Mờ sáng, Đại đội 1 đã có mặt giữa mấy cồn cát bao bọc phía đông, phía bắc làng Phúc Sa. Tiểu đoàn trưởng Thiềng cho bộ đội dừng lại đào công sự chiến đấu. Trong lúc bộ đội đào công sự thì Tham mưu trưởng tiểu đoàn Trần Nhật, Đại đội trưởng Vũ Xuân Tân cùng tổ trinh sát của tiểu đoàn do Vũ Đình Mai phụ trách cùng một số cán bộ trung đội luồn sâu vào làng Phúc Sa nắm địch. Trời sáng hẳn, bộ phận trinh sát nhìn rõ những tên lính ngủ, những chiếc xe tăng, xe bọc thép chuẩn bị đi càn.

Đại đội trưởng Tân ra lệnh cho mọi người quay về vị trí tập kết. Mọi người nhanh chóng vận động qua các cồn cát trống trải. Ai cũng cố gắng vượt nhanh để về chỉ huy bộ đội chiến đấu.

Đại đội trưởng Vũ Xuân Tân, quê Bắc Hải, Kỳ Hải, Kỳ Anh, Hà Tĩnh động viên hai cán bộ trung đội trưởng là Hoàng Xuân Sanh, quê xóm 9, Phúc Lộc, Cam Lộc, Hà Tĩnh và Nguyễn Văn Nở, quê Lộc An, An Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình cho bộ đội nhanh chóng triển khai đội hình. Anh vừa giao nhiệm vụ xong cho các trung đội trưởng thì bọn ngụy đã tràn vào trận địa. Gần một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 2 ngụy chia làm nhiều hướng đánh chiếm các cồn cát phía bắc làng Phúc Sa để làm bàn đạp cho đợt càn quét ra quận lỵ Gio Linh. Toàn bộ đội hình Đại đội 1, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 27 dường như lọt thỏm vào giữa vòng vây quân địch. Đại đội phó Nguyễn Đình Đồng chỉ huy trận địa cối 60 ly và súng đại liên Đại đội 4 (đại đội trợ chiến của tiểu đoàn) gấp rút xây dựng trận địa.

Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Thiêng chỉ huy một hướng, Đại đội trưởng Vũ Xuân Tân chỉ huy một hướng. Tuy không có thời gian để bàn kỹ phương án tác chiến, nhưng các anh đều thâm hứa phải chiến đấu đến cùng, phá tan cuộc càn của địch, chia lửa với đồng đội đang ngày đêm vây ép lính Mỹ ở Khe Sanh và Tà Cơn.

Phát hiện được lực lượng của ta, bọn chỉ huy trung đoàn 2 ngay thúc lính ồ lên. Y vào thế đông, lính ngay ập đến. Vũ Xuân Tân ra lệnh cho khẩu đại liên nổ súng. Tiếng nổ đanh chắc của khẩu đại liên vang lên làm tan đi không khí im lặng và căng thẳng ban đầu. Tiếp sau khẩu đại liên là súng cối, AK, lựu đạn, thủ pháo ở các hướng nổ dồn dập... Trong khói súng mịt mù, Đại đội trưởng Vũ Xuân Tân lao như con thoi đến hết tổ chiến đấu này sang tổ chiến đấu khác để động viên, chỉ huy bộ đội chiến đấu.

Bị đòn bất ngờ, bọn nguy đưa chết, đưa bị thương kêu rên thảm thiết. Xác chúng rải lên các bãi cát của làng Phúc Sa. Mười phút chiến đấu, các chiến sĩ Đại đội 1 đã buộc đại đội lính nguy đi đầu phải chũng lại.

Khi nghe tổ trưởng trình sát báo cáo: "Địch đang co lại", Vũ Xuân Tân ra lệnh: "Các mũi tiến lên chiếm lấy vị trí địch vừa rút. Ưu tiên công sự cho hỏa lực B40, B41".

Pháo địch bắt đầu nã như cày phá mặt đất, cát, khói, chớp lửa cuộn lên thành đám cháy khổng lồ.

Chiến sĩ Đại đội 1 tranh thủ tiếp tục đào công sự. Lúc này anh em ta có thêm nhiều chiếc xẻng thu được của những lính nguy đã chết nằm la liệt ở

vị trí chiến đấu của mình. Anh em còn được bổ sung thêm súng, đạn, lựu đạn và cả lương thực, thực phẩm của địch ngay trên trận địa.

Pháo địch chưa hết, tám xe tăng và hơn một đại đội bộ binh của chúng đã tràn lên. Pháo trên xe tăng bắn trùm lên trận địa. Ba chiếc xe tăng liều mạng xông lên, Trung đội phó Trần Huy Quang, quê ở Trung Lân, Thạch Quý, Thạch Hà, Hà Tĩnh bình tĩnh diệt cả ba chiếc. Có chiếc chỉ cách trận địa ta 50 mét. Bắn xong, Quang đưa súng B40 cho Chiến lấp đạn. Anh cầm AK chạy sang Tiểu đội 2. Lính ngự đang tiến lên hồng đánh bật Tiểu đội 2 khỏi công sự chiến đấu. Tiểu đội phó Nguyễn Oánh chỉ huy tiểu đội đánh trả quyết liệt. Quang ra hiệu cho Oánh dẫn đội hình ra rồi cùng hai chiến sĩ trườn nhanh sang phía bắc. Ba khẩu AK nổ cùng một lúc, bọn địch bị đòn bất ngờ hốt hoảng tháo chạy. Cả tiểu đội xuất kích đánh chiếm gò đất cao phía trước, không cho xe tăng địch nhào lên yểm hộ cho hướng chính diện phát triển.

Tiểu đội phó Oánh vừa dẫn đội hình lao lên để chuẩn bị vị trí có lợi, thì bỗng nhiên ba chiến sĩ trong tiểu đội của anh dừng lại. Oánh quay lại thấy chiến sĩ Bình đang cõng Trung đội phó Trần Huy Quang. Thấy Oánh đến, Bình kêu lên:

- Anh Oánh ơi! Anh Quang...

Oánh lại gần đỡ Quang vào lòng. Đôi môi Quang mấp máy, khuôn mặt dần dần tái nhợt. Quang nói dứt đoạn:

- Các cậu... đừng vì mình... mà ảnh hưởng đến trận đánh... cứ để mình nằm đây... phải giữ vững quyết tâm chiến đấu...

Quang còn định nói điều gì đó, nhưng không thể... Cả tiểu đội lặng đi... Giọng Oánh trầm trầm rồi rít lên:

- Thôi! Chúng ta đành để anh Quang tạm nằm lại. Tất cả theo tôi tiến lên.

Không ai nói ra, nhưng cả tiểu đội đều thầm hứa: "Giữ vững quyết tâm chiến đấu". Và rồi, tiểu đội Oánh đã chặn đứng cụm xe tăng địch đang cố sức chọc thủng trận địa Đại đội 1 ở phía đông.

Qua một ngày chiến đấu liên tục, chiến sĩ Đại đội 1 vẫn bám trụ kiên cường. Mặc dù trận đánh diễn ra bất lợi cho ta bởi lực lượng địch đông gấp bội lại có xe tăng, pháo binh chi viện, nhưng Đại đội 1 đã chặn đứng cuộc càn của địch, thực hiện quyết tâm trên giao.

Về phía địch, chúng chưa từ bỏ âm mưu càn ra phía bắc quận lỵ Gio Linh. Ngay trong đêm, chúng điều thêm xe tăng, bộ binh ra tiếp ứng cho quân đang kẹt ở Phúc Sa để hôm sau mở tiếp các đợt phản kích vào trận địa của ta.

Trước tình hình đó, chỉ huy Tiểu đoàn 3 điều Đại đội 2 do Chính trị viên Cù Huy Đường chỉ huy và điều hỏa lực còn lại của Đại đội 4 cùng lực lượng địa phương quyết tâm bẻ gãy cuộc càn của trung đoàn 2 ngày.

Đêm 10 tháng 3 năm 1968, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 3 không ngủ. Tất cả đều dốc sức chuẩn bị cho trận đánh ngày mai. Đất và cát trắng trên trận địa lúc này đã bị phủ lên một màu đen của thuốc bom đạn. Công sự qua một ngày chiến đấu bị sụt lở gần như hoàn toàn. Sau một đêm thức trắng, cả đơn vị đã củng cố hầm dưới những bụi xương rồng dày đặc và làm thêm được một số hố chiến đấu cá nhân, đồng thời tranh thủ mở rộng bàn đạp cho các phân đội hỏa lực lên phía trước trận địa.

Tại vị trí chỉ huy của Đại đội 1, Đại đội trưởng Vũ Xuân Tân nhắc lại phương án:

- Cả đại đội vừa đánh vừa đưa đội hình tiến sâu vào làng Phúc Sa để hạn chế thương vong do phi pháo địch. Tổ chức tốt các mũi thọc sâu, vu hồi khi có thời cơ. Các đồng chí chỉ huy các mũi, các hướng phải nắm được hỏa lực, chủ động tiến công, không được dừng lại khi địch bỏ chạy. B40, B41 phải phát huy hiệu suất cao hơn, nhằm mục tiêu là xe tăng địch.

Mọi người đều nhất trí phương án của Đại đội trưởng Tân, hăm hở chuẩn bị chiến đấu trước khi trời sáng.

Ngày 11 tháng 3 năm 1968.

Trời vừa sáng, xe tăng địch đã xuất hiện bắn như vãi đạn về phía trận địa ta. Bộ binh địch tập trung hỏa lực bắn mạnh vào các gò đất nổi lên giữa bãi cát để phá sập công sự của ta. Lính ngụy được xe tăng yểm trợ liều lĩnh xông lên đánh chiếm một số chốt phía trước trận địa Đại đội 1. Chốt ta và chốt địch xen kẽ nhau. Có nơi chiến sĩ ta phải giành giật từng công sự, từng gò đất.

Ở hướng Trung đội 1, cuộc chiến đấu giằng co, Chính trị viên Đại đội 2, quê ở Sơn Hà, Hương Sơn, Hà Tĩnh cùng Trung đội trưởng Cháp chỉ huy một hướng. Cháp nói anh em đào hầm dưới những bụi xương rồng và dứa dại để tránh pháo, địch xông lên là điểm xạ ngắn vừa tiết kiệm đạn, vừa để địch không phát hiện được. Chiến sĩ Nguyễn Đình Xuân, quê Kim Triều, Sơn Phúc, Hương Sơn, Hà Tĩnh vừa diệt được hai tên thì hy sinh vì đạn phóng lựu của địch. Anh là người lính đầu tiên của Đại đội 2 ngã xuống ở Phúc Sa.

Nhìn rõ tên địch vừa bắn súng phóng lựu (M79) làm Xuân hy sinh, Cháp nâng khẩu AK bóp cò, tên địch chới với rồi ngã gục xuống.

Trận đánh càng về trưa càng diễn ra quyết liệt. Dịch cho máy bay ném bom, bắn rốc-két trùm lên trận địa. Chúng bắn bừa xuống cả những nơi quân ta và lính ngụy đang giành nhau từng gò đất, hố bom. Đến lúc này các tổ chiến đấu của Đại đội 1 và Đại đội 2 hầu như không còn công sự, chiến sĩ ta lợi dụng hố bom, hố pháo, bờ đất, gốc cây để chiến đấu. Dạn vơi dần, nhiều tổ chiến đấu phải dùng vũ khí của địch đánh địch. Dạn B40, B41 phải để dành diệt xe tăng và xe cơ giới địch. Chiến sĩ ta đánh giặc không kịp ăn, không kịp ngủ. Quản lý Trần Kim Định, quê xóm 3, Vượng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh; y tá Lê Xuân Điền, quê Phúc Thành, Kỳ Thượng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh cũng cầm súng chiến đấu. Cán bộ đại đội luôn có mặt ở những vị trí hiểm yếu nhất. Các anh vừa là người chỉ huy vừa là mũi nhọn tiến công trong mỗi lần xuất kích.

Trong lúc địch giãn đội hình ra phía sau chõ bom pháo chi viện, Chính trị viên đại đội Lộc tranh thủ đến hội ý với Đại đội trưởng Tân. Thấy chính trị viên đến, chiến sĩ liên lạc Nguyễn Chí Công dừng đào công sự cầm súng cảnh giới. Đại đội trưởng Tân chỉ vào Công nói với Chính trị viên Lộc:

- Anh xem, Công khá đấy. Cậu ta rất nhanh ý, truyền lệnh đến các trung đội nhanh như sóc, chính xác, lúc địch lên thì đánh rất gan. Công mới đánh trận đầu nhưng tỏ ra rất vững vàng, chững chạc.

Chính trị viên Lộc nhìn Công, và nói:

- Đúng thật! Cậu này rồi sẽ khá đây!

Lộc nói với Tân:

- Trong những lúc ngót tiếng súng, ta tranh thủ động viên anh em, nhất là những chiến sĩ mới. Thật cần kíp mới cho anh nuôi chiến đấu, phải để anh nuôi lo cơm nước cho anh em đủ sức chiến đấu lâu dài.

Từ vị trí cảnh giới, Công lao về báo cáo:

- Xe tăng địch đang tiến về hướng Trung đội 2, thủ trưởng ạ.

Lập tức Vũ Xuân Tân khoác khẩu AK, đeo thêm khẩu phóng lựu lấy được của địch, tay cầm khẩu B40 chạy sang hướng Trung đội 2. Công chạy theo Đại đội trưởng. Chạy được một quãng, Đại đội trưởng Tân nâng khẩu B40 lên, Công nhanh chóng bắn yểm hộ. Bất ngờ Công thấy một đụn khói ùn lên chiếc xe tăng địch. Đây là chiếc xe tăng thứ hai mà Đại đội trưởng Vũ Xuân Tân diệt trong ngày. Cùng lúc, cánh quân nóng lẩn của địch bị Trung đội 2 đánh vỡ mặt quyết liệt buộc chúng phải lùi ra ngoài.

Qua hai ngày đi càn, một tiểu đoàn địch tăng cường có xe tăng, pháo chi viện vẫn không vượt qua được địa phận làng Phúc Sa. Đã hai ngày đêm, cán

bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 3 quần nhau với địch và đã chặn đứng cuộc càn ngay từ điểm xuất phát của chúng. Trong làng, cán bộ cơ sở tranh thủ đi tuyên truyền, giác ngộ cách mạng trong nhân dân và cả những tàn binh địch bỏ chạy. Một số thương binh nặng của Tiểu đoàn 3 được bà con đưa về chăm sóc, cứu chữa ngay trong đêm. Biết bộ đội đánh địch liên tục không có thời gian nghỉ ngơi ăn uống, trời tối bà con mang cơm nước, bông băng ra cho bộ đội. Việc làm của bà con cô bác đã tiếp thêm sức mạnh cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 3 chiến đấu.

Bước sang ngày 13 tháng 3, trận chiến đấu tại làng Phúc Sa ngập chìm trong khói lửa. Biết không thể đẩy lùi được lực lượng ta, quân địch tập trung pháo bắn phá dữ dội vào các khu vực xung quanh làng Phúc Sa, nhằm chặn đường chi viện của ta từ phía bắc. Các côn cat ở phía bắc, phía đông làng Phúc Sa bị cày xới, bạt đi như thấp dần.

Pháo kích ác liệt đã gây tổn thất lớn cho ta. Chính trị viên Cù Huy Đường, quê Sơn Tân, Hương Sơn, Hà Tĩnh và Trung đội trưởng Nguyễn Văn Cháp, quê Hoàng Xá, Quyết Thắng, Thanh Hà, Hải Dương đã anh dũng hy sinh. Tôi được tiểu đoàn giao nhiệm vụ thay anh Cháp chỉ huy trung đội.

Dau đón thay, ở hướng Đại đội 1, Đại đội trưởng Vũ Xuân Tân khi đi kiểm tra các mũi chiến đấu

cũng bị hy sinh bởi "pháo bầy" của địch. Hai trung đội trưởng Hoàng Xuân Sanh và Nguyễn Văn Nở cũng ngã xuống do đạn pháo. Đại đội phó Nguyễn Đình Đồng, quê Lệ Xá, Lệ Thanh, Mỹ Đức, Hà Tây cũng hy sinh vì bị đạn pháo trong lúc đang chỉ huy chiến đấu.

Đại đội phó Đại đội 4 hỏa lực Nguyễn Đình Từ hy sinh do trúng đạn trọng liên của máy bay trực thăng địch... Hy sinh nối tiếp hy sinh. Lửa căm thù càng bốc lên rừng rực.

Lúc này thông tin liên lạc từ trận địa với tiểu đoàn chưa nổi được. Thương binh, tử sĩ vẫn phải nằm lại trận địa. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng để bảo vệ trận địa, bảo vệ thương binh, liệt sĩ. Khó khăn chồng chất tưởng như không thể vượt qua, nhưng không một ai nao núng! Cán bộ, chiến sĩ các trận địa vẫn chắc tay súng sẵn sàng đánh địch. Ai cũng đeo đầy lựu đạn, xung quanh công sự chiến đấu chất đầy các loại súng AK, B40, AR15, súng phóng lựu... Mỗi khi thấy cán bộ đến động viên, trên môi từng chiến sĩ vẫn nở nụ cười tươi, câu nói chung của mọi chiến sĩ là: "Anh yên tâm, chúng ta sẽ đánh thắng".

Sau hai ngày mở hàng chục đợt phản kích, địch vẫn không sao vượt qua nổi những cồn cát của làng Phúc Sa. Bước sang ngày thứ ba, bọn địch đã

huy động hỏa lực tối đa, tập trung đánh chiếm bằng được làng Phúc Sa. Nhưng bộ binh của chúng không tài nào tiến lên được. Quân địch đã bị cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 và Đại đội 2 đánh thiệt hại nặng.

Những trận đánh từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 3 năm 1968 ở làng Phúc Sa, là những trận chống càn đầu tiên của Trung đoàn 27 trên chiến trường Quảng Trị. Bộ đội ta phải chiến đấu liên tục, dài ngày trong điều kiện chưa được chuẩn bị, lại ở địa hình đồng bằng trống trải nên cường độ ác liệt càng tăng gấp bội. Tiểu đoàn 3 đã có 97 cán bộ, chiến sĩ anh dũng hy sinh. Đến bây giờ, mỗi khi nghĩ đến anh em, lòng tôi vẫn đau thắt. Tôi xin ghi lại những cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 mà tôi còn nhớ, hy sinh ngày 11 tháng 3 năm 1968: Tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Hiền, quê Mỹ Phong, Kỳ Phong, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Trần Minh Trường, quê Hội Ninh, Xuân Hội, Nghi Xuân, Hà Tĩnh; chiến sĩ Hoàng Nguyên, sinh năm 1950, quê Trung Bá, Cẩm Nam, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh; chiến sĩ Hoàng Văn Biện, sinh năm 1949, quê Trường Hoa, Xuân Trường, Nghi Xuân, Hà Tĩnh; chiến sĩ Nguyễn Huy Trường, sinh năm 1949, quê Bình Bắc, Thạch Bình, Thạch Hà, Hà Tĩnh,...

Ngày 12 tháng 3 năm 1968, số cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 hy sinh còn cao hơn: Quản lý Trần Kim Định,

y tá Lê Xuân Điền, chiến sĩ Nguyễn Trung, Trục, quê Lạc Vinh, Kỳ Lục, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Phạm Thế Nghĩa, quê Hạ Long, Kỳ Phong, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Dương Văn Chung, quê Nam Khê, Thạch Khê, Thạch Hà, Hà Tĩnh; chiến sĩ Lê Xuân Bình, quê Bàn Hải, Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh...

Anh em Đại đội 1 hy sinh đều được an táng tại làng Phúc Sa, xã Gio Hà.

Đại đội 4 hỏa lực cũng bị tổn thất nặng. Ngoài anh Nguyễn Đình Từ, Đại đội phó còn có Trung đội phó Lê Đình Mạo, quê Hồng Sơn, Hương Long, Hương Khê, Hà Tĩnh; Tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Trọng, quê Long Sơn, Đức Long, Đức Thọ, Hà Tĩnh; chiến sĩ Võ Viết Đan, quê Trung Thịnh, Cẩm Trung, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh; chiến sĩ Lê Văn Nam, quê Trung Tiến, Kỳ Hoa, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Nguyễn Công Châu, quê Song Giang, Xuân Đan, Nghi Xuân, Hà Tĩnh; chiến sĩ Lê Minh Đức, quê Trường Quý, Xuân Trường, Nghi Xuân, Hà Tĩnh; chiến sĩ Nguyễn Ngọc Uân, sinh năm 1950, quê Tân Đức, Kỳ Tân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Nguyễn Xuân Lựu, sinh năm 1950, quê Long Sơn Hải, Kỳ Phú, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Trần Xuân Bình, quê Trần Phú, Kỳ Hưng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Lê Văn Dân, sinh năm 1950, quê Hội An, Xuân Hội,

Nghi Xuân, Hà Tĩnh; chiến sĩ Nguyễn Thanh Sơn, quê Đội 6, Xuân Lĩnh, Nghi Xuân, Hà Tĩnh...

Tất cả cán bộ, chiến sĩ Đại đội 4 hy sinh cũng đều được an táng tại làng Phúc Sa. Riêng chiến sĩ Nguyễn Xuân Lựu, bị thương nặng, anh em chuyển về phía sau đã hy sinh trên đường nên an táng tại xóm Phương, xã Gio Mỹ.

Đại đội 2 bị tổn thất rất nặng vì khi vào tăng cường cho Đại đội 1, đại đội chiến đấu trên hướng đã bị lộ, địa hình lại trống trải, chỉ biết dựa vào những gốc cây xương rồng và dứa dại để làm công sự. Ngoài Chính trị viên Cù Huy Đường và Trung đội trưởng Nguyễn Văn Cháp đã kể trên, số anh em hy sinh còn có: Trung đội phó Hoàng Xuân Sơn, quê Nam Hải, Kỳ Hải, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; Tiểu đội trưởng Phan Công Dũng, quê Dương Sơn, Hương Giang, Hương Khê, Hà Tĩnh; Tiểu đội trưởng Phan Văn Quyến, quê Liên Trì, Kỳ Văn, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; Tiểu đội trưởng Phan Thái Hùng, quê xóm 7, Kỳ Hải, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Hoàng Công Mẫu, quê Kim Tiến, Kỳ Bắc, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Nguyễn Duy Nghị, quê Liên An, An Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh; chiến sĩ Hoàng Viêt Hùng, quê Trung Phong, Kỳ Phong, Kỳ Anh, Hà Tĩnh; chiến sĩ Thái Đăng Trường, quê Thanh Luyện, Hương Luyện, Hương Khê, Hà Tĩnh; chiến sĩ Võ Hữu

Tuấn, quê Quang Trung, Cẩm Hải, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh... số anh em hy sinh của Đại đội 2 tôi chỉ nhớ tên là các đồng chí: Ân, Tình, Triển, Vinh, Thi, Lộc... quê đều ở Hà Tĩnh.

Các liệt sĩ của Đại đội 2 cũng được an táng tại làng Phúc Sa, xã Gio Hà, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Sau ba ngày đêm chiến đấu Tiểu đoàn 3 đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 500 tên, bắt 60 tên, bắn cháy 5 xe tăng địch.

Trong khi Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 3 chiến đấu ở phía đông và phía tây quốc lộ số 1, thì Tiểu đoàn 1 được lệnh vào tác chiến ở khu vực phía tây Cồn Tiên để bảo vệ kho tàng và tuyến đường vận tải cho chiến dịch tiến công Đường 9 - Khe Sanh. Cả Trung đoàn 27 đã chiến đấu trên một địa bàn rất rộng từ cao điểm 31 ở phía đông đến cao điểm 425 ở phía tây. Các đơn vị trong trung đoàn vừa đánh địch, vừa rút kinh nghiệm kịp thời qua từng trận đánh, để từ đó rút ra những bài học từ thực tế chiến trường. Một vấn đề mà cán bộ, chiến sĩ trung đoàn quan tâm là bài học kinh nghiệm xây dựng đơn vị trong chiến đấu. Trung đoàn 27 luôn luôn phải bám sát chiến trường, tác chiến với nhiều đối tượng địch, trên nhiều địa hình đồng bằng và rừng núi, sử dụng nhiều hình thức chiến thuật, nhất là

tác chiến độc lập, dài ngày trên một hướng của chiến dịch.

Tổng hợp những trận đánh vừa qua, cả trung đoàn đã đánh hơn chục trận lớn nhỏ, từ trung đội, đại đội đến tiểu đoàn, lúc tập kích, phục kích, chống càn, lúc vận động tiến công kết hợp chốt. Những điều bổ ngỡ ban đầu qua nhanh, cán bộ, chiến sĩ chỉ huy càng dạn dày trong chiến đấu. Tuy trận chống càn ở Phúc Sa, Tiểu đoàn 3 bị tổn thất nặng, nhưng toàn đơn vị vẫn giữ được khí thế, quyết tâm. Cấp trên tin tưởng, đơn vị bạn mến phục, bà con cô bác thương yêu đùm bọc che chở. Đó là phần thưởng quý báu mà trung đoàn đã giành được trong những ngày đầu trên chiến trường Bắc Quảng Trị. Các đơn vị đều giành được thắng lợi giòn giã. Đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ. Những tấm gương đó đã chứng minh ý chí quyết đánh quyết thắng của đơn vị trong những trận thử lửa đầu tiên.

Bước sang tháng 4 năm 1968, Trung đoàn 27 vẫn đứng vững trên các khu vực tác chiến do Mặt trận B5 giao cho. Cũng trong tháng 4, trên chiến trường Quảng Trị, tướng Mỹ Oét-mo-len, chỉ huy các lực lượng quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam mở cuộc hành quân nhằm cứu nguy cho lính Mỹ đang sa lầy ở cứ điểm Khe Sanh, Tà Con. Các hãng thông

tấn phương Tây nói: "Mỹ đang gặp phải một Điện Biên Phủ - Khe Sanh".

Để thực hiện cuộc hành quân này Oét-mo-len dùng các đơn vị lính Mỹ và chiến đoàn 3 dù ngụy liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân ra phía Bắc Quảng Trị nhằm "tìm diệt" các lực lượng ta. Toàn bộ sư đoàn A-mê-ri-cơ và hai lữ đoàn thuộc sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ được tăng cường cho vùng chiến thuật 1; chuyển lữ đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ và lính Nam Triều Tiên từ phía nam ra phía bắc để thay thế lính thủy đánh bộ Mỹ ở Đà Nẵng, tăng thêm một lữ đoàn thuộc sư đoàn dù 101 và lệnh cho sư đoàn này sẵn sàng tham chiến ở Quảng Trị khi cần thiết. Lập một sở chỉ huy mới ở sân bay Phú Bài do tướng Abram trực tiếp chỉ huy. Với âm mưu và lực lượng trên, Bộ chỉ huy quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam hy vọng sẽ chặn đứng cuộc tiến công liên tục của quân ta trên chiến trường Bắc Quảng Trị.

Việc làm đầu tiên của Abram là tập trung giải tỏa cứ điểm Khe Sanh bằng hỏa lực tối đa và các lực lượng lính Mỹ vừa được điều ra tham chiến. Vì vậy, khu vực tác chiến của Trung đoàn 27 là "bãi đổ quân" của các đơn vị lính Mỹ, là điểm xuất phát của những cuộc hành quân ngăn chặn và giải tỏa trên chiến trường. Ở đây ta và địch giành giật nhau

từng cao điểm, từng đoạn đường và từng khoảnh đất. Để giữ vững được cái "bàn đạp khổng lồ" này, quân Mỹ đã đổ xuống đây biết bao bom đạn để yểm trợ cho các cuộc hành quân nòng lún ra phía bắc Đường 9 - con đường huyết mạch từ Đông Hà qua căn cứ Sa Muu đi Khe Sanh, Làng Vây, Lao Bảo và tuyến đường 76 chạy song song với Đường 9 ở phía bắc, nối đường số 1 với quận lỵ Cam Lộ.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Mặt trận B5 lệnh cho Trung đoàn 27 đưa đội hình chiến đấu của trung đoàn lên phía tây quốc lộ số 1, dùng các phân đội nhỏ, luân sâu đánh địch trên tuyến đường 76 để giữ vững địa bàn, bảo vệ kho tàng và phối hợp với các hướng chiến dịch, tổ chức đánh liên tục nhằm tiêu hao, tiêu diệt và giam chân các lực lượng địch ở hướng này.

Sau khi nhận được lệnh của Mặt trận, Ban chỉ huy Trung đoàn 27 khẩn trương triển khai kế hoạch tác chiến, cử các bộ phận trinh sát đi nắm địch. Cán bộ các cấp tiếp tục đi nghiên cứu địa hình trên khu vực hoạt động của mình.

Thời gian này Tiểu đoàn 2 đứng chân ở khu vực tứ giác, phía đông là Dốc Miếu, Quán Ngang, phía tây là Cồn Tiên, Miếu Bái Sơn. Mặc dù Tiểu đoàn 2 nằm giữa "tọa độ lửa" nhưng cán bộ, chiến sĩ vẫn liên tiếp lập công. Ở giữa vùng địch cho là an toàn

bởi nằm trong tầm pháo của chúng, thế mà lính Mỹ vẫn lớp lớp bị tiến công, nhiều khi phải ôm đầu máu tháo chạy về Cam Lộ, Đông Hà.

Viên tư lệnh sư đoàn ngụy đóng ở Ái Tử nghe chỉ huy các trung đoàn báo về, lính hành quân bị diệt ở Gia Bình, Dốc Sỏi càng sững sốt. Cho đến khi Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 27 chống càn ở Phúc Sa, bắt sống lính trung đoàn 2 ngụy chúng mới vỡ lẽ: lực lượng đánh chúng không phải là đơn vị bộ đội địa phương như tin cấp trên chúng đã thông báo. Trong khi viên chỉ huy sư đoàn 3 ngụy bàn tính với chỉ huy lữ đoàn kỵ binh Mỹ để đối phó với ta ở hướng này, thì Đại đội 3 Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 27 đã bí mật cắm chốt ở phía đông đường 76.

Hình thái lúc này giữa ta và địch là tìm nhau để diệt. Chỉ huy các cấp của Trung đoàn 27 quán triệt cho bộ đội là tích cực chủ động bám nắm địch, nổ súng trước giành quyền chủ động. Chỉ có tiến công địch, tiêu diệt địch thì ta mới không phải chịu phi pháo của chúng. Không nắm quyền chủ động chiến trường, địch phát huy hỏa lực phi pháo, bộ đội thương vong là điều bất lợi. Đánh thắng, bộ đội có khí thế, thêm vững vàng, tin tưởng mà trụ lại chiến đấu.

Đêm 28 tháng 4 năm 1968, bộ phận luân sâu của Đại đội 3, Tiểu đoàn 2 vào đến làng Xuân Hòa

nằm sát đường 76, bố trí đội hình xong thì trời vừa sáng. Bộ đội ta đeo cả ba lô, trang bị tranh thủ nghỉ lấy sức sau mấy đêm hành quân. Theo tin trinh sát cho biết, ở Mộc Đức phía nam đường 76, địch đang tập trung quân cả Mỹ và ngụy chuẩn bị hành quân lên phía bắc để bảo vệ con đường 76.

Đúng như trinh sát thông báo, bộ đội chưa kịp đào hầm thì lính Mỹ có xe tăng yểm trợ đã tiến vào Xuân Hòa. Đạn pháo, đạn súng cối của địch bắn dồn dập dọc theo trục đường 76. Trợ lý Tham mưu tiểu đoàn Nguyễn Thường Kháng, quê Yên Hòa, Thạch Linh, Thạch Hà, Hà Tĩnh bị đạn pháo của địch hy sinh trong lúc đi chuẩn bị chiến trường. Đại đội 3, Tiểu đoàn 2 chia làm hai mũi, mũi thứ nhất do Trung đội trưởng Nguyễn Công Chúc, quê Phúc Lưu, Thạch Trị, Thạch Hà, Hà Tĩnh chỉ huy. Mũi thứ hai do Trung đội trưởng Trần Văn Phúc, quê Nam Điền, Thạch Điền, Thạch Hà, Hà Tĩnh chỉ huy. Đại đội trưởng thống nhất phương án, chọn khu vực tương đối bằng phẳng phía đông làng Xuân Hòa làm điểm quyết chiến của trận đánh. Lúc đầu bí mật đánh phục kích, tiếp theo là liên tục vận động tiến công.

Bộ đội mỗi người một cành lá che đầu nhanh chóng vận động đến vị trí quy định. Khi mũi chặn đầu do trung đội trưởng Nguyễn Công Chúc chỉ huy

vừa vận động đến vị trí quy định thì đám lính Mỹ đi đầu đã vượt qua đường 76. Trung đội phó Nguyễn Bá Canh, quê Yên Mỹ, Cẩm Yên, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh bò lên sát đường quan sát. Canh nằm áp ngực lên mặt đất, mấy tên lính Mỹ chen chúc nhau vượt đường 76. Anh ra hiệu cho trung đội sẵn sàng chiến đấu, Mục tiêu của trung đội Chúc và Canh là tiêu diệt tốp lính Mỹ đi đầu. Nhưng lính Mỹ nán lại cho xe tăng lên. Cả trung đội thấy yên tâm vì lính Mỹ không dám đi sục sạo. Lúc này, Trung đội trưởng Chúc bò lên chỗ Trung đội phó Canh, Canh hỏi nhỏ:

- Đánh chưa anh?

- Chờ cho xe tăng vào tầm bắn B40 mới nổ súng.

Chúc lùi lại phía sau ra lệnh cho Tiểu đội trưởng Phạm Văn Định, quê Trung Thượng, Kỳ Hưng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh giữ khẩu B40 lên tăng cường cho tổ tiên tiêu.

Cán bộ, chiến sĩ nghe rõ tiếng động cơ xe tăng, cả tiếng ken két của xích sắt nghiền lên mặt đường. Chiếc xe tăng chỉ cách chỗ Canh khoảng 50 mét. Anh lệnh cho Định bắn B40. Quả đạn B40 của Định xuyên thủng vỏ, chiếc xe tăng địch bốc cháy. Các loại súng của ta thi nhau nã đạn vào quân Mỹ. Cả trận địa rộ lên tiếng súng AK của quân ta và tiếng súng AR15 của quân Mỹ. Lính Mỹ bị bất ngờ giẫm đạp lên nhau, chúng chưa phát hiện ra bộ đội ta

đánh từ đầu tới. Quân Mỹ sống sót chạy tán loạn, nhào cả vào đội hình bộ đội ta.

- Bắt tù binh!

Tiếng ai đó vang lên giữa trận địa. Các chiến sĩ Đại đội 3 truy kích địch, khẩu đội cối 82ly cơ động theo sát chiến sĩ bộ binh, bắn ứng dụng, lúc bắn kiểm chế, lúc chi viện cho các mũi tiến công trên các hướng. Phía trước lính Mỹ đang cụm lại, chờ lực lượng chi viện. Thấy có thời cơ, Trung đội trưởng Chúc ra lệnh tiếp xúc tiến công bọn Mỹ đang cụm lại. Khi lính Mỹ đã nằm trong tầm súng AK, Trung đội trưởng Chúc ra lệnh nổ súng. Bọn Mỹ chưa kịp hoàn hồn lại bị đánh tiếp. Nhiều tên chết tại chỗ. Những tên bị thương kêu rống. Lính Mỹ lại co cụm chống trả quyết liệt.

Dưới sự chỉ huy của Trung đội trưởng Chúc và Trung đội trưởng Phúc, các chiến sĩ ta đã đánh trả quyết liệt buộc địch phải tháo chạy. Nhiều tên Mỹ quăng ba lô, súng đạn bơi qua đoạn sông cụt phía nam đường 76, chạy về Trương Sa, Mộc Đức để thoát thân. Quân Mỹ gọi pháo từ Đông Hà, Dốc Miếu, Quán Ngang bắn dữ dội ra tuyến đường 76. Trung đội trưởng Nguyễn Công Chúc đang chạy đi động viên anh em thì trúng một quả pháo. Anh hy sinh trong sự ngỡ ngàng tiếc thương của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 3. Pháo bắn càng mạnh hơn. Trung

đội trưởng Trần Văn Phúc và Tiểu đội trưởng Phạm Văn Định cũng đã anh dũng hy sinh. Tiếp đó, pháo địch bắn trúng đội hình tiến công của Đại đội 3... Đau đớn thay, một loạt cán bộ, chiến sĩ tiếp tục hy sinh. Đó là các đồng chí: Trung đội phó Trương Huy Hiệu, quê Hồng Phong, Hương Phong, Hương Khê, Hà Tĩnh. Trung đội phó Nguyễn Bá Canh, quê Yên Mỹ, Cẩm Yên, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh. Chiến sĩ Trần Văn Mết, quê Tráng Việt, Yên Lãng, Vĩnh Phúc; chiến sĩ Lương Kim Tuyến, quê Trung Nam, Hồng Ca, Trấn Yên, Yên Bái; chiến sĩ Phùng Thiết Hàng, quê Phúc Yên, Bằng Giã, Hạ Hòa, Phú Thọ; chiến sĩ Nguyễn Văn Đông, quê Hồng Thái, Nga Quán, Trấn Yên, Yên Bái; chiến sĩ Nguyễn Trọng Hồng, quê Vân Trì, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội... Một sự tổn thất quá lớn vì pháo địch.

Trời về chiều, chỉ huy Đại đội 3 cho bộ đội tạm dừng chiến đấu, giải quyết hậu quả chiến đấu, đưa thương binh về phía sau, còn liệt sĩ thì an táng tại làng Thanh Khê, xã Gio An, huyện Gio Linh.

Ngay sau đó, Đại đội 3 lại bắt tay vào xây dựng trận địa phòng ngự phía nam làng Xuân Hòa và bổ sung vũ khí, lương thực cho trận chiến đấu ngày hôm sau.

Vào những ngày cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 1968, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2

Trung đoàn 27, vẫn hoạt động liên tục trên tuyến đường 76, phối hợp với các đơn vị bạn, bẻ gãy hoàn toàn cuộc hành quân giải tỏa do Oét-mo-len vạch ra trên chiến trường Bắc Quảng Trị.

Ngày 1 tháng 5 năm 1968, Bộ Tư lệnh Mặt trận B5 ra lệnh cho Trung đoàn 27 vây lại căn cứ Cồn Tiên. Ban chỉ huy đại đội sau khi cân nhắc đã quyết định chọn trung đội của tôi thực hiện nhiệm vụ vây ép Cồn Tiên. Anh Tiến - Đại đội trưởng nói:

- Ban chỉ huy đại đội đã chọn trung đội của cậu thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận B5 giao. Trung đội 25 người gồm cả tổ thông tin vô tuyến điện, thực hành vây ép Cồn Tiên. Sau khi xây dựng công sự, hầm hào chiến đấu thực hành vây ép, trên sẽ tăng cường một tổ bắn tỉa từ Hà Nội vào, ngày nào cũng phải nổ súng. Nhiệm vụ của trung đội là vừa đánh địch, gây tiếng nổ vừa bảo vệ tổ bắn tỉa được bố trí cách căn cứ Cồn Tiên khoảng 1 ki-lô-mét. Trước mắt cho anh em xây dựng công sự, ngụy trang, cài thế xong thì báo cáo về tiểu đoàn để đưa lực lượng bắn tỉa vào chiến đấu.

Giao nhiệm vụ xong, đại đội trưởng hỏi tôi:

- Thế nào, Hiệu thấy có gì khó khăn cứ mạnh dạn nói ra.

- Vây Cồn Tiên, trước đó các đơn vị đã vây ở hướng tây và bắc, bây giờ vào vây lại ở các hướng

đã lộ là rất khó khăn. Tôi đề nghị cho thay đổi hướng vây.

- Theo cậu thì vây ở hướng nào? - Đại đội trưởng cất ngang.

- Tôi sẽ đưa trung đội vào hướng nam và đông nam. Vào hướng này, đường đi lại và công tác bảo đảm rất khó khăn, nhưng là hướng mà quân địch không ngờ tới.

- Cậu đã tính toán kỹ chưa?

- Dạ! Tôi đã từng đi chuẩn bị địa hình ở hướng này. Hướng nam và đông nam có nhiều làng mạc. Yếu tố bí mật là quan trọng nhất. Sau khi đưa lực lượng vào vị trí tập kết tôi sẽ tổ chức cho anh em đào hầm hầm ếch trong hàng rào địch. Sẽ nguy trang kỹ ban ngày nằm trong hầm, ban đêm thì đánh mìn, bộc phá phá rào ở các hướng khác. Tôi sẽ cho một tiểu đội bảo vệ tổ bắn tỉa. Ngày cơ động phát hiện những tên Mỹ ra khỏi công sự là bắn, tối về ở suối Lăng Gô cũng đào hầm hầm ếch dưới các bụi tre hóa.

- Xem ra Hiệu nắm chắc địa hình nhỉ. Tôi đồng ý đề xuất của cậu. Bây giờ cậu về lo tổ chức, động viên anh em bắt tay ngay vào công tác chuẩn bị và chờ lệnh.

Đại đội trưởng tiễn tôi ra cửa lán dã chiến, anh nắm chặt tay tôi:

- Mình tin ở cậu!

- Em hứa sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ của đại đội và tiểu đoàn giao cho.

Cồn Tiên là cao điểm 158 mét so với mặt nước biển. Mặt đồi khá bằng phẳng. Đứng ở Cồn Tiên có thể quan sát một khu vực rộng lớn, thậm chí nhìn ra tận bắc sông Bến Hải. Do vị trí quan trọng của nó nên quân Mỹ đã xây dựng Cồn Tiên thành căn cứ quân sự mạnh, có lô cốt bê tông cốt thép xen lẫn hầm lát bằng những tấm ghi và xếp những bao cát. Trong căn cứ có một tiểu đoàn lính Mỹ và một đại đội pháo 105 ly. Quanh căn cứ chúng bố trí chín lớp hàng rào dây kẽm gai, với nhiều loại mìn giữa các lớp rào. Cồn Tiên đã bị quân ta vây đánh nhiều lần nên địch rất cảnh giác.

Tối ngày 8 tháng 5 năm 1968, Trung đội 3 do tôi làm trung đội trưởng được lệnh xuất kích. Trang bị ngoài súng đạn, gạo, lương khô, bông băng cá nhân, chúng tôi còn phải mang mìn định hướng, bộc phá ống, cuộc xẻng.

Tháng 5, không khí oi nồng. Hành quân mang vác nặng, mồ hôi chúng tôi vã ra như tắm. Tuy vậy anh em vẫn động viên nhau cố gắng. Gần sáng chúng tôi đến một làng, dân làng này đã bị địch dồn vào ấp chiến lược; làng có nhiều hố bom, hố pháo...

Do vị trí cực kỳ quan trọng của khu vực Bắc Quảng Trị đối với vùng chiến thuật 1 nên Mỹ - ngụy tập trung đánh phá vùng này rất tàn khốc. Chúng bắt 2.000 gia đình ở hai huyện Cam Lộ và Gio Linh phải bỏ quê hương vào sống tập trung ở Bà Rịa, biến vùng Gio Linh, Cam Lộ thành những vành đai trắng. Chúng bắn phá hủy diệt môi trường sống, hòng ngăn chặn từ xa những cuộc tiến công của quân ta. Tôi cho anh em vào nghỉ tạm trong mấy căn nhà hoang chờ đến tối đi tiếp. Người đi sau ngụy trang kín đáo.

Một ngày nằm chờ sao mà lâu thế. Dịch đi càn, nhưng chúng chỉ đi ngoài đường cái, trong làng hoang tàn, chúng cũng chẳng vào làm gì. Tối, chúng tôi lại hành quân, khoảng 21 giờ thì đến Cồn Tiên. Xung quanh căn cứ pháo phát quang dọn sát hàng rào. Tôi phân công ba người đào một hầm khoét xuống lòng đất rồi đào hầm ếch vào sâu đủ khoảng rộng để nằm nghỉ trong đó. Riêng tiểu đội bảo vệ tổ bắn tỉa thì ra bờ suối Lặng Gô, cách hàng rào thứ nhất khoảng 1 ki-lô-mét, cũng đào hầm hầm ếch.

Cả ngày anh em chúng tôi nằm dưới hầm. Trời tối, tôi dẫn hai chiến sĩ dùng mìn định hướng và bộc phá ống vòng lên phía tây căn cứ, dùng bộc phá ống phá rào để địch tưởng ta tiến công thật. Đánh xong, đợi im tiếng pháo anh em lại về hầm.

Máy bay trực thăng vũ trang, máy bay trinh sát OV10, L19 quần lượn suốt ngày, chỗ nào chúng nghi ngờ có quân ta là phóng rốc-kết. Trực thăng địch còn bay thấp thả lựu đạn vào hầm, bắn đạn khói chỉ điểm cho máy bay phản lực đến ném bom, và pháo hạm ngoài biển bắn vào.

Sáng ngày 10 tháng 5 năm 1968, tôi điện báo cáo cho tiểu đoàn đưa tổ bắn tĩa vào chiến đấu. Tôi cử hai chiến sĩ hoạt bát ra đón tổ bắn tĩa. Tối hôm sau, năm chiến sĩ bắn tĩa với năm cây súng trường Hung-ga-ri đã vào vị trí ở suối Lăng Gô. Tôi nói với anh em:

- Xung quanh căn cứ địch không còn một cây cỏ, các cậu phải lợi dụng những bụi tre hóa đã bị bom cháy rụi đào công sự dưới đó, rồi ngụy trang bằng than, tro để địch không phát hiện được. Phải chuẩn bị nhiều điểm bắn. Bắn xong phải di chuyển ngay. Anh em có ý kiến gì không?

Mọi người đều nhất trí với ý kiến của tôi.

Anh em tiểu đội bảo vệ và các chiến sĩ tổ bắn tĩa đã đào hầm dưới những bụi tre hóa, những chiếc hầm này thật vững chắc. Pháo bắn trúng cũng không thể phá được.

Ngày đầu tiên tổ bắn tĩa ra quân đã thu được thắng lợi. Gần chục tên Mỹ đã trúng đạn bắn tĩa.

Bọn địch không biết đạn từ đâu bay đến làm gần chục tên lăn ra chết. Chúng rất hoang mang. Thế là, chúng tập trung pháo cối bắn như vãi đạn (chúng tôi dạo đó gọi là cối liên thanh). Tổ bắn tĩa hoạt động có hiệu quả. Cứ tên địch nào ngóc đầu lên là anh em tiêu diệt. Các chốt vây ép của ta là chốt cơ động. Nếu ở cố định một chỗ thì trước sau gì địch cũng phát hiện ra.

Đến ngày 12 tháng 5 năm 1968, tôi bàn với anh em luồn sâu vào hàng rào thứ 5 căn cứ Cồn Tiên. Chúng tôi gỡ được 31 quả mìn các loại trong khu dự kiến xây dựng công sự hầm hào và tổ chức trận địa chốt ở trong đó. Rất may là ở hàng rào có dù pháo sáng do chúng bắn ra, cả dù từ máy bay thả xuống phủ gần như kín những gốc cây, hàng rào, kín cả khu vực. Dù trắng và cả màu đỏ loại 18 chéo.

Tôi cho rằng không có nguy trang nào hay như nguy trang bằng dù của Mỹ. Địch đã "giúp" ta giữ bí mật, quả là "gậy ông đập lưng ông". Hầm nằm dưới dù vừa mát vừa kín đáo. Khi đào hầm hầm ếch, đất được cho vào ba lô rồi đổ rải ra những hố bom, hố pháo địch vừa bắn gần đó. Chuyển cuối cùng chúng tôi phải đi giặt lười, chỗ đất đỏ thì nguy trang đất đỏ, chỗ lá khô thì rải lá khô để che mắt địch. Dưới mỗi cái dù là ba người. Chúng tôi lấy hòm gỗ do máy bay địch thả xuống ghép lại

thành những căn hầm kiên cố, có thể ngủ nghỉ thoải mái. Hàng ngày địch tung thám báo và xe tăng đi tuần ở ngoài hàng rào. Chúng đâu biết rằng ở trong hàng rào lại có Quân giải phóng.

Tối nào chúng tôi cũng đánh mìn, đánh bộc phá, tập kích quân địch, vừa tiêu hao sinh lực, vừa gây tiếng nổ làm cho địch trong căn cứ ăn không ngon, ngủ không yên, luôn trong trạng thái lo nơm nớp.

20 ngày đầu, tổ bắn tỉa diệt được rất nhiều lính Mỹ. Bọn địch rút kinh nghiệm vừa đánh phá ác liệt vừa thực hiện nghi binh, giơ hình nộm đội mũ sắt để lừa ta, từ đó phát hiện các tổ bắn tỉa. Địch dùng máy bay bắn rốc-két, dùng pháo cối bắn tập trung vào một khu vực. Một số anh em trong tổ bắn tỉa hy sinh. Bộ Tư lệnh Mặt trận B5 cho lệnh rút tổ bắn tỉa ra ngoài củng cố. Tiểu đội bảo vệ tổ bắn tỉa trở lại đội hình của trung đội.

Mấy ngày sau địch mở cuộc càn ra khu vực tổ bắn tỉa đã từng trú ẩn. Chúng phá các hầm hố, giao thông hào. Xe tăng chạy sát hàng rào hòng làm sạch địa bàn.

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 1968, trung đội tôi đã vây ép căn cứ Cồn Tiên 52 ngày đêm, giam chân một lực lượng lớn quân địch trong căn cứ, làm cho chúng căng thẳng, tinh thần bạc nhược. Đây cũng là một hình thức chi viện kịp thời nhất, hiệu

quả nhất đối với các đơn vị bạn. Mỹ - ngụy không thể tập trung quân lớn để giải tỏa cho hướng Khe Sanh, Làng Vây. Nắm rõ hoàn cảnh khó khăn của anh em, đã gần hai tháng không tắm rửa, sức khỏe giảm sút, Bộ Tư lệnh Mặt trận quyết định cho chúng tôi rút ra cứ củng cố rồi vào đánh tiếp.

Tối hôm chúng tôi rút, dịch cho xe M113 và một trung đội Mỹ ra phục hướng tây bắc. Tôi bảo anh em không đánh mìn và bộc phá nữa mà bí mật hành quân rút ra hướng tây bắc về căn cứ cho gần. Theo đường xe tăng đi ra, chúng tôi phát hiện địch trước mặt. Tôi quyết định đánh từ phía sau quân địch để mở đường. Địch hoàn toàn bất ngờ vì chúng tôi từ trong căn cứ địch đi ra. Tôi lấy khẩu B40 của một chiến sĩ và nói với hai chiến sĩ B40 còn lại: "Khi tôi bắn vào chiếc xe M113 các cậu cũng nhắm vào hai xe còn lại mà bắn nhé!". Nói rồi tôi giương khẩu B40 nhắm chiếc xe bốp cò. Một tiếng nổ lớn kèm theo là chớp lửa trùm lên chiếc M113. Hai chiến sĩ B40 cũng bắn hai quả đạn nữa vào hai chiếc xe M113 còn lại. Cả trung đội tập trung AK, lựu đạn, thủ pháo tiến công quân địch. Sau 15 phút chiến đấu trung đội tôi tiêu diệt hoàn toàn trung đội Mỹ, bắn cháy ba xe M113. Tôi lệnh cho anh em còn bao nhiêu mìn, bộc phá dùng phá rào bằng hết. Trận đánh kết thúc khoảng 12 giờ đêm. Cả trung đội an toàn.

Sau trận đánh xuất sắc đó tôi được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba và được chỉ định làm đại đội trưởng thay anh Tiến vì anh Tiến bị thương.

Bước sang tháng 6 năm 1968, thời tiết ở Quảng Trị vô cùng khắc nghiệt. Mặt đất đang nắng nóng như chảo rang bỗng chốc những cơn mưa rào ập tới, các con suối cạn bỗng đầy nước réo ầm ĩ, cuốn phăng cả những cây gỗ lớn bị bom pháo đào bật gốc. Những trận mưa về đêm gây không ít khó khăn cho bộ đội hành quân. Đơn vị hành quân đến nơi, trang bị, quần áo ướt sũng, hầm hố vừa đào nước tràn vào lênh láng. Có lần, đoàn đường chỉ cần đi ba tiếng đồng hồ, nhưng gặp trận mưa, nước suối dâng cao không vượt được, đơn vị phải chờ nước rút trọn cả đêm. Thời tiết khắc nghiệt là vậy, nhưng địch vẫn cho quân nống ra ngày một nhiều hơn để làm giảm sức ép của ta trên phía Khe Sanh - Làng Vây.

Thời gian này đơn vị tổ chức đi nhận vũ khí ở xã Vĩnh Trường, Vĩnh Linh (phía bờ bắc sông Bến Hải). Ngày 2 tháng 7 năm 1968, Đại đội 4 bị bom B.52 ném trúng đội hình, hy sinh tám đồng chí, đó là: Tiểu đội trưởng Tạ Quang Dưỡng, quê Nam Xuyên, Phú Xuyên, Hà Tây và bảy chiến sĩ: Phạm Văn Đoàn, quê Tất Viên, Thủ Sỹ, Tiên Lữ, Hưng Yên; Đoàn Huy Tụng, quê Việt Khang, Văn Nam, Phúc Thọ, Hà Tây; Đỗ Xuân Mậu, quê Tân Phúc, Phúc

Thọ, Hà Tây; Trần Văn Đốm quê Thiện Phiến, Chiến Thắng, Tiên Lữ, Hưng Yên; Bùi Văn Độ, quê Tất Viên, Thủ Sỹ, Tiên Lữ, Hưng Yên; Lương Hữu Thực, quê Tân Hương, Yên Bình, Yên Bái; Vi Văn Lai, quê Minh Tâm, Minh Tiến, Trấn Yên, Yên Bái. Tám liệt sĩ đều được an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Trường, huyện Vĩnh Linh. Tôi bị sức ép và chấn thương cột sống.

Sư đoàn 3 ngày được coi là lính "thổ địa" ở Bắc Quảng Trị. Dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ bọn địch sư đoàn 3 len lỏi khắp nơi để phát hiện lực lượng, kho tàng của ta và cùng với sư đoàn 25 "tia chớp nhiệt đới" Mỹ tràn ra đánh phá.

Trung đoàn 27 chủ lực của Mặt trận B5 đã cùng dân quân du kích Bắc Quảng Trị ngày đêm bám trụ địa bàn hoạt động.

Ngày 18 tháng 7 năm 1968, tôi được tiểu đoàn thông báo: "Có một trung đội Mỹ đang đổ quân đi về hướng đồi Độc Lập (Cù Đình), cho đơn vị xuất kích ngay". Nhận lệnh, tôi trao đổi với anh Bảo chính trị viên: "Anh cho bộ đội làm công tác chuẩn bị xuất kích, tôi và một tiểu đội đi trước nắm địch".

Tôi dẫn Tiểu đội 1, Trung đội 1 khẩn trương tiếp cận địch. Đến đồi Độc Lập, quân Mỹ đã chiếm thế cao, muốn tiến công ta phải vượt qua bãi cỏ tranh. Vấn đề đặt ra là phải giữ được bí mật trong quá

trình vận động tiếp cận nếu không sẽ bị địch dùng phi pháo sát thương, không hoàn thành nhiệm vụ.

Khi chính trị viên dẫn bộ đội ra, tôi trao đổi:

- Địch đang ở trên cao, nó mới đổ xuống chưa kịp làm công sự. Ta bí mật tiếp cận và bất ngờ tiến công, địch sẽ không trở tay kịp. Đại đội chia làm hai mũi: Mũi thứ nhất tôi chỉ huy đánh chính diện, dùng Trung đội 1 và Trung đội 2, một khẩu cối 60 ly, một trung liên. Anh chỉ huy lực lượng còn lại đánh mũi vu hồi.

- Tôi nhất trí phương án của anh, tôi đề nghị cho bộ đội nguy trang kín đáo tiếp cận sát địch, dùng cối bắn cấp tập vào đội hình địch. - Anh Bảo bổ sung.

- Tôi cũng dự kiến như vậy, phải dùng cối bắn mãnh liệt, tập trung vào đội hình đông đặc của địch sau đó cho bộ đội xung phong.

Chúng tôi cho bộ đội nguy trang kín đáo, hành quân thành hàng một tiếp cận quân địch. 12 giờ 30 phút, mũi của tôi đã đến cách địch khoảng 30 mét, nhưng chúng vẫn không hay biết gì. Có lẽ chúng cho là ban ngày ta chưa thể đến sớm như vậy được. Tôi quan sát thấy quân Mỹ rất chủ quan, chúng đang mở đồ hộp ăn trưa. Lợi dụng cở tranh tốt, tôi dẫn từng tổ hình thành thế tiến công và chỉ mục tiêu cho từng người. Tôi ra hiệu cho anh em tiến thêm độ 10 mét. Đúng 13 giờ, tôi lệnh cho chiến sĩ

Vũ Công Sơ xạ thủ B40, quê Đăng Xá, Cương Chính, Tiên Lữ, Hưng Yên, bắn vào cụm quân Mỹ đang vây quần ăn uống. Chiến sĩ Vũ Công Sơ thực hiện ngay, diệt 5 tên. Tiếp sau đó, cối 60 bắn cấp tập, các loại súng B40, AK thi nhau nhằm vào quân Mỹ mà bắn. Lựu đạn cũng được ném tới tấp. Đội hình địch tan hoang, tôi hô xung phong rồi dẫn đầu đội hình xông thẳng vào quân Mỹ đang cụm bên hố bom.

Mũi của chính trị viên đi lạc hướng nên chưa đến kịp. Đội hình đang phát triển thì bị hỏa lực của địch từ sườn đồi bắn trái bắn cản. Trung đội trưởng Phạm Ngọc Tính, quê Minh Tiến, Hợp Đức, Kiến Thụy, Hải Phòng và Tiểu đội trưởng Trần Đình Ngụ, quê Phú Mỹ, Thạch Mỹ, Thạch Hà, Hà Tĩnh trúng đạn hy sinh. Đội hình phải dừng lại. Tôi lệnh cho chiến sĩ B40 Vũ Công Sơ nhằm khẩu đại liên của địch đang nhả đạn bóp cò. Thật tiếc, đạn không nổ. Sơ đưa súng cho tôi. Tôi bắn quả đạn thứ hai, đạn nổ, khẩu đại liên địch bị diệt. Tôi lệnh cho anh em tiếp tục tiến công. Tôi dùng AK diệt luôn 3 tên Mỹ, chỉ huy đại đội diệt hơn 20 tên. Số địch còn lại cụm ở phía tây ngọn đồi bắn trả quyết liệt. Quân Mỹ gọi trực thăng vũ trang và pháo binh các nơi bắn đến dữ dội. Tôi cho cối 60 ly bắn chế áp rồi chỉ huy xung phong hai lần nhưng đều bị hỏa lực địch cản, không lên được.

Đến 15 giờ, quân Mỹ đổ tiếp hai trung đội nữa xuống ngọn đồi bên cạnh. Thấy máy bay trực thăng bay thấp tôi lệnh cho anh em tập trung súng bắn hạ. Hai chiếc trực thăng trúng đạn rơi tại chỗ. Sau khi liều mạng đổ thêm quân, bọn địch chia làm hai mũi đánh sang chi viện cho quân của chúng ở đồi Độc Lập. Chiến sĩ B40 Lê Văn Cận, quê Hợp Đồng, Hồng Lĩnh, Hưng Hà, Thái Bình bị thương nhưng vẫn dùng trung liên bắn chặn một mũi của địch, diệt gần chục tên. Tôi dẫn một tiểu đội đánh tạt sườn phía nam quân Mỹ. Đang vận động thì hỏa lực địch bất ngờ xuất hiện, cánh tay trái tôi bị một viên đạn cực nhanh. Khẩu súng AK rời khỏi tay. Tôi gắng gượng dùng tay phải ném hai quả lựu đạn vào đội hình quân địch và chỉ huy anh em đánh bật quân Mỹ xuống chân đồi.

17 giờ, địch bị thiệt hại nặng, bọn còn lại co sang quả đồi bên cạnh. Chúng dùng cối cá nhân, M79 bắn vào đội hình quân ta. Tôi và một vài anh em nữa bị thương lần thứ hai. Sau đó bọn địch cho máy bay đến ném bom na-pan. Trung đội trưởng Lương Bình Toáng, quê Phán Thủy, Long Mai, Kim Động, Hưng Yên; Y tá Đỗ Xuân Lộc, quê thôn 2, Thạch Đà, Yên Lãng, Vĩnh Phúc và chiến sĩ B40 Lê Văn Cận đã anh dũng hy sinh. Mặt trời lặn, quân Mỹ không dám tiến công nữa. Tôi lệnh cho anh em đưa thương binh, tử sĩ về phía sau.

Qua một ngày chiến đấu quyết liệt, đại đội tôi đã diệt 65 tên Mỹ, bắn rơi 2 máy bay, thu 15 súng, 1 đài 2W, một bản đồ. Sau trận chiến đấu này, đơn vị tôi được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba. Tôi cũng được anh em bình chọn và đề nghị tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Do bị thương, tôi phải đi điều trị tại Viện Quân y 43. Sau gần một tháng nằm viện, tôi lại trở về đơn vị tiếp tục chiến đấu.

Thời gian này, trên Mặt trận Khe Sanh quân ta bước vào vây hãm cụm cứ điểm Tà Cơn. Bị vây lấn liên tục, địch phản kích điên cuồng. Trên vùng lòng chảo Khe Sanh chỉ rộng 34 ki-lô-mét vuông, địch xây dựng ba căn cứ: Tà Cơn, Làng Vây và Hướng Hóa, tạo thành hệ thống phòng ngự hình tam giác khống chế cả một vùng dọc Đường 9 đến giáp biên giới Việt - Lào. Trung bình mỗi ngày địch huy động 300 lần chiếc máy bay các loại giội xuống hàng trăm nghìn tấn bom đạn và bắn tới chục nghìn quả pháo từ 105 ly đến 175 ly (vua chiến trường), nhưng vòng vây quân ta càng xiết chặt. Toàn bộ quân đồn trú của Mỹ phải sống chui rúc dưới hầm. Máy bay vận tải C130 đến tiếp tế và chuyển lính Mỹ chết và bị thương có ngày lên tới 140 lần chiếc, nhưng chỉ 40 lần chiếc hạ cánh được. Máy bay Mỹ phải thả dù tiếp tế cho Tà Cơn, nhưng phần lớn dù rơi vào trận địa quân ta.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn, ngày 1 tháng 4 năm 1968, địch dùng sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ, 1 chiến đoàn dù nguy, một tiểu đoàn biệt động quân tất cả là 17 tiểu đoàn (có 13 tiểu đoàn Mỹ) mở cuộc hành quân giải tỏa. Vào lúc này tại Khe Sanh có 9 tiểu đoàn chủ lực của ta hiệp đồng với quân dân huyện Hướng Hóa tiếp tục xiết chặt vòng vây Tà Cơn và chuyển hướng sang diệt viện. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra quyết liệt, quân và dân trên Mặt trận Khe Sanh đã diệt 6.200 tên địch, bắn rơi 82 máy bay các loại, phá hủy 21 xe tăng. Cuộc hành quân giải tỏa Tà Cơn của địch bị thất bại. Vòng vây Tà Cơn càng bị xiết chặt, quân đồn trú hoang mang, tuyệt vọng. Trước tình thế có thể bị tiêu diệt hoàn toàn, Mỹ buộc phải rút quân khỏi Khe Sanh. Quân ta tổ chức truy kích diệt và làm bị thương hàng nghìn tên địch, bắn rơi 22 máy bay, phá hủy 69 xe quân sự. Ngày 9 tháng 7 năm 1968, quân ta chiếm cứ điểm Tà Cơn thu hàng nghìn súng các loại, hàng trăm tấn phương tiện chiến tranh và giải phóng hoàn toàn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa với hơn mười nghìn dân, mở thông hành lang chiến lược Bắc - Nam.

Tin chiến thắng Khe Sanh truyền nhanh khắp thế giới, hãng tin Anh Roi-tơ viết: "Việc quân Mỹ rút chạy khỏi Khe Sanh là một thất bại nặng nề về quân sự và chính trị. Thất bại này đánh dấu sự bất

lực của Mỹ trong thế phòng ngự chiến lược làm tăng thêm mâu thuẫn trong nội bộ giới cầm quyền Mỹ và làm phát triển xu hướng chống lại cuộc chiến tranh xâm lược".

Khi biết tin quân và dân ta đã chiến thắng oanh liệt, hàng vạn quân tinh nhuệ nhất của Mỹ phải rút chạy khỏi Khe Sanh, ngày 13 tháng 7 năm 1968, Bác Hồ đã gửi điện khen. Bức điện của Bác gửi Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ và các vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam nhân dịp chiến thắng Khe Sanh. Bức điện có đoạn: *"Cuộc thắng lợi của ta ở Khe Sanh tỏ rõ mưu lược và sức mạnh vô địch của quân, dân và cán bộ ta, nó góp phần xứng đáng vào thắng lợi to lớn của miền Nam từ đầu xuân đến nay. Cùng với những thắng lợi của ta ở các chiến trường khác, nó mở đường cho những thắng lợi to lớn hơn nữa. Ở miền Bắc, vừa lập chiến công bắn rơi 3.000 máy bay giặc Mỹ, thắng lợi về vang của Khe Sanh càng giục giã quân và dân miền Bắc cố gắng hơn nữa, bắn rơi nhiều máy bay giặc Mỹ hơn nữa. Giặc Mỹ tuy thua, nhưng vẫn rất ngoan cố. Đồng bào, chiến sĩ và cán bộ ta phải luôn luôn cảnh giác liên tục đánh mạnh, đánh thắng. Nam - Bắc một lòng, ra sức đánh giặc. Thắng lợi cuối cùng nhất định về ta."*

Tôi nhờ Chủ tịch và các vị chuyển đến đồng bào, chiến sĩ và cán bộ toàn miền Nam, đặc biệt là đồng bào, chiến sĩ và cán bộ Mặt trận Khe Sanh lời khen ngợi nhiệt liệt nhất”¹.

Tuy thất bại phải rút khỏi Khe Sanh nhưng quân địch tập trung lực lượng phản kích điên cuồng gây cho ta nhiều khó khăn, quân số thiếu hụt, lương thực, vũ khí, đạn dược đều thiếu, quần chúng bị địch khủng bố triền miên, phong trào lắng dần xuống. Đến tháng 8 năm 1968, các đơn vị chủ lực bật ra khỏi đồng bằng. Sau khi bộ đội chủ lực rút lên vùng rừng núi củng cố thì Trung đoàn 27 cùng bộ đội địa phương của tỉnh và du kích bám địa bàn tiếp tục chiến đấu để chiến trường lúc nào cũng có tiếng súng. Cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 vừa đánh địch vừa tranh thủ củng cố, kịp thời rút kinh nghiệm tìm ra cách đánh thích hợp với từng đối tượng địch. Đây là yêu cầu mới bảo đảm cho đơn vị có sức chiến đấu cao, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao cho. Trước mắt, Trung đoàn khẩn trương bổ sung quân số cho Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 đang chiến đấu phía trước. Tiểu đoàn 3 nhanh chóng ổn định để tiếp tục bước vào chiến đấu. Các đơn vị tổ chức những phân đội nhỏ, luồn sâu, tiêu diệt địch. Chốt chặn những cao điểm trọng yếu, giữ vững địa bàn đứng chân.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 12, tr. 369 - 370.

Việc quán triệt phương châm tác chiến mới của trung đoàn được tổ chức phổ biến cho cán bộ, chiến sĩ toàn đơn vị nhất là các chiến sĩ đang ngày đêm giáp mặt với kẻ thù trên các trận địa. Nhiều chiến sĩ đã viết quyết tâm thư gửi lên cấp trên thể hiện quyết tâm chốt giữ vững chắc để đưa đơn vị luồn sâu vào bắc Đường 9, bảo vệ tuyến đường vận tải vào khu vực cao điểm 425.

Nhiệm vụ chiến đấu đòi hỏi Trung đoàn 27 (Đoàn Phan Rang) ngày một khẩn trương, đánh theo yêu cầu, đánh để buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó khắp nơi, đánh trong mọi địa hình, mọi thời tiết, đó là đặc điểm nổi bật của trung đoàn trong thời gian này.

Ngày 19 tháng 8 năm 1968, được tin một đại đội địch đi càn vào thôn Gia Bình, xã Gio An, đơn vị chúng tôi hành quân đến thôn Gia Bình. Chúng tôi vừa phân công các tổ phục kích xong thì một đại đội Mỹ xộc đúng vào trận địa phục kích. Những tên Mỹ da trắng, da đen cao to, đeo ba lô, trang bị công kênh súng lăm lăm, có tên vì nóng phanh áo ngực. Đội bạn Mỹ đi đầu đến gần, Tiểu đội phó Đặng Ngọc Du, xạ thủ B40, quê Hồng Sơn, Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu, Nghệ An bóp cò. Sau tiếng nổ ba tên Mỹ ngã gục. Tiếp đến, cối 60, các loại súng trung liên, AK, lựu đạn nổ dồn dập về phía địch. Bị đánh

bất ngờ quân địch dừng lại bắn trả. Trung đội trưởng Hồ Phi Hùng, quê Quỳnh Văn, Quỳnh Lưu, Nghệ An dẫn trung đội xông thẳng vào đội hình địch, chia cắt chúng để diệt. Cuộc chiến đấu diễn ra giằng co. Một số chiến sĩ của đại đội hy sinh: chiến sĩ Nguyễn Hồng Quế, quê ở Đồng Lâm, Thái Hòa, Nghĩa Đàn, Nghệ An; chiến sĩ Nguyễn Văn Tiên, quê xóm 4, Quỳnh Hải, Quỳnh Lưu, Nghệ An và chiến sĩ Vũ Văn Thực, quê Lam Sơn, Quỳnh Thọ, Quỳnh Lưu, Nghệ An. Tim tôi thắt lại, lòng tự nhủ "phải trả thù cho những đồng chí vừa ngã xuống". Tôi dẫn trung đội của Nguyễn Văn Cự (quê Cự ở Hồng Phương, Yên Lạc, Vĩnh Phúc) và khẩu cối 60 ly vòng sang cánh trái. Một cụm quân địch đang tập trung đối phó với quân ta ở hướng chính diện. Tôi ra hiệu cho anh em bí mật tiếp cận. Khi quân địch trong tầm bắn của AK và tầm ném của lựu đạn, tôi ra lệnh tấn công. Ngay loạt đạn đầu chúng tôi đã diệt ba tên Mỹ. Các loại súng B40, AK và lựu đạn thi nhau nã vào quân thù. Khẩu cối 60 ly (bắn ứng dụng) cũng rót những quả đạn chính xác vào đội hình địch. Sau 20 phút chiến đấu, đại đội Mỹ hầu hết bị tiêu diệt, chỉ còn gần chục tên chạy thoát về căn cứ.

Địch cho pháo, cối từ Cồn Tiên, Dốc Miếu, Quán Ngang bắn cấp tập về trận địa. Trung đội trưởng Hồ Phi Hùng, Trung đội phó Nguyễn Văn Cự cùng sáu

chiến sĩ nữa đã ngã xuống, đó là các đồng chí: Nguyễn Ngọc Thố, quê Ngọc Điền, Quỳnh Tam, Quỳnh Lưu, Nghệ An; Trần Văn Đức, quê Tam Đồng, Quỳnh Tam, Quỳnh Lưu, Nghệ An; Hồ Văn Tổng, quê An Ngọc, Quỳnh Lâm, Quỳnh Lưu, Nghệ An; Nguyễn Ngọc Nam, quê Nghi Trung, Nghi Lộc, Nghệ An; Hồ Đình Ngọc, quê Tân Thắng, Quỳnh Lâm, Quỳnh Lưu, Nghệ An và Phạm Văn Đảng, quê xóm 15, Quỳnh Sơn, Quỳnh Lưu, Nghệ An. Khi ngót pháo địch, chúng tôi đau đớn đưa các liệt sĩ về dưới gốc đa cổ thụ của thôn Gia Bình. Chính dưới gốc đa này hồi đầu tháng 3 năm 1968, quân Mỹ đã hèn hạ xả súng bắn chết Cao Như Thiêm. Ở đây có một giếng nước cổ, hình tròn, xếp đá, nước trong mát. Chúng tôi đã lấy nước từ giếng nước này tắm rửa cho anh em và làm lễ an táng tại thôn Gia Bình, xã Gio An, huyện Gio Linh.

Đến ngày 13 tháng 9 năm 1968, chúng tôi lại có trận chiến đấu ở thôn Gia Bình. Trận này Đại đội 2 diệt hơn một trung đội Mỹ. Đại đội có bảy đồng chí hy sinh, đó là: Tiểu đội trưởng Phạm Trọng Hội, quê Lương Xá, Thanh Ba, Phú Thọ; Tiểu đội trưởng Trịnh Xuân Lữ, quê xóm 4, Yên Quý, Yên Định, Thanh Hóa; Tiểu đội phó Bùi Xuân, quê Sơn Phú, Thượng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh. Và bốn chiến sĩ là: Nguyễn Văn Hồng, quê Phượng Đỗ, Phúc Thọ, Hà Tây; Lê Văn Thịnh, quê Liên Minh, Nghĩa Thuận,

Nghĩa Đàn, Nghệ An; Cao Tiến Xinh, quê Tân Phú, Diễn Phú, Diễn Châu, Nghệ An và Nguyễn Văn Hưng, quê Nhật Tân, Mỹ Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh. Những đồng chí này cũng được đưa về dưới gốc đa cổ thụ Gia Bình tắm rửa nước giếng và làm lễ an táng tại thôn Gia Bình, xã Gio An, huyện Gio Linh.

Ngày 10 tháng 11 năm 1968, Đại đội 17 cối 82 của trung đoàn đánh một trận rất hay. Nhận lệnh chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ đại đội hành quân liên tục 16 tiếng đồng hồ dưới phi pháo của địch. Đến vị trí, đơn vị triển khai chiếm lĩnh trận địa. Ngay loạt đạn đầu tập kích vào căn cứ địch ở Cam Lộ, Đại đội 17 đã diệt và làm bị thương 17 tên Mỹ. Đánh xong đại đội rút quân nhanh, không một ai bị thương vong.

Từ thực tế chiến trường, cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 27 vừa lo tổ chức đơn vị tham gia chiến đấu ở phía trước, vừa chuẩn bị mọi mặt để đánh liên tục lâu dài. Đơn vị đã mở tiếp các tuyến đường vận tải, tìm vị trí đặt các kho trạm, khẩn trương vận chuyển gạo, đạn, hàng hóa vào địa bàn. Trên bản đồ tác chiến, trung đoàn có thêm những ký hiệu mới về vị trí kho tàng do trung đoàn quản lý. Các đơn vị vận tải cũng mở nhiều con đường mới từ kho Mặt trận, đến các nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực tác chiến sắp tới của trung đoàn.

Vận tải vũ khí, hàng hóa chủ yếu bằng đôi vai chiến sĩ. Đại đội 22 vận tải của trung đoàn mang hàng vào khu vực tác chiến phải luồn lách qua nhiều vị trí địch. Những lúc gặp địch, anh em vừa cất giấu hàng, vừa cầm súng chiến đấu. Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 22 đã từng chiến đấu với bộ binh Mỹ trong các chuyến chuyển hàng vào kho Đồi 300 đất, Đồi 300 đá. Có lần gặp địch bất ngờ, lực lượng ta và địch không cân sức, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 22 phải mang cả hàng trên vai đánh địch.

Tôi còn nhớ mãi một chuyến hàng "khẩn cấp" của Đại đội 22 chuyển vào đơn vị tôi do Đại đội phó Nguyễn Văn Ty chỉ huy. Sau hai ngày đêm luồn lách, anh em đưa hàng gần đến nơi thì gặp địch. Với quyết tâm diệt địch bảo vệ hàng, đưa hàng lên tận trận địa cho chiến sĩ bộ binh, cán bộ chiến sĩ Đại đội 22 đã đánh trả địch quyết liệt. Nguyễn Văn Ty đã chỉ huy đại đội đánh thắng và chính anh đã dũng cảm vật lộn với một tên Mỹ cao to. Được đồng đội tiếp sức anh đã diệt được tên Mỹ. Nguyễn Văn Ty đã nêu một tấm gương sáng về lòng quả cảm, tinh thần phục vụ tận tụy cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ trung đoàn học tập.

Chuẩn bị đủ vật chất để trung đoàn hoạt động liên tục suốt cả mùa mưa ở chiến trường Bắc Quảng Trị quả là gian lao và mọi việc không kém phần

khốc liệt. Lúc này, đơn vị chiến đấu của tôi cũng đồng thời là đơn vị vận tải. Đánh xong một trận lại vận chuyển; vận chuyển xong lại đánh. Tất cả mọi việc đều dồn lên đôi vai mang hàng và đôi tay cầm súng của người chiến sĩ Trung đoàn 27.

Đánh suốt bốn mùa, điều tưởng như không thể, nhưng cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 đã làm được. Vì thế, trung đoàn đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mà Bộ Tư lệnh Mặt trận B5 giao cho: Giữ cho chiến trường Bắc Quảng Trị luôn luôn có tiếng súng. Lúc dồn dập, lúc cầm canh rỉ rả. Chúng tôi đã lợi dụng mưa lũ để hành quân, vận tải tránh thương vong, và chúng tôi cũng lợi dụng lúc trời nổi cơn giông để đưa bộ đội tiềm nhập. Những lúc như thế là những lúc bất ngờ nhất. Trong mưa gió, người chiến sĩ chiến đấu tuy có vất vả hơn nhiều, song đó lại là những đòn bất ngờ giáng xuống đầu quân địch, làm cho chúng kinh hoàng.

Trận đánh tháng 12 năm 1968 là trận đánh tập kích quân Mỹ vừa đổ xuống. Hôm đó, từ sáng sớm tôi được trên thông báo nhiều khả năng địch sẽ đổ quân xuống cao điểm 333. Đại đội tôi đóng gần cao điểm này. Nhận được lệnh, tôi hội ý Ban chỉ huy và cấp ủy. Sau khi trao đổi, thống nhất phương án, hạ quyết tâm chiến đấu, tôi dẫn các trung đội trưởng đi chuẩn bị địa hình. Chính trị

viên ở nhà lo tổ chức bộ đội. Khoảng 9 giờ, trên không xuất hiện chiếc L19, sau khi lượn mấy vòng nó bắn đạn khói chỉ điểm cho hai chiếc AD6 đến ném bom, bắn phá khoảng 30 phút. Từ hướng đông xuất hiện một bầy trực thăng hơn chục chiếc, bay gần đến cao điểm 333, hạ độ cao và đổ quân. Tôi báo liên lạc chạy về báo chính trị viên cho bộ đội xuất kích. Tôi tranh thủ thống nhất phương án chiến đấu với Đại đội phó Nguyễn Văn Bốn (quê anh ở Tượng Sơn, Thạch Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh) và Trung đội trưởng Lê Văn Thuyền (quê anh ở Đội 6, Xuân Lĩnh, Nghi Xuân, Hà Tĩnh). Tôi nói:

- Tôi sẽ đi với trung đội của Thuyền, đánh từ phía nam lên. Đi với trung đội này có thêm khẩu cối 60 ly. Anh Bốn cùng với chính trị viên đi với trung đội còn lại. Khi mũi phía nam tiếp cận được địch, nổ súng là hiệu lệnh hiệp đồng tiến công.

Tôi vừa nói xong thì Chính trị viên Lê Văn Dy¹, (quê anh ở xóm Bầu, Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội) dẫn đại đội đến. Tôi nói lại cho chính trị viên phương án chiến đấu. Chính trị viên nói thêm:

1. Anh Dy là giáo viên Học viện Chính trị đi thực tế làm Chính trị viên.

- Về phương án anh vừa nói, tôi hoàn toàn nhất trí. Nhưng anh nhắc bộ đội đi thưa, nguyệt trang kín đáo, không để địch phát hiện dùng phi pháo oanh tạc, gây thương vong.

Tôi yêu cầu mọi người về quán triệt đến từng chiến sĩ phương án chiến đấu và tổ chức hành quân.

Tôi và Trung đội trưởng Thuyền đi đầu đội hình. Trên trời, máy bay OV10, L19 vẫn vè vè, thi thoảng chúng phóng rốc-kết về phía tây cao điểm. Tôi bảo Thuyền:

- Ta chọn hướng tiến công này là chính xác rồi, địch tập trung chú ý về phía tây và phía bắc. Hãy động viên bộ đội đi thưa nhưng không để bị lạc.

Đội hình hành quân gần một giờ thì cách địch mấy trăm mét. Tôi cho bộ đội dừng lại triển khai đội hình chiến đấu. Tôi bảo Thuyền:

- Điều khẩu cối 60 ly, khẩu B40, B41, trung liên lên đầu đội hình.

Mấy phút sau, hai chiến sĩ, một vác khẩu cối, một gùi đạn và các chiến sĩ B40, B41, trung liên có mặt. Tôi dặn anh em:

- Khi tôi bắn B40 làm hiệu lệnh, các đồng chí đồng loạt bắn cối, bắn B40, B41, trung liên vào đội hình quân địch rồi xung phong.

Tôi dẫn hai chiến sĩ B40 và B41 vượt lên chỉ mục tiêu cho họ rồi quay lại nhắc chiến sĩ cối và chiến sĩ trung liên:

- Giá súng, lấy tâm, hướng, bắn mười quả đạn, sau đó tháo giá vận động và bắn ứng dụng. Trung liên quan sát mục tiêu, thấy quân Mỹ cụm đông là bắn.

- Rõ!

Quân Mỹ vừa đổ xuống triển khai đào công sự chiến đấu. Những tên Mỹ da đen mồ hôi nhễ nhại. Những tên Mỹ da trắng phanh áo ngực để lộ đầy lông lá. Thời cơ nổ súng đã đến. Tôi lấy khẩu B40 của chiến sĩ Lê Quốc Đạt (quê anh ở Thạch Linh, Thạch Hà, Hà Tĩnh) nhằm vào ba tên Mỹ đang chụm đầu đào công sự bốp cò. Tiếng nổ đánh đầu nòng rồi tiếng nổ trầm đục kế tiếp, ba tên Mỹ nảy lên, ngã vật.

Sau tiếng B40 là các loại súng của ta thi nhau nã đạn vào quân Mỹ. Bị đánh bất ngờ, quân Mỹ choáng váng. Sau vài phút chúng bừng tỉnh, bắt đầu bắn trả quân ta.

Trung đội trưởng Lê Văn Thuyền dẫn đầu trung đội đánh vào trung tâm. Anh diệt được 3 tên Mỹ. Mải tấn công, Thuyền không chú ý đến tên Mỹ giả vờ chết. Nó dùng AR15 bắn từ phía sau. Thuyền

ngã xuống. Chiến sĩ Bùi Như Đang (quê Kim Động, Tân Xã, Thạch Thất, Hà Tây) thấy vậy liền xả một loạt đạn, kết liễu tên Mỹ, trả thù cho người trung đội trưởng dũng cảm.

Mũi Chính trị viên Dy và Đại đội phó Bốn cũng nhanh chóng tiêu diệt những tên địch ở vòng tiền duyên rồi đánh vào trung tâm. Trong lúc tiến công, Đại đội phó Nguyễn Văn Bốn trúng đạn hy sinh. Y tá Nguyễn Quốc Toàn (quê Vân Duối, Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng) đi sát Chính trị viên Dy bị khẩu trọng liên của địch bắn tạt sườn, trúng đạn hy sinh.

Cuộc chiến đấu càng về sau càng ác liệt hơn. Tôi chỉ huy tập trung hỏa lực cả đại đội đánh áp đảo quân Mỹ. Trước sức tấn công của ta, quân Mỹ còn lại tháo chạy về phía nam cao điểm, gọi máy bay, pháo binh oanh tạc vào phía sau đội hình, ngăn quân ta tiến công. Chiến sĩ Lê Quốc Đạt và Bùi Như Đang dính đạn pháo hy sinh.

Tôi nghĩ, nếu cứ truy đuổi quân Mỹ, bộ đội sẽ bị thương vong thêm, nên quyết định dừng cuộc chiến đấu, thu dọn chiến trường, đưa thương binh, liệt sĩ về phía sau.

Đại đội phó Nguyễn Văn Bốn, Trung đội trưởng Lê Văn Thuyên, chiến sĩ Lê Quốc Đạt, y tá Nguyễn

Quốc Toàn và chiến sĩ Bùi Như Đang được đưa về an táng tại chân cao điểm 333.

Trận tập kích này, đại đội tôi tiêu diệt hơn 30 tên Mỹ, thu 12 súng, một máy vô tuyến điện PRC25. Đại đội hy sinh năm đồng chí, bảy đồng chí bị thương nhẹ.

Đơn vị đang củng cố thì được lệnh hành quân gấp ra cao điểm Động Ông Cay nằm ở bờ nam sông Bến Hải, nơi ta đặt trận địa pháo bắn vào Đông Hà, Ái Tử, Quán Ngang, Dốc Miếu. Do địch phát hiện được trận địa, biết ta hết đạn, chúng cho trực thăng đổ quân xuống, định cướp pháo của ta nên Đại đội 2, Tiểu đoàn 1 của tôi được lệnh ra bảo vệ trận địa pháo này.

Thời gian này đang vào mùa mưa, những con suối Khe Khi, Khe Nhì nước dâng cao chảy xiết, đơn vị phải dùng dây song nối hai bờ suối làm chỗ dựa cho anh em vượt qua. Khi chúng tôi đến địa điểm đã định xây dựng công sự, trận địa vừa xong thì cũng là lúc địch cho máy bay ném bom phát quang làm trụ đỉnh đồi Động Ông Cay. Chúng còn cho pháo binh chân nát các khu vực lân cận. Chúng tôi nằm im chờ đợi. Tưởng chừng đã tiêu diệt hết sự sống trên mặt đất, khoảng 9 giờ ngày 11 tháng 12 năm 1968, địch cho từng tốp trực thăng UH1A bay đến hạ thấp độ cao, đổ quân. Lúc này tôi lệnh cho

khẩu cối 82 ly và cối 60 ly bắn cấp tập vào đội hình của chúng. Bị đòn bất ngờ, một máy bay trực thăng trúng đạn bốc cháy. Quân Mỹ chết la liệt, nhưng chúng vẫn ngoan cố chưa từ bỏ ý đồ cướp pháo. Chúng tiếp tục đổ quân. Cuộc chiến đấu giữa Đại đội 2 với đại đội quân Mỹ diễn ra quyết liệt. Cán bộ, chiến sĩ ta kiên cường dùng B40, B41, súng AK chặn đứng các đợt tiến công của quân Mỹ. Cuộc chiến đấu kéo dài từ 9 giờ đến 16 giờ, bị tổn thất nặng quân Mỹ buộc phải cho trực thăng đến bốc quân và nhặt xác những tên lính Mỹ xấu số. Đại đội 2 có ba đồng chí hy sinh, đó là: Tiểu đội trưởng Nguyễn Minh Thái, quê Võng La, Đông Anh, Hà Nội, Tiểu đội phó Lê Văn Đồng, quê Đông Phái, Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An và Tiểu đội phó Hoàng Đình Uyển, quê Hoàng Mai, Thanh Trì, Hà Nội.

Ngày trong đêm, Bộ tư lệnh Mặt trận B5 lệnh cho đơn vị pháo binh đưa xe vào cao điểm Động Ông Cay kéo pháo về bờ bắc sông Bến Hải.

Những ngày cuối năm 1968, tình hình càng trở nên khó khăn do việc tiếp tế từ hậu phương vào bị cản trở do gặp phải nước lũ các sông, suối ở bắc Quảng Trị và bị địch đánh phá. Có kẻ bạc nhược, đầu hàng địch đã khai báo việc ta cho gạo vào bao nylon thả từ đầu nguồn sông Ba Lòng, các đơn vị ở dọc bờ sông cứ thế mà vớt. Thế là bọn địch cho máy

bay trực thăng cán gáo bay dọc sông, cứ thấy bao gạo nổi là bắn làm nguồn tiếp tế duy nhất trên sông của bộ đội ta bị gián đoạn. Trước tình hình đó, Đại đội 2 Tiểu đoàn 1 của tôi căng óc nghĩ các phương án làm thế nào để có lương thực, thực phẩm nuôi cả trăm con người, trong đó có gần sáu mươi thương binh. Tôi bàn với ban chỉ huy, cử tổ trinh sát ba người và năm chiến sĩ khỏe, hoạt bát lên cao điểm 710, nơi địch vừa đổ quân và hàng hóa xuống để moi nguồn lương thực, thực phẩm. Hôm đầu anh em mò vào kho quân lương của địch lấy được tám gùi hàng, có cả thịt hộp, thuốc lá. Ba đêm sau, cũng phương thức như vậy anh em lấy được 24 gùi nữa. Đêm thứ năm, khi đã cho thịt hộp vào gùi, trên đường ra bất ngờ anh em gặp tên Mỹ đi tuần tra, nó kêu: Vi xi! Vi xi! Vi xi! Thế là anh em đeo cả ba lô lẫn xuống dốc. Đến lưng chừng anh em vướng vào mấy bụi chuối rừng mắc lại. Không ai việc gì. Địch cho pháo bắn một hồi lâu dọc theo khe suối rồi thôi.

Cả đại đội lấy rau môn thực, rau tàu bay, rau dớn, rau sam đá vôi nấu với thịt hộp. Mỗi nồi anh em còn cho thêm một bánh lương khô. Thế là bằng số thực phẩm lấy được của địch, anh em cũng nuôi nhau được gần một tháng cho đến khi Mặt trận cử chín trinh sát mang theo gạo vào Đại đội 2.

Sau đợt này tôi cho anh em lấy thịt hộp chôn giấu ở Kiêng và các điểm dừng chân để đến khi gặp khó khăn bị bao vây phong tỏa, có cái để dùng, để sống và chiến đấu.

Vào những ngày cuối tháng 12 năm 1968, một hôm tôi dẫn một trung đội đi trinh sát khu vực núi Hồ Khê và núi Đá Bạc thuộc xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ. Phía tây núi Đá Bạc, là con suối La La chảy quanh đồi Không Tên. Ở khu vực núi Hồ Khê và núi Đá Bạc, ta và địch đã nhiều lần chạm trán với nhau. Đại đội tôi cũng đã đánh hàng chục trận với quân Mỹ, khi thì tập kích, lúc phục kích, đặt mìn, dùng pháo cối. Khi chúng tôi đến khu vực Đồi Dù¹, cách núi Hồ Khê 500 mét, thì phát hiện một trung đội thám báo Mỹ. Lúc này, trời đã về chiều, tôi quan sát thấy lính Mỹ đang đào công sự. Tôi nghĩ, thế nào nó cũng ở lại. Tôi tiếp tục cho anh em bám địch. Khi trời tối hẳn, quân Mỹ bí mật di chuyển cách Đồi Dù vài ba trăm mét, xuống một khe suối, nơi mà anh em chúng tôi cũng dự kiến sẽ nghỉ đêm lại đó. Tôi thầm nghĩ: Thì ra nó sợ quân ta tập kích, nên tránh đòn đây mà. Tôi bàn với hai tiểu đội trưởng, đúng 4 giờ sáng, lúc quân Mỹ ngủ say nhất ta sẽ tập kích.

1. Ở đây dù pháo sáng của Mỹ thả vương lên những cây khô, cây cháy dở rất nhiều, nên anh em đặt tên là Đồi Dù.

Cả đêm tôi không ngủ, thi thoảng lại nhìn đồng hồ. 4 giờ kém 15, tôi đánh thức anh em dậy chuẩn bị chiến đấu. Ánh trăng hạ tuần cũng đủ soi sáng những mái nhà bạt do quân Mỹ dựng vội. Khi đội hình đã sẵn sàng, tôi lệnh cho chiến sĩ Dân xạ thủ B40 nhằm chiếc nhà bạt to nhất bắn một quả đạn làm hiệu lệnh tiến công. Sau tiếng nổ, chiếc nhà bạt bùng cháy, năm tên Mỹ bị diệt. Anh em thi nhau bắn B40, súng AK, ném lựu đạn vào các nhà bạt khác. Bị đánh bất ngờ, quân Mỹ không kịp trở tay, một trung đội thám báo Mỹ bị anh em chúng tôi diệt gọn.

Trận đánh kết thúc. Tôi cho anh em theo khe suối cận Hồ Khê rút về an toàn.

Đợt ba của cuộc Tổng tiến công năm 1968, Đại đội 2 chỉ còn 15 tay súng, ba quả B40, mỗi người còn hơn băng đạn và vài quả lựu đạn. Tôi báo cáo tình hình đơn vị lên cấp trên, được cấp trên đồng ý cho đơn vị rút ra củng cố lực lượng, rút kinh nghiệm chiến đấu. Chúng tôi tổ chức cho anh em hành quân. Khi đến Hồ Khê, Đá Bạc chúng tôi phát hiện một đại đội lính ngự (sau này chúng tôi được biết đại đội này thuộc trung đoàn Hà Mã). Đại đội ngự chốt ở một làng đã bỏ, chặn con đường rút của ta qua sông Cam Lộ. Chúng tôi bí mật tiếp cận quan sát thì thấy chúng đang giết lợn của dân, đun nấu, khói mù mịt. Tôi bàn với cán bộ chỉ huy đại đội:

- Tối nay, thế nào địch cũng sẽ nghỉ lại ở đây. Xem ra chúng chủ quan lắm, đang xúm vào nấu ăn. Ta đánh hay tìm đường tránh?

- Đánh thì được. Nhưng nếu xảy ra thương vong thì giải quyết sao? - Chính trị viên đại đội băn khoăn.

- Tôi cũng đã nghĩ đến tình huống này rồi. Cố gắng đánh chắc thắng, không để xảy ra thương vong. Còn ba quả B40, ta sẽ bắn vào ba nhà bạt, sau đó dùng AK, lựu đạn diệt những tên sống sót. Đại đội chia thành ba tốp, mỗi tốp năm người, yểm trợ cho nhau.

Quyết tâm đánh địch được mọi người nhất trí cao.

Mặt trời vừa lặn. Một cơn mưa bất chợt đổ xuống, quân nguy chui cả vào nhà bạt. Thời cơ diệt địch đã đến. Tôi lệnh cho xạ thủ B40 bắn vào chiếc nhà bạt trung tâm, liền sau đó hai chiến sĩ B40, bắn nốt hai quả đạn vào hai nhà bạt còn lại. Quân nguy bị đánh bất ngờ nên vô cùng hoảng loạn, những tên bị thương la ó. Chúng tôi tập trung súng AK, lựu đạn đánh dồn dập. Những tên nguy sống sót cầm đầu cầm cổ tháo chạy không dám quay lại chống trả. Trận đánh diễn ra chưa đầy 10 phút, chúng tôi hoàn toàn làm chủ trận địa. Khi anh em qua bếp thấy thịt lợn lợn địch luộc còn dở trong xoong, cậu Thuận nhanh tay cho những miếng thịt

lợn luộc vào đây chiếc ba lô ngực. Thuận mãi quá quên nóng, thịt lợn làm phỏng rộp cả lưng. Chúng tôi đi ngược dòng sông Cam Lộ đến chân cao điểm 400 thì trời sáng. Tôi cho anh em dừng lại. Đơn vị chỉ có hai chiến sĩ bị sái chân do ngã, còn lại đều an toàn.

Hôm sau, qua tin kỹ thuật ta nắm được địch thú nhận chúng bị thương vong nặng nề, số sống sót chạy được về Cam Lộ vẫn chưa hết kinh hoàng.

Đại đội 2, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 27 được lệnh ra phía sau củng cố nửa tháng rồi lại trở vào chiến đấu.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Miễn Phí | Đọc Sách Online

Từ khi vào Bắc Quảng Trị tham gia chiến đấu, tôi đã chỉ huy trung đội rồi đại đội đánh 36 trận bằng các hình thức chiến thuật: Tập kích, vận động tiến công kết hợp chốt, phục kích, vây ép, đánh giao thông ở Đường 9, Đường 76, đánh vận động... trên khắp chiến trường Bắc Quảng Trị từ cao điểm 288, cao điểm 135, cao điểm 137, cao điểm 113, cao điểm 84, cao điểm 333 đến Động Ông Cay, bãi Tân Kim... Trong các trận đánh đó, chúng tôi đã diệt và đánh thiệt hại nặng bảy trung đội Mỹ, phá hủy 11 xe quân sự, bắn rơi năm máy bay, thu nhiều súng và máy

thông tin PRC25. Trong các trận chiến đấu kể trên, bản thân tôi diệt 32 tên Mỹ, ngụy thu năm súng AR15, một máy vô tuyến PRC25, một bản đồ quân sự.

Chiến thắng của quân và dân ta trên chiến trường Bắc Quảng Trị trong năm 1968 có sự đóng góp của cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 - Trung đoàn Đỏ Xô-viết - Nghệ Tĩnh. Ngày đêm trung đoàn bám đất, bám dân, bám địch, tạo thế chiến trường, tích cực đánh địch hết mùa khô đến mùa mưa làm cho địch phải căng ra đối phó. Sau một năm chiến đấu trên chiến trường Bắc Quảng Trị nóng bỏng, Trung đoàn 27 đã thực sự trưởng thành, xứng đáng với sự tin cậy của đồng bào và những đơn vị bạn đang chiến đấu trên chiến trường Quảng Trị anh hùng.

Nhớ đến năm 1968 ở Quảng Trị, cùng với những người chiến sĩ xung kích tôi không thể không nói đến các anh, các chị văn nghệ sĩ. Dù thời gian có thể làm nhạt nhòa quá khứ, nhưng có một điều mãi mãi đọng lại trong tâm hồn, mạch sống của mỗi con người đã một thời gắn bó với mảnh đất khốc liệt vào bậc nhất của chiến trường miền Nam đó là những ca khúc viết về Quảng Trị thời gian này. Những giai điệu nhuộm màu lửa khói đã ngân lên giữa đất trời Quảng Trị: "Ai đã tới miền quê em Quảng Trị - Thừa Thiên. Qua Đường Chín, tình

Gio Linh lắng trong giọng hò..." (*Tiếng hát trên đường quê hương* - Huy Thục). Câu hát như bật từ máu lửa bay lên.

Một loạt bài hát ra đời trong năm 1968 đã kịp thời khích lệ động viên tinh thần chiến đấu của quân dân Quảng Trị: *Chào Đường Chín anh hùng, Con suối La La* (Huy Thục); *Bài ca Đường chín chiến thắng* (Văn Dung); *Bài ca Vĩnh Linh* (Hoàng Vân); *Rừng xanh vang tiếng Ta Lư* (Phương Nam)...

Bất cứ ở đâu, những người lính đều có chỗ dựa vững chắc, đó là Bà mẹ Việt Nam. Mẹ không chỉ là một biểu tượng đẹp đẽ mà còn là một hiện thực đầy sinh động. Có sống trong những năm tháng giữa bom đạn mù trời ở Quảng Trị mới cảm nhận hết nỗi đau và niềm tự hào về tấm lòng của người mẹ nơi đây: "*Mảnh đất thân thương hiền lành giản dị. Vẫn thơm tiếng mẹ Quảng Trị quê ta... Mẹ đón quân ta về nhà nghỉ lại. Cầm tay mẹ nói giải phóng quân ta...*" (Quân reo quê mẹ Quảng Trị anh hùng - Trọng Loan). Không ồn ào mà lắng đọng, dạt dào lòng mẹ. Chính sự mộc mạc, chân thành giản dị trong lời ca và giai điệu đã làm cho bài hát sống mãi với thời gian.

Anh Huy Thục viết bài "Tiếng đàn Ta Lư" là một bài hát mô tả những người con gái Pa Cô yêu đời, ôm đàn đi đánh giặc. Vui là thế, vậy mà ai biết

rằng anh đã viết bài hát đó trong một hoàn cảnh đau buồn, chung quanh là bom đạn, lửa khói và máu đỏ. Anh Huy Thục tâm sự:

- Một buổi sáng mùa xuân 1968, đại đội nữ thanh niên xung phong hy sinh gần hết sau một trận bom dữ dội kéo dài hàng tiếng đồng hồ. Chị em gắng sức giữ cho được cung đường hiểm yếu. Tôi đã khóc, khóc ròng cả một buổi chiều rồi lặng lẽ ngắt một bó hoa rừng đi viếng mộ các chị dưới một cánh rừng thuộc huyện Hướng Hóa. Không thể buồn mãi được, buồn thế này làm sao có thể đàn hát cho chiến sĩ. Nghĩ vậy, tôi liền ôm lấy cây đàn ghi ta lập tức tung lên những nốt nhạc rộn ràng.

Bài hát "Tiếng đàn Ta Lư" ra đời như vậy đó.

Cho đến tận bây giờ, trong tôi vẫn vang lên những giai điệu, lời ca hoành tráng trong những ngày kháng chiến chống Mỹ - Dấu ấn đậm sâu của một thời Quảng Trị hào hùng.

Chương ba

CHIẾN ĐẤU TRÊN TUYẾN HÀNG RÀO ĐIỆN TỬ MÁC NA-MA-RA

Bị thất bại nặng nề trong cuộc "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta, ý chí xâm lược của Mỹ đã lung lay. Cuối năm 1968, đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, đơn phương tuyên bố ngừng ném bom bắn phá không điều kiện đối với miền Bắc nước ta. Tổng thống Mỹ Giôn-xơn không ra tranh cử nhiệm kỳ 1968 - 1972. Ních-xơn trở thành tổng thống nước Mỹ. Ông ta đề ra "Học thuyết Ních-xơn", thay đổi chiến lược quân sự của Mỹ từ "phản ứng linh hoạt" sang "ngăn đe thực tế".

Đối với miền Nam nước ta, Ních-xơn thay chủ trương "Phi Mỹ hóa chiến tranh" của Giôn-xơn bằng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" mà mục tiêu cơ bản vẫn là bám giữ Việt Nam, ngăn chặn phong

trào cách mạng ở Đông Dương và Đông Nam Á, đồng thời giảm bớt sự can thiệp trên bộ của bộ binh và tránh một thất bại nhục nhã cho Mỹ. Thực chất chủ trương này vẫn là dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương với bom đạn và sự chỉ huy của Mỹ, nó gắn liền với một chiến lược toàn cầu đầy tham vọng của Nhà Trắng.

Học thuyết Ních-xơn được đem thí nghiệm đầu tiên ở Việt Nam. Với những cố gắng rất lớn, địch tập trung lực lượng tiến hành một cách tàn bạo và xảo quyệt ba hình thức mà chúng gọi là: chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt và chiến tranh hủy diệt. Chúng kết hợp các thủ đoạn chính trị, kinh tế, văn hóa với chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý để xóa bỏ hạ tầng cơ sở của ta, xây dựng hạ tầng cơ sở của chủ nghĩa thực dân mới.

Trên chiến trường Bắc Quảng Trị, bước sang năm 1969, đế quốc Mỹ bắt đầu thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", chúng cố gắng đưa dân quân ngụy ra vòng ngoài, quân Mỹ sẵn sàng ứng cứu khi cần thiết, đồng thời chi viện hỏa lực tối đa để giữ và củng cố tuyến phòng thủ của chúng. Trong phòng tuyến Đường 9, tướng Mỹ Abram chủ trương đưa bộ binh cơ giới Mỹ ra để thực hiện âm mưu này. Thực hiện kế hoạch do Abram vạch ra, địch khai thông và mở rộng nhiều tuyến đường phục vụ cho việc cơ động nhanh chóng lực lượng bộ binh

cơ giới. Những chiếc máy húc khổng lồ cùng binh lính Mỹ được tức tốc điều ra Quảng Trị làm đường cho xe tăng đi từ Cửa Việt, Đông Hà, Dốc Sỏi, Cam Lộ đến Phu-lơ (cao điểm 544). Nhiều con đường quân sự làm gấp đến các cao điểm quan trọng ở phía bắc Đường 9 được hình thành. Nhà cửa, vườn ruộng của nhân dân đều bị nghiền nát dưới xích xe tăng Mỹ. Đồi núi phía bắc Đường 9 lúc này ngày đêm rung chuyển bởi tiếng nổ của các loại động cơ.

Từ cuối năm 1968, lợi dụng lúc lực lượng ta trên chiến trường gặp khó khăn tạm thời, Mỹ - ngụy tập trung lực lượng lớn phản kích đẩy lùi chủ lực ta ra khỏi các địa bàn quan trọng. Chúng còn đánh sâu vào vùng rừng núi phía tây hồng làm cho quân ta hết khả năng tiến công lớn xuống đồng bằng, đô thị.

Tại chiến trường Bắc Quảng Trị, cuối năm 1968, các đơn vị chủ lực của Bộ đều rút lên núi và ra phía bắc giới tuyến, chỉ còn Trung đoàn 27 và các lực lượng bộ đội tỉnh cùng du kích bám trụ hoạt động. Trung đoàn 27 được giao nhiệm vụ là đơn vị chủ lực cơ động của Mặt trận B5.

Trước những chủ trương quân sự mới của tướng Abram, Bộ tư lệnh Mặt trận B5 giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 27: Xây dựng đơn vị thành lá cờ đầu về tiêu diệt xe cơ giới Mỹ đánh bại chiến thuật "Trâu rừng" ("Trâu rừng" là cách gọi của các nhà quân sự Mỹ ở Sài Gòn).

Chiến thuật "Trâu rừng" mà quân Mỹ áp dụng, là: Ban ngày chúng cho xe tăng và xe bọc thép tổ chức thành nhiều mũi, đi càn khắp nơi, tối đến chúng bí mật cho xe cụm lại xung quanh các vị trí quan trọng của từng khu vực. Cứ mỗi lớp xe lại có một lớp lính nằm quây lại với nhau. Nếu bị đối phương tiến công, xe tăng vừa là hỏa lực chi viện, vừa là công sự cho lính bộ binh chống trả. Cái "bẫy" làm bằng vỏ thép ấy được lính Mỹ giăng ra khắp nơi, nhằm bảo vệ tuyến "hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra" ở phía bắc Đường 9, ngăn chặn quân ta tiến công khi mùa khô đến.

Tôi xin dành ít dòng để nói về hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra này. "Hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra" được ra đời từ ý tưởng của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mác Na-ma-ra, với ý đồ phải "chặn đứng mọi nguồn tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam". Từ tháng 3 năm 1966, chính phủ Mỹ tổ chức một nhóm nghiên cứu gồm 47 nhà khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại để tìm biện pháp mới. Mác Na-ma-ra được giao nhiệm vụ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo nội dung nghiên cứu.

Sau ba tháng làm việc khẩn trương, một đề án xây dựng phòng tuyến dọc theo khu phi quân sự bằng những phương tiện vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại nhất thời đó của quân đội Mỹ đã ra đời. Cuối tháng 6 năm 1966, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ công bố

quyết định xây dựng phòng tuyến. "Hàng rào điện tử" được báo chí Mỹ đặt cho đủ thứ tên "Phòng tuyến Mác Na-ma-ra", "Tuyến Ma-di-nô phương Đông". Dự chi cho công trình đồ sộ này khoảng 2 tỷ đô la.

Với mục đích ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam, hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra kết hợp với không quân có nhiệm vụ "Kịp thời phát hiện và ném bom hủy diệt ngay lập tức từng tốp người, từng chiếc xe, từng khẩu pháo, từng kiện hàng từ miền Bắc đưa vào miền Nam bằng đường Hồ Chí Minh dù vận chuyển theo trục đường phía đông hay phía tây Trường Sơn". Mỹ cho rằng "hàng rào điện tử" hiện đại này sẽ loại trừ được khả năng đột nhập của quân đội Bắc Việt Nam vào Nam Việt Nam.

Phòng tuyến Mác Na-ma-ra với hệ thống vật cản dày đặc, các thiết bị trinh sát điện tử mặt đất và trên không hiện đại cùng một hệ thống phòng ngự gồm 17 căn cứ bố trí liên hoàn trong khu vực có chiều dài khoảng 100 ki-lô-mét, rộng từ 10-20 ki-lô-mét từ cảng Cửa Việt lên Đường 9 đến biên giới Việt - Lào được Mỹ cho là "bất khả xâm phạm".

Địch duy trì ở đây một lực lượng phòng ngự khá mạnh để kiểm soát phòng tuyến suốt ngày đêm. Lực lượng địch sử dụng gồm hai sư đoàn, trong đó

có một sư đoàn quân Mỹ và ba trung đoàn quân nguy, chưa kể lực lượng bảo an dân vệ. Ngoài lực lượng bộ binh còn có lực lượng pháo binh và xe tăng thiết giáp mạnh. Máy bay tiêm kích, cường kích liên tục bay lượn sẵn sàng tiêu diệt mọi mục tiêu vượt qua phòng tuyến. Máy bay ném bom chiến lược B.52 cũng sẵn sàng hoạt động đánh phá.

Về hệ thống vật cản của phòng tuyến, Mỹ xây dựng khoảng 12 ki-lô-mét hàng rào kẽm gai từ cứ điểm Côn Tiên xuống bờ biển Đông. Chiều rộng khoảng 10-20 ki-lô-mét trong đó bố trí các bãi mìn chống bộ binh, chống tăng. Từ phía tây Côn Tiên 1 ki-lô-mét lên biên giới Việt - Lào, đích phát quang cây cối bằng chất độc hóa học; gài, rải các bãi mìn chống bộ binh, chống xe cơ giới và gài các sen-sơ để phát hiện mục tiêu.

Máy trinh sát vô tuyến được trang bị cho "hàng rào điện tử" để phát hiện mục tiêu có nhiều loại, có loại thả từ máy bay xuống như ACOUBOUY, ADSID-1, HELOSID-18, SPIKSTD-1. Đây là những máy cảm ứng âm thanh, cảm ứng địa chấn được thả từ máy bay trực thăng hoặc máy bay F4, dùng để phát hiện người, tiếng động trong cự ly từ 300 mét đến 400 mét. Có loại máy trinh sát được đặt bằng tay hoặc đặt bằng máy móc như: ARERUOY-I/NBB, GSID, MINISID. Các loại máy này rất tinh vi, có

khả năng phát hiện các tiếng động dù là nhỏ nhất của người hoặc xe cộ ở cự ly từ 100 mét đến 300 mét. Có loại máy trinh sát được phóng từ súng cối 81 ly như MODS, có thể phát hiện tiếng động của người từ 30 mét đến 50 mét, xe cộ từ 200 mét đến 400 mét. Khoảng 300 máy loại này đã được Mỹ trang bị cho "phòng tuyến Mác Na-ma-ra".

Ngoài ra, Mỹ còn sử dụng loại máy trinh sát hữu tuyến RPS, máy báo hiệu kiểu P dùng cho các cốt gác lô cốt và chôn xuống đất dọc theo phòng tuyến, cứ 500 mét đến 700 mét chúng bố trí một máy, tất cả có khoảng 700 máy. Các máy điện tử trong hệ thống trinh sát tại phòng tuyến có nhiệm vụ phân tích tiếng động để phân biệt người hay xe cộ, xác định chính xác tọa độ, thời gian từ nguồn phát ra tiếng động ấy, sau đó truyền đến Trung tâm kiểm soát chiến trường để điều lực lượng đến tiêu diệt.

Ngay từ khi địch mới lập hàng rào điện tử, bộ đội địa phương và dân quân du kích huyện Gio Linh, Tiểu đoàn 47, Tiểu đoàn 4 (Tỉnh đội Vĩnh Linh), tiêu biểu là đội du kích do xã đội trưởng Trương Quang Thọ (Gio Linh) chỉ huy đã liên tục đánh phá, tiêu diệt một số lính công binh Mỹ làm cho tiến độ thi công chậm lại. Tuy nhiên Mỹ vẫn thiết lập được "hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra".

Nhưng qua thực tế sử dụng nó đã tỏ ra không có hiệu quả nếu không nói là bất lực trong việc thực hiện ý đồ chiến lược của chính phủ Mỹ là ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam Việt Nam.

Trên thực tế, các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại bậc nhất của Mỹ lúc đó mới chỉ làm bị thương và tiêu hao một số xe cộ vận chuyển hàng hóa của ta, gây cho ta một số khó khăn, tổn thất nhất định, nhưng chưa bao giờ "chặn đứng mọi nguồn tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam" như chỉ thị của tổng thống Mỹ Ních-xơn cho bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mác Na-ma-ra và chủ tịch hội đồng tham mưu trưởng liên quân, tướng Uy-lơ.

Trở lại nhiệm vụ chiến đấu của Trung đoàn 27. Trong lúc đơn vị tranh thủ huấn luyện, các đoàn cán bộ, trinh sát vẫn len lỏi bám sát và nghiên cứu địa hình ở khu vực hoạt động của trung đoàn từ tuyến đường 76 đến phía tây cao điểm 544 và vào sát Đường 9.

Theo chỉ thị của Bộ tư lệnh Mặt trận B5, đầu năm 1969 cả Trung đoàn 27 bước vào chiến đấu. Trung đoàn phân công từng khu vực tác chiến cho các tiểu đoàn. Yêu cầu của Bộ tư lệnh Mặt trận B5 là: Các đơn vị nổ súng càng sớm càng tốt.

Để đối phó với thủ đoạn chiến thuật mới của Mỹ, tìm ra cách đánh mới cán bộ, chiến sĩ đơn vị phải bám sát từng cụm xe của địch suốt ngày đêm với phong lương khô, nắm gạo rang và bi đông nước. Mọi người phải luồn lách, chống chọi với bom pháo và thám báo địch, giữ bí mật an toàn, nghiên cứu tìm ra cách đánh cụm xe cơ giới Mỹ. Trung đoàn xuất kích đúng vào dịp Tết Nguyên đán. Đêm 30 Tết, mấy anh em chúng tôi nằm trong căn hầm dã chiến mở chiếc ra-đi-ô Sony (thu được của địch) nghe Bác Hồ chúc Tết. Tiếng Người trầm ấm vang lên:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang
 Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to
 Vì độc lập, vì tự do
 Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
 Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào
 Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn!*

1.1.1969

Cho đến tận ngày hôm nay, trong tôi vẫn còn vang vọng lời bài thơ chúc Tết thiêng liêng ấy của Bác Hồ. Trong tâm khảm của mình, tôi ý thức được rằng Bác đã chỉ ra cho quân dân ta mục tiêu và phương châm chiến lược của cuộc kháng chiến chống Mỹ: "Đánh cho Mỹ cút" rồi "đánh cho ngụy nhào". Từ đó tôi luôn luôn suy nghĩ và hành động theo tư tưởng chỉ đạo của Người. Phải đánh cho Mỹ thật đau, buộc chúng phải cút khỏi miền Nam nước ta. Mỹ cút rồi thì ngụy chắc chắn phải nhào thôi.

Đầu tháng 2, Trung đoàn 27 lần lượt tổ chức cho các đơn vị hành quân vào đứng chân ở các khu vực được phân công. Trước khi đưa bộ đội vào chiến đấu, các đơn vị đều cử cán bộ cùng trinh sát nắm địch và chuẩn bị phương án tác chiến. Tuy địa bàn hoạt động rộng nhưng các tiểu đoàn đều có phương án chủ động đánh địch khi có thời cơ.

Việc bám địch để đưa đơn vị vào nổ súng trong buổi đầu thật vô cùng khó khăn. Một vài đơn vị đã đánh hụt vì chưa nắm chắc thủ đoạn đối phó của địch. Xe tăng và bộ binh Mỹ ban ngày thường nóng ra, tối đến chúng bí mật co cụm, lẩn tránh.

Đã một tuần qua đi kể từ khi trung đoàn bước vào chiến đấu, một số phân đội nhỏ đã tổ chức đánh địch, nhưng hiệu suất chưa cao. Cán bộ đại đội, tiểu đoàn mặt mày hốc hác vì suốt ngày đêm bám địch để tìm ra quy luật hoạt động của chúng. Cả Tiểu đoàn 1 đã vào sâu nhưng vẫn chưa đánh được trận nào thật sự có hiệu quả.

Ban chỉ huy Tiểu đoàn 1 quyết định toàn đơn vị sẵn sàng nổ súng bất kể ngày đêm. Quyết định đó của tiểu đoàn được toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong tiểu đoàn nhất trí cao. Chính các chiến sĩ cũng đang nóng lòng sau những ngày lặn lội tìm địch hết cao điểm này, đến cao điểm khác. Cán bộ, chiến sĩ ở các đại đội dường như quên ăn, quên ngủ vì lo bám nắm địch để được đánh. Đi trinh sát, anh em gặp

địch thường xuyên, nhưng để tổ chức đánh một trận tập kích diệt gọn thật là phức tạp. Vừa chập tối bọn địch đã lẫn như chạch, lúc ở đồi này, lúc sang đồi khác.

Mờ sáng ngày 28 tháng 2 năm 1969, đài quan sát báo về chỉ huy tiểu đoàn: Xe tăng và bộ binh địch từ phía núi Đá Bạc đang nống ra phía bắc núi Hồ Khê, cách nơi trú quân của Đại đội 2 khoảng 500 mét đường chim bay.

Ngay phiên liên lạc vô tuyến đầu tiên của buổi sáng ngày 28 tháng 2, chỉ huy Đại đội 2 và Đại đội 3 chúng tôi đã nhận được lệnh của tiểu đoàn: cho bộ đội sẵn sàng xuất kích về phía Hồ Khê. Cùng lúc, tiểu đoàn cũng lệnh cho đại đội hỏa lực trợ chiến bố trí ngay trận địa, sẵn sàng chỉ viện cho bộ binh.

Sau khi hội ý chớp nhoáng, ban chỉ huy tiểu đoàn thống nhất dùng cao điểm 68 làm trận địa xuất phát tấn công, đánh xong trận đầu, trụ lại để tiếp tục diệt địch.

Cán bộ Đại đội 2 và Đại đội 3 chúng tôi đã có mặt nhận nhiệm vụ cụ thể của ban chỉ huy tiểu đoàn. Bộ đội cũng đã hành quân cấp tốc triển khai theo hướng tiến công vào cao điểm 68. Cán bộ từ trung đội trở lên được lệnh đi bám địch. Chiến sĩ truyền đạt tỏa xuống các hướng để truyền đạt mệnh lệnh. Máy vô tuyến điện tạm thời ngừng hoạt động,

chỉ dùng tín hiệu để giữ bí mật. Tất cả đều khẩn trương, lặng lẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Lúc này, ta và địch chỉ cách nhau vài trăm mét. Xe tăng và lính Mỹ hành quân theo đúng bài bản của quân đội Mỹ. Qua máy thông tin, tiểu đoàn nhận được tín hiệu xin nổ súng của các đại đội. Ngay lập tức lệnh nổ súng được truyền đi. Cối 82 ly của ta bắn dồn dập. Lính Mỹ đang nháo nhác thì bất thần các chiến sĩ bộ binh xông lên, dùng B40, B41 bắn vào những chiếc xe tăng. Xe tăng địch bị cháy, khói đen cuộn lên như những chiếc nấm khổng lồ. Các chiến sĩ ta gặp xe đánh xe, gặp bộ binh Mỹ đánh bộ binh Mỹ. Cối 82 ly và cối 60 ly của ta bắn khóa đuôi. Tôi lệnh cho Trung đội trưởng Phan Hữu Mỹ (anh là con ông Phan Hữu Dân, quê xóm 1, khu phố 3, thành phố Vinh, Nghệ An) dẫn trung đội luôn xuống phía nam để đánh từ sau lên, tạo thành một gọng kìm khóa địch lại.

Tiếng súng địch lan dần xuống phía nam núi Hồ Khê. Lúc này địch đã điều tiếp quân ra ứng cứu. Tiểu đoàn lệnh cho dừng lại, một bộ phận giải quyết hậu quả chiến đấu, nhanh chóng đưa thương binh nặng và tử sĩ ra phía sau, đại bộ phận chốt còn lại giữ khu vực Hồ Khê.

Bộ đội ta hối hả đào công sự, cán bộ tranh thủ thống nhất phương án đánh địch trên từng cánh, từng hướng.

Địch lại đến!

Ở trận địa chốt của Đại đội 2, tôi nghe rõ tiếng động cơ đang sôi réo ở phía trước. Pháo địch từ Miếu Bái Sơn bắn xuống, từ Cam Lộ bắn ra, chi viện cho bộ binh và xe tăng Mỹ phản kích. Núi Hồ Khê bỗng chốc trở thành tọa độ lửa.

Được xe tăng dẫn đường lính Mỹ tiến công vào hướng của Đại đội 2. Cán bộ, chiến sĩ ta gan góc điểm xạ ngăn. Đội hình tiến công của địch oằn lại, lính Mỹ bị đánh bật về phía sau. Địch cho máy bay đến ném bom, bắn phá xuống quanh núi Hồ Khê.

Ba mươi phút chiến đấu trôi qua, quân Mỹ chưa chọc thủng được trận địa chốt của quân ta nhưng chúng đã lấn được một phần trận địa Đại đội 2. Tổ chốt do Tiểu đội trưởng Trần Văn Trinh (quê Trinh ở Cẩm Lai, Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Tây) chỉ cách chiếc xe tăng địch bị cháy 50 mét. Chiến sĩ ta nhìn rõ những tên Mỹ cưỡi trên, mồ hôi nhễ nhại đầy bụi đất bám sau xe, miệng la lối om sòm. Ở một tổ chốt khác, Tiểu đội trưởng Nguyễn Hữu Hệ (quê Hệ ở Vinh Quang, Diễn Thọ, Diễn Châu, Nghệ An) với khẩu trung liên PRC trong tay chốc chốc lại rung lên, anh điểm xạ từng loạt ngắn, găm địch xuống cho Tiểu đội phó Nguyễn Công Việt (quê Việt ở Đàm Trầu, Bằng Doãn, Đoan Hùng, Phú Thọ) lấp quả đạn B40 để bắn chiếc xe tăng. Trung đội trưởng

Phan Hữu Mỹ chạy đi chạy lại từng tổ chốt chỉ huy anh em chiến đấu. Trận địa của Trung đội trưởng Mỹ nằm trên một đoạn yên ngựa nổi hai mỏm đồi phía tây của đại đội. Bọn địch lại tiếp tục tấn công. Xe tăng địch đứng từ xa bắn yểm hộ cho bộ binh chúng tiến lên. Lần này chúng đánh ô ạt, dữ dội hơn.

Sau những đợt tiến công thất bại, quân Mỹ lại gọi pháo vào máy bay bắn phá ác liệt, gây thương vong cho bộ đội ta. Trước tình hình đó, tiểu đoàn quyết định rút lực lượng lên phía bắc để đón địch trên đoạn đường chạy qua cao điểm 137. Trung đội của Phan Hữu Mỹ bị thương vong lớn, lính Mỹ tràn vào trận địa của ta...

Đau đớn và căm thù thay! Hôm sau, địch cho xe ủi đất san bằng trận địa, nơi còn thì hài mười cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 và Đại đội 4 để cho xe tăng, xe thiết giáp của Mỹ đi càn về tập kết.

Mười cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 và ba chiến sĩ Đại đội 4, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 27 đã anh dũng hy sinh trong trận chiến đấu ngày 28 tháng 2 năm 1969 tại núi Hồ Khê.

Đồng chí Phan Hữu Mỹ, Trung đội trưởng, B.4 F421, Khối 5, phường Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An.

Đồng chí Phùng Văn Thiết, Tiểu đội phó, quê Vực Giang, Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Tây.

Đồng chí Hà Văn Đảm, Tiểu đội trưởng, quê Đoan Thượng, Hạ Hòa, Phú Thọ.

Đồng chí Ngô Đức Hạt, Tiểu đội trưởng, thôn Vũ, Lương Nha, Thanh Sơn, Phú Thọ.

Đồng chí Cao Đăng Bơ, chiến sĩ, quê Tùng Lâm, Diễn Thọ, Diễn Châu, Nghệ An.

Đồng chí Phạm Văn Long, Tiểu đội trưởng, quê Mỹ Hòa, Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An.

Đồng chí Phạm Văn Kênh, chiến sĩ, quê Tân Hưng, Diễn Kỷ, Diễn Châu, Nghệ An.

Đồng chí Lê Văn Thủy, chiến sĩ, quê Đại Thành, Diễn Kim, Diễn Châu, Nghệ An.

Đồng chí Phạm Văn Hùng, chiến sĩ, quê Hùng Phú, Diễn Hùng, Diễn Châu, Nghệ An.

Đồng chí Trần Minh Đức, Tiểu đội phó, quê Cao Kim, Diễn Kim, Diễn Châu, Nghệ An.

Ba đồng chí đã hy sinh của Đại đội 4 là:

Đồng chí Nguyễn Ngọc Cảnh, Tiểu đội trưởng, quê thôn 3, Vũ Quý, Vũ Thư, Thái Bình.

Đồng chí Nguyễn Ngọc Nghi, chiến sĩ, Hội Thịnh, Hợp Thịnh, Tam Dương, Phú Thọ.

Đồng chí Lê Văn Ngo, chiến sĩ, quê Thống Nhất, Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An.

Anh Nguyễn Minh Kỳ¹ là huyện đội trưởng huyện Cam Lộ, nhiều lần cử người dẫn đường cho đơn vị tôi đánh địch. Và cũng nhiều lần lực lượng vũ trang địa phương do anh chỉ huy phối hợp chiến đấu với đơn vị tôi. Tôi còn nhớ, có lần sau trận đánh thắng lợi đơn vị rút về nơi an toàn, tôi và anh chia nhau thanh lương khô 701 của Trung Quốc. Đến bữa cơm, mỗi anh em cũng chỉ được hai lưng bát, ăn với ma-ri cô. Anh Kỳ đã chứng kiến cuộc chiến đấu của Đại đội 2 Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 27 ngày 28 tháng 2 năm 1969. Cách đây vài năm, khi anh cho máy ủi san đồi để trồng cao su thì phát hiện được hài cốt của cán bộ, chiến sĩ ta hy sinh ngày đó cùng những đôi dép râu, bị đông Trung Quốc, bật lửa, dây lưng... Thế là anh cho dựng nhà bia tưởng niệm ngay tại nơi này. Nhà bia tưởng niệm được hoàn thành vào ngày 22 tháng 12 năm 2005.

Bia tưởng niệm ghi: *Các chiến sĩ Trung đoàn 27 (Trung đoàn Triệu Hải anh hùng) đã chiến đấu và hy sinh anh dũng tại núi Hồ Khê xã Cam Tuyền huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị năm 1969.*

Đồng gia đình và đồng chí Nguyễn Minh Kỳ, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cùng đồng đội dựng lập.

Ngày 22.12.2005

1. Sau này anh Nguyễn Minh Kỳ làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thế là từ đó, anh Nguyễn Minh Kỳ và đồng đội đã có nơi đi về hương khói cho đồng đội, tưởng niệm những chiến sĩ Trung đoàn 27 anh hùng đã ngã xuống trên mảnh đất Cam Tuyền, Cam Lộ - mảnh đất từng là chiến trường nóng bỏng, nơi diễn ra những trận chiến đấu ác liệt giữa cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 với lính Mỹ trong hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra.

Bị thua đau trên chiến trường Bắc Quảng Trị - trong hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra, chỉ huy quân đội Mỹ đã sử dụng con bài cuối cùng là dùng B.52 ném bom rải thảm xuống một vùng rộng lớn từ Vĩnh Sơn ra Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy (Vĩnh Linh). Trong vòng một giờ đồng hồ, 37 chiếc B.52 đã ném xuống Vĩnh Thủy 700 tấn bom. Khói bụi bốc lên lan dần sang khu đông, chỉ một lúc sau che kín cả 12 xã vùng đất đỏ.

Kết hợp với B.52, địch còn dùng pháo cỡ lớn (loại 400 ly) từ ngoài biển, pháo chơm (nổ trên không), pháo lúi (nổ dưới lòng đất) để phá địa đạo, pháo lân tinh (gây bỏng, cháy), pháo bi sát thương người và vật trên mặt đất... Đây là những tội ác mới cực kỳ man rợ mà quân Mỹ gây ra trên chiến trường Quảng Trị.

Để bám trụ trên một địa bàn ác liệt như vùng Bắc Quảng Trị và khu vực Vĩnh Linh, công tác

phòng tránh được bộ đội đặt thành một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Chủ trương "quân sự hóa toàn dân, công sự hóa toàn khu vực Vĩnh Linh" của Mặt trận B5 được tất cả các đơn vị vũ trang và nhân dân hưởng ứng. Thực hiện khẩu hiệu "*Nhà che nắng che sương, hầm che xương che thịt*", nhân dân và lực lượng vũ trang Vĩnh Linh chỉ bằng đôi bàn tay và những công cụ thô sơ đã kiên trì từ tháng này qua năm khác kiến tạo nên một hệ thống hầm hào ngang dọc chằng chịt khắp nơi. Đến đầu năm 1969, Vĩnh Linh đã đào được 2.090 ki-lô-mét hào giao thông thay cho mọi nẻo đường trên mặt đất, thôn nối thôn, xã nối xã, nhà nối nhà, hầm nối hầm. Cùng với việc đào hào giao thông nối liền mọi ngả đường trên toàn khu vực là hệ thống hầm hố phòng tránh cũng được xây dựng với 65 nghìn hầm chữ A, 31 nghìn hầm vuông, 84 nghìn hầm cá nhân, hơn 96 nghìn hầm tập thể, hàng chục nghìn hầm dành cho gia súc. Đặc biệt là hơn 30 nghìn mét địa đạo. Song, hệ thống hầm hào dù vững chắc đến đâu cũng chỉ chống được các loại bom pháo sát thương cỡ nhỏ, nó không chịu nổi sức công phá của bom đào, pháo lùn. Không ít trường hợp bom địch ném trúng hầm chữ A giết chết cả gia đình. Do đó việc nghiên cứu tìm ra một kiểu hầm mới có độ an toàn cao hơn càng trở nên cấp thiết.

Tôi được biết, Tỉnh đội Quảng Trị được giao nhiệm vụ nghiên cứu và hướng dẫn xã Vĩnh Giang

tiến hành đào địa đạo thí điểm. Sau hai tháng, một địa đạo dài 80 mét, sâu bảy mét được hoàn thành. Tuy nhiên đây mới chỉ là loại hầm tiểu đạo, trung đạo khoét sâu dưới lòng đất, có tác dụng tránh được bom pháo nhất thời, chứ chưa thể dùng để ăn ở sinh hoạt trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, dai dẳng. Do vậy, chỉ vài tháng sau loại địa đạo khởi thủy ấy trở nên lạc hậu so với địa đạo dài hàng trăm mét, sâu vài chục mét, mà kỳ vĩ nhất là địa đạo thôn Vĩnh Mốc xã Vĩnh Thạch.

Học tập kinh nghiệm của Vĩnh Giang, lực lượng dân quân, nhân dân và lực lượng vũ trang đóng quân ở Vĩnh Mốc chọn quả đồi đất đỏ ba zan cuối thôn, sát mép biển để xây dựng làng địa đạo. Sau ba tháng lao động kiên trì làng địa đạo Vĩnh Mốc đã hoàn thành với hệ thống đường hầm gồm bốn nhánh có tổng chiều dài 2.008 mét. Địa đạo cấu trúc thành ba tầng, tầng cuối cùng sâu 18 mét so với mặt đất, có hai lối thông ra hai cửa chính hướng ra biển và tám lỗ thông hơi, thông khói. Trong địa đạo có ba giếng nước để ăn uống, tắm giặt, có hầm bệnh xá, hầm hộ sinh, kho lương thực, vũ khí, bếp nấu, nhà tắm cho từng hộ... Trong những năm ấy đã có 17 cháu bé ra đời trong lòng địa đạo, tất cả đều khỏe mạnh và trưởng thành. Với cách tổ chức và thiết kế ấy, làng địa đạo Vĩnh Mốc giống như thôn Vĩnh Mốc được thu nhỏ dưới lòng đất.

Với hệ thống hầm hào, địa đạo chằng chịt ở khắp nơi như vậy nên trong chiến tranh, mặc dù binh quân đầu người phải chịu bảy tấn bom đạn các loại, nhưng nhân dân và lực lượng vũ trang Vĩnh Linh vẫn bám trụ vững vàng, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và của.

Do Quảng Trị có vị trí chiến lược quan trọng. nên địch chọn nơi đây thí điểm chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Chúng điều đến đây một lực lượng quân lớn, lúc cao nhất lên đến 62 tiểu đoàn chủ lực. Cụ thể là: hai sư đoàn thủy quân lục chiến Mỹ, một lữ đoàn bộ binh cơ giới, hai lữ đoàn kỵ binh bay, một sư đoàn ngự, mười tiểu đoàn pháo binh, ba thiết đoàn xe tăng, xe bọc thép, hàng chục đại đội bảo an, hàng trăm trung đội dân vệ. Ngoài lực lượng trên chúng còn sử dụng không quân, hải quân sẵn sàng chi viện tối đa bất cứ lúc nào.

Với ưu thế về quân số, vũ khí, địch điên cuồng mở các cuộc hành quân càn quét trên cả ba vùng rừng núi, đồng bằng và đô thị, nhằm củng cố ngụy quân, ngụy quyền, giữ vững đô thị, hậu cứ và các trục đường giao thông chiến lược. Chúng còn đánh phá ác liệt căn cứ địa, hậu phương của ta để ngăn chặn từ xa. Chúng dùng mọi thủ đoạn đánh phá dã man mang tính phục thù khốc liệt. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch lúc này diễn ra vô cùng ác liệt.

Ở vùng đồng bằng, địch triển khai kế hoạch "Bình định cấp tốc". Lực lượng tham gia bình định có lúc lên đến 30 tiểu đoàn. Các tiểu đoàn ngụy tập trung cày ủi mồ mả, làng mạc, ruộng vườn, xăm bôi, lục soát, xúc hốt nhân dân vào các khu tập trung. Chúng mở các đợt thanh lọc, mua chuộc, dụ dỗ quần chúng, đẩy mạnh chiêu hồi, chiêu hàng, vơ vét người, của, lập phòng vệ dân sự, tăng cường đồn quân bắt lính. Chúng tập trung phá vỡ cơ sở cách mạng, làm cho phong trào chiến tranh du kích bị sa sút, du kích và bộ đội chịu tổn thất nặng nề. Nhiều nơi trở thành vùng trắng. Thôn Thượng Xa xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng là một thôn nhỏ nhưng địch đã dùng một đại đội Mỹ, hai đại đội ngụy và một đại đội cảnh sát càn quét 28 ngày liền. Hàng trăm người bị giết, bị bắt tra tấn dã man, trong đó có 11 người bị tra tấn đến chết.

Tại vùng giáp ranh, địch đánh chiếm lập tuyến ngăn chặn, tăng cường càn quét, phục kích, tập kích, rải quân chốt các điểm cao, ra sức xây dựng, củng cố tuyến phòng thủ Mác Na-ma-ra, hình thành tuyến phòng thủ kiên cố từ Cửa Việt - Đông Hà - Đường 9.

Ở vùng núi, chúng tổ chức nhiều cuộc hành quân quy mô lớn và vừa, kết hợp rải chất độc hóa học và dùng B.52 rải thảm, phi pháo đánh phá ác

liệt các tuyến đường, hậu cứ, cơ quan, kho tàng của ta. Tháng 2 năm 1969, chúng tập trung bảy nghìn quân càn quét liên tục biên giới Việt - Lào, vùng A Xóc, Tam Thanh, A Dơi, Cô Ca Va.

Trong thời gian này, trên toàn tỉnh Quảng Trị lực lượng vũ trang ta gặp khó khăn nghiêm trọng, bị tổn thất nặng nề, cơ sở vật chất, vũ khí đạn dược đặc biệt lương thực rất thiếu thốn. Do những khó khăn gay gắt, có nơi, có lúc bộ đội ta một ngày chỉ được ăn nửa lon gạo với rau rừng tự kiếm. Nhặt muối kéo dài hàng tháng trời làm bộ đội đau ốm nhiều, thuốc men lại thiếu. Đây đó xuất hiện tư tưởng ngại gian khổ...

Trong những năm từ 1969 đến 1970, Mỹ - ngụy điên cuồng phản kích đánh phá phong trào cách mạng. Chúng san ủi lập vành đai trắng ở bờ nam sông Bến Hải và hai bên trục Đường số 9, từ Cửa Việt đến Hướng Hóa nhằm cắt đứt giao thông nối liền miền Bắc với miền Nam, miền Đông với miền Tây của ta. Chúng đã đưa về Gio Linh và Cam Lộ các liên đoàn binh định ác ôn để càn quét, tìm kẹp, cách ly, chia rẽ Đảng với nhân dân, cán bộ với quần chúng. Hàng ngày chúng liên tục kéo quân đi đốt phá, bắn giết hết vùng này đến vùng khác, rồi tiến hành thanh lọc, bắt bố, tra tấn, nhằm buộc quần chúng ly khai, quay lưng lại cách mạng. Mặt khác, chúng bình định nông thôn, đưa lính mũ nổi xanh

Mỹ về nằm ở từng xã, từng vùng. Khẩu hiệu của chúng là: "Vãi lúa trắng men, bôi đen quần chúng", với âm mưu thâm độc là làm tốt xấu, trắng đen lẫn lộn, gây chia rẽ, nghi ngờ lẫn nhau trong nội bộ quần chúng nhân dân. Chúng ghi tên người dân vào các đảng phái, cộng tác viên của chúng. Thực chất chúng đã phân thành ba loại rõ ràng là loại "thân cộng", loại "thân quốc gia", loại "trung gian". Đồng thời, Mỹ - ngụy tập trung không quân, hải quân, lục quân với các loại vũ khí hiện đại liên tục đánh phá, khiến cho lực lượng cách mạng bị tổn thất lớn, phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn. Cam Lộ là một trong những trọng điểm đánh phá của chúng, nơi đây chúng lập ba chi khu, quận lỵ, để kìm kẹp nhân dân. Bình quân cứ một người dân có đến ba tên lính.

Thời gian này anh Nguyễn Minh Kỳ là Phó Bí thư huyện ủy Cam Lộ kiêm Trưởng ban An ninh. Anh Kỳ đã cùng với anh Quyết, anh Dương Tú Anh nhiều đêm thức trắng để suy nghĩ tìm cách đưa phong trào cách mạng đi lên. Anh Kỳ cho rằng nhiệm vụ hàng đầu là tập trung lực lượng vũ trang đối phó có hiệu quả với bọn tề ngụy đồng thời thọc sâu vào vùng địch để tiêu diệt những tên ác ôn khét tiếng. Với khẩu hiệu: "Đập trứng đầu rắn, bắn trúng kẻ thù", lực lượng an ninh do anh Kỳ phụ trách đã đánh hàng trăm trận, tiêu diệt trên một

trăm tên ác ôn. Đặc biệt là trận diệt gọn ban chỉ huy liên đoàn bình định gồm năm sĩ quan (trong đó có tên đại úy liên đoàn trưởng vùng Cam Lộ) làm cho chúng hoang mang lo sợ. Anh còn chủ trương đánh những trận táo bạo, luồn sâu vào lòng địch mà đánh và đã mang lại những kết quả tốt, góp phần làm cho phong trào đấu tranh chính trị của huyện Cam Lộ có bước phát triển, bắt Mỹ - ngụy phải nhượng bộ từng bước. Anh Dương Tú Anh là người trực tiếp chỉ huy trận đánh nổi tiếng ngày 28 tháng 2 năm 1968 trên sông Hiếu. Sau này trận đánh được ví như Bạch Đằng Giang trên sông Hiếu.

Trong những năm chiến đấu gian khổ, đơn vị chúng tôi còn được những nữ du kích, nữ y tá dẫn đường như chị Tân, chị Sáng, chị Út... hoặc khi anh em bị thương, các chị tận tình cứu chữa sau đó mới chuyển về hậu cứ. Tôi và đồng đội tôi mãi mãi nhớ ơn các chị.

Cũng trong những năm 1969, 1970, nhân dân các dân tộc Vân Kiều, Pa Cô phải trải qua nạn đói khủng khiếp kéo dài do chất độc hóa học của Mỹ. Thế nhưng khi được tuyên truyền, phổ biến về tình hình và nhiệm vụ mới, đông đảo đồng bào dân tộc đã đăng ký đi dân công phục vụ ở tuyến hành lang và các mặt trận. Trong đợt đầu, huyện Hướng Hóa đã huy động được trên 3 nghìn dân công, vượt chỉ tiêu

của trên giao. Ngoài lực lượng dân công phục vụ các tuyến vận chuyển hàng hóa, Hướng Hóa còn huy động hai nghìn thanh niên cùng một đại đội công binh mở đường phục vụ Mặt trận Huế.

Về lương thực, thực phẩm, ngoài việc nhận sự chi viện tiếp tế của miền Bắc, nhân dân các huyện đồng bằng cũng như miền núi Quảng Trị đều hăng hái "đóng góp nuôi quân". Lương thực, thực phẩm từ vùng biển, vùng lúa Triệu Phong và Hải Lăng được huy động đạt mức cao nhất (kể từ trước đến lúc bấy giờ) và được đưa vào tập kết tại các xã nằm trên đường hành lang của tỉnh như Hải Vĩnh, Hải Xuân, Hải Thượng, Hải Phong. Lúc cao điểm, trung bình mỗi đêm có khoảng từ 500 đến 700 người, lúc thấp nhất cũng khoảng 200 đến 300 người gồm dân công, thanh niên xung phong, cán bộ, bộ đội ở chiến khu về tiếp nhận lương thực đưa lên dự trữ tại các khu căn cứ. Lương thực dự trữ lúc cao điểm huy động từ các huyện Hải Lăng, Triệu Phong lên tới 1.242 tấn gạo. Ở nam Hướng Hóa huy động được hai nghìn tấn gạo và hàng chục triệu bịch sắn. (Mỗi gốc sắn ở đây thu hoạch được từ 1,5 đến 2 ki-lô-gam) củ).

Đầu tháng 3 năm 1969, Tiểu đoàn 1 tổ chức nhiều trận đánh nhỏ lẻ, liên tục theo trục đường 76 và trên Đường số 9 làm cho địch hoang mang. Tính từ ngày 1 tháng 3 đến ngày 1 tháng 4 năm 1969,

Tiểu đoàn 1 đã bắn cháy 30 xe tăng, xe bọc thép và cả xe lửa chở quân của địch. Tiểu đoàn được Mặt trận B5 nêu gương là ngọn cờ đầu của phong trào diệt cơ giới Mỹ.

Trong đợt hoạt động này, đồng chí Lê Nhật Tụng - chiến sĩ Đại đội 4 Tiểu đoàn 2, quê ở thôn Vinh Xuân, phường Đông Vinh, thành phố Vinh, Nghệ An đã dùng B41 tiêu diệt sáu xe tăng địch. Anh trở thành Dũng sĩ diệt cơ giới nổi tiếng của Mặt trận B5. Tháng 5 năm 1969, đồng chí Lê Nhật Tụng vinh dự được cùng đoàn đại biểu Dũng sĩ Quân giải phóng miền Nam ra Hà Nội chúc thọ Bác Hồ. Tấm ảnh Lê Nhật Tụng đang cùng các dũng sĩ miền Nam vây quanh bên Bác đã trở thành niềm tự hào của những chiến sĩ Trung đoàn 27, Mặt trận B5.

Trong đợt chiến đấu này, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 đã dũng cảm, mưu trí, táo bạo đưa đội hình vào sâu trong lòng địch để tiêu diệt địch, ngăn chặn có hiệu quả cuộc nống lấn ô ạt của chúng. Qua các cuộc chiến đấu của Tiểu đoàn 1, Ban chỉ huy Trung đoàn 27 đã rút ra được nhiều kinh nghiệm khi tác chiến với quân Mỹ và quân ngụy. Đó là, mạnh dạn, bí mật đưa lực lượng thọc sâu, đánh rồi trụ lại để kéo địch ra; tạo ra thời cơ, chủ động tiêu diệt địch. Với cách đánh này mặc dù ta sử dụng từng đơn vị nhỏ nhưng hiệu quả lại cao.

Trong đợt hoạt động này, chiến sĩ Vi Văn Bê, (dân tộc Thái) với một keo vật đã hạ gục một tên biệt kích Mỹ.

Tháng 3 năm 1969, Đại đội 17 nhận nhiệm vụ chi viện cho bộ binh vây ép và đánh địch giải tỏa điểm cao 544. Cán bộ, chiến sĩ đơn vị đã diệt nhiều tên địch. Khi máy bay lên thẳng hạ xuống thả hàng, đơn vị đã bắn nổ tung một chiếc. Qua 11 ngày chiến đấu, Đại đội 17 đã phá hỏng bốn khẩu pháo 105 ly và cối 106,7 ly, bắn cháy bảy xe quân sự, một máy bay trực thăng, diệt và làm bị thương hàng chục tên địch.

Ngày 20 tháng 5 năm 1969, phát hiện một đại đội quân ngụy nong ra đồi Không Tên, tiểu đoàn thông báo cho Đại đội 2 đứng chân gần đó. Nhận được lệnh, tôi hội ý ban chỉ huy, thống nhất phương án tác chiến và dẫn các trung đội trưởng đi bám địch. Chính trị viên tổ chức bộ đội, động viên anh em nhanh chóng xuất kích.

Trung đội trưởng Nguyễn Đình Cư đi đầu đội hình. Tôi cầm bản đồ, địa bàn cắt đường về hướng đồi Không Tên. Khi đến gần chân đồi chúng tôi phát hiện dấu vết địch vừa đi qua. Chúng mới vứt vỏ bao thuốc lá Rôby dọc đường. Tôi cho anh em cắt đường chặn địch. Khi đến phía đông đồi, chúng tôi phát hiện bọn địch đang nghỉ ăn trưa. Tôi nói với

trung đội trưởng Cự: "Cho trung đội vòng lên chặn đầu còn Trung đội 3 khóa đuôi. Trung đội 1 đánh chính diện".

Sau hai mươi phút chúng tôi triển khai đội hình thì quân địch cũng ăn trưa xong, đưa ngựa cổ uống nước, đưa hút thuốc... Tất cả đều chủ quan. Đúng lúc đó, tôi ra lệnh nổ súng. Bị đòn bất ngờ, quân địch xéo đạp lên nhau vừa bắn, vừa chạy tháo thân. Tôi cho cối 60 ly bắn cấp tập vào đội hình đang nhốn nháo của địch. Trận đánh diễn ra nhanh gọn. Đại đội 2 cơ bản đã loại khỏi vòng chiến đấu một đại đội của trung đoàn 2 quân nguy ở đồi Không Tên. Nhưng, cũng thật đau buồn, đại đội cũng bị tổn thất: Sáu cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Đó là các đồng chí: Trung đội trưởng Nguyễn Đình Cự, quê xóm 2, Nhân Phú, Lý Nhân, Hà Nam; Trung đội phó Nguyễn Văn Vĩnh, quê Tân Sơn, Văn Long, Hạ Hòa, Phú Thọ; Tiểu đội trưởng Trần Hoàn, quê Đỗ Nội, Tiên Hải, Duy Tiên, Hà Nam; Tiểu đội trưởng Nguyễn Đình Long, quê Đại Hà, Sơn Hà, Hương Sơn, Hà Tĩnh; chiến sĩ Đinh Sỹ Huấn, quê xóm 8, Đức Thanh, Đức Thọ, Hà Tĩnh; chiến sĩ Phùng Anh Xuân, quê Đông Quyền, Nghi Thu, Nghi Lộc, Nghệ An.

Số anh em hy sinh trên được đơn vị đưa về an táng tại chân cao điểm 122 thuộc xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ.

Trước đòi hỏi của chiến trường ngày càng phải đánh lớn, nên các đơn vị từ đại đội đến tiểu đoàn, trung đoàn đều dồn sức xây dựng đơn vị về mọi mặt. Trước hết về chính trị, tư tưởng phải xây dựng ý chí chiến đấu, quyết tâm đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Đồng thời tranh thủ huấn luyện quân sự bổ sung cho các đơn vị sau mỗi đợt chiến đấu. Vì vậy, từng đại đội đã có bước trưởng thành rõ rệt, hiệu quả chiến đấu được nâng lên.

Thời gian này, mặc dù mùa mưa đã đến, nhưng Mỹ - ngụy vẫn thường xuyên tổ chức những cuộc hành quân nóng lán ra phía bắc Đường số 9. Âm mưu của chúng là chiếm giữ bằng được các cao điểm trọng yếu nằm giữa khu vực Cồn Tiên và cao điểm 544 (Phu-lơ), nhằm ngăn chặn các cuộc tiến công của ta vào Đường số 9 khi mùa khô đến.

Thám báo Mỹ đã ra tới bờ nam sông Bến Hải. Khi phát hiện được các trục đường hành quân của ta, chúng lập tức đổ quân chiếm giữ các cao điểm để khống chế. Quân Mỹ còn tập trung bom đạn đánh phá các khu kho hậu cần của ta ở khu vực Khe Cau, cao điểm 33, cao điểm 402, gây cho ta không ít khó khăn.

Trong những cơn mưa tầm tã triền miên giữa núi rừng Bắc Quảng Trị, trong hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra vẫn vang lên tiếng súng tiến công

địch của Đoàn đặc công 33; Đại đội 3, Đoàn 75 vào phối hợp chiến đấu với Trung đoàn 27 và các đơn vị địa phương tỉnh Quảng Trị. Các cụm chốt của địch vừa chiếm giữ ở các cao điểm 161, 322 lần lượt bị ta đánh bật. Để bảo vệ hàng rào điện tử phía tây căn cứ Cồn Tiên, Miếu Bái Sơn và phía bắc quận lỵ Cam Lộ, địch bất chấp mưa lũ vẫn tung quân hoạt động mạnh ở khu vực này. Các chiến sĩ Trung đoàn 27 cùng các đơn vị bạn kiên cường bám trụ, vượt mọi khó khăn, ác liệt, giành giật với quân Mỹ - ngụy từng cao điểm để giữ vững thế trận.

Giữa lúc cuộc chiến đấu đang diễn ra liên tục và quyết liệt, qua làn sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 vô cùng bàng hoàng đau đớn khi nhận được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Không ai cầm được nước mắt. Nhiều tiếng nức nở bật lên. Theo thông báo của trên, sáng ngày 9 tháng 9 năm 1969 tại Quảng trường Ba Đình diễn ra lễ truy điệu Người trọng thể. Đại đội tôi cũng tổ chức lễ truy điệu Người đúng giờ với Thủ đô Hà Nội. Bàn thờ có bức ảnh Bác cắt ra từ báo, có cả hoa rừng. Cả đại đội tập trung nghẹn ngào làm lễ truy điệu Bác. Thay mặt cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2, tôi đọc quyết tâm thư gửi lên Bộ tư lệnh Mặt trận B5. Tôi còn nhớ đoạn cuối cùng quyết tâm thư: "Từ Mặt trận Quảng Trị nóng bỏng, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 27 xin hứa với

Bộ tư lệnh Mặt trận, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quyết biến đau thương thành hành động cách mạng, chiến đấu đến khi quân Mỹ phải rút sạch, quân nguy sụp đổ hết, thống nhất nước nhà để thỏa lòng Bác Hồ hằng mong".

Sau đó toàn mặt trận phát động phong trào học tập và làm theo Di chúc của Bác. Những trận đánh "lập công đền ơn Bác" liên tục diễn ra, gây cho địch tổn thất lớn.

Mở đầu là trận tập kích diệt gọn một cụm xe tăng 11 chiếc và 60 tên Mỹ của Đại đội 1, Tiểu đoàn 1 ở khu vực Khe Nước (đông nam Cần Tiên) vào đêm 1 tháng 10 năm 1969.

Sau chiến thắng Khe Nước, anh Ngô Minh Hớn, cán bộ tuyên huấn trung đoàn đã sáng tác bài hát "Chiến công đền ơn Người". Lời ca có đoạn:

Hôm nay mừng Một tháng Mười, con vào trận đánh trả ơn Người đầu tiên. Lấy máu đỏ viết quyết tâm thư. Đánh trận đầu ta tiêu diệt gọn. Trăm chiến binh là trăm mũi nhọn. Quyết thọc sâu vào sào huyệt quân thù...

Tại Hội diễn văn nghệ toàn Mặt trận B5 năm 1969, bài hát "Chiến công đền ơn Người" của Đội văn nghệ Trung đoàn 27 đoạt giải nhất.

Sau chiến thắng của Đại đội 1, Tiểu đoàn 1 ở khu vực Khe Nước, các đơn vị trong Trung đoàn 27

tiếp tục tổ chức nhiều trận đánh để bảo vệ địa bàn. Các đơn vị đều chủ động tiến công tiêu diệt địch, vận dụng nhiều cách đánh sáng tạo với mọi đối tượng địch trên chiến trường. Trong quá trình chiến đấu liên tục, cán bộ, chiến sĩ ta gặp nhiều khó khăn về công tác bảo đảm hậu cần nên bộ đội thiếu đói, bệnh tật phát triển, tỷ lệ bị bệnh ngoài da tăng nhanh. Tuy vậy, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 vẫn tìm mọi biện pháp để khắc phục, vượt qua.

Về phía địch, ở khu vực tác chiến của Trung đoàn 27 chúng vẫn tập trung một lực lượng lớn nổ súng bắn thường xuyên. Âm mưu của chúng là cố chiếm giữ một số khu vực quan trọng, nhằm ngăn chặn ta tiến công trong mùa khô tới. Nhiều nơi lính Mỹ và lính sư đoàn 3 ngụy cùng phối hợp mở rộng hành quân giải tỏa.

Trong giai đoạn này, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 vẫn thường xuyên có mặt ở chiến trường. Tiểu đoàn 3 làm dự bị cho trung đoàn. Tiểu đoàn 2 đánh địch tây nam căn cứ Cồn Tiên. Tiểu đoàn 1 của tôi tiếp tục luôn sâu vào đánh địch ở khu vực núi Hồ Khê và núi Đá Bạc, ngăn chặn không cho chúng đánh chiếm khu vực Cù Đình, cao điểm 333 là đường hành lang của quân ta đi về trong mỗi mùa chiến dịch. Đây là một địa bàn trọng yếu của chiến trường Quảng Trị suốt trong những năm đánh Mỹ, đồng

thời cũng là mảnh đất gắn bó với cuộc đời chiến đấu liên tục của cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27.

Sáng ngày 23 tháng 10 năm 1969, tôi và Đại đội phó Nguyễn Minh Châu, Trung đội trưởng Nguyễn Văn Bót và tổ trinh sát của tiểu đoàn tăng cường đi bám địch ở nam cao điểm 161. Đến trưa chúng tôi phát hiện được một đại đội thuộc trung đoàn 56, sư đoàn 3 quân nguy đang dừng ăn trưa. Tôi nói với Đại đội phó Châu và Trung đội trưởng Bót:

- Đại đội địch này vừa dừng ăn trưa, xem ra chúng rất chủ quan. Ta đánh sẽ ngon đây. Bây giờ anh Châu và anh Bót khẩn trương về cho bộ đội xuất kích. Tôi và trinh sát tiếp tục bám địch.

Anh Châu phân vân:

- Từ đây về đại đội đi nhanh phải 30 phút, tổ chức bộ đội hành quân cũng mất gần một tiếng nữa. Khi đưa bộ đội ra liệu quân địch có còn không hay đã di chuyển?

Tôi phân tích thêm:

- Anh cứ về tổ chức cho bộ đội cùng chính trị viên động viên bộ đội khẩn trương. Tôi tin rằng ăn xong chúng còn nghỉ. Hơn nữa lính nguy cũng ngán lòng sục, cấp trên thúc ép chúng phải đi thôi.

Đại đội phó Châu và Trung đội trưởng Bót quay về đón đơn vị. Tôi và tổ trinh sát không rời đại đội nguy. Đúng như tôi dự đoán, lính nguy ăn xong đùa

lấy thuốc hút, đưa bắt đầu lăn ra ngủ. Tôi nóng lòng chờ đơn vị. Chốc chốc lại xem đồng hồ.

Sau 1 giờ 40 phút, Đại đội phó Châu dẫn đầu đội hình đến. Chính trị viên cũng vượt lên. Tôi trao đổi ngắn:

- Anh Bót cho trung đội vòng lên chặn đầu, còn tất cả triển khai tấn công. Cối 60 ly giá súng lấy phân tử đợi lệnh. Tất cả khẩn trương!

Hai mươi phút trôi qua, đoán chừng trung đội của Bót đã đến khu vực chặn đầu địch. Tôi lệnh cho xạ thủ B40 Nguyễn Văn Nhung bắn vào cụm quân địch làm hiệu hiệp đồng. Sau quả đạn B40 của Nhung, cối 60 ly bắt đầu bắn. Quả đạn đầu hơi xa, anh em pháo thủ lấy lại tâm, hướng. Khi quả đạn thứ hai rơi trúng đội hình địch, tôi ra lệnh cấp tập 10 quả đạn cối. Bộ binh xung phong. Đại đội phó Châu xông xáo dẫn một tiểu đội đánh tạt sườn địch. Anh diệt được hai tên. Mãi tiến công anh không chú ý, khẩu trung liên của địch bắn một loạt dài. Anh Châu trúng đạn hy sinh. Tôi nâng khẩu AK nhằm tên địch vừa bắn anh, siết cò, kết liễu đời nó. Quân địch bị đánh chặn đầu từ phía bắc lại bị chúng tôi đánh chính diện phía đông nam nên buộc phải chạy tán loạn về phía tây. Trận đánh kéo dài 30 phút, tôi cho lệnh rút quân để tránh pháo địch. Đại đội 2 chúng tôi diệt hơn 30 tên tại trận.

Về phía Đại đội 2 cũng bị tổn thất, năm người hy sinh. Đó là: Đại đội phó Nguyễn Minh Châu, quê Quy Xá, Thiệu Vận, Thiệu Hóa, Thanh Hóa; Trung đội trưởng Nguyễn Văn Bót, quê Thôn Đoài, Mê Linh, Tiền Hải, Thái Bình; chiến sĩ Hà Văn Liêng, quê Tân Hòa, Nghĩa Long, Nghĩa Đàn, Nghệ An; chiến sĩ Nguyễn Văn Nhung, quê Ba Đình, Nam Long, Nam Đàn, Nghệ An và Tiểu đội trưởng Nguyễn Đình Ngư, quê Lại Xá, Thanh Tuyên, Thanh Liêm, Hà Nam.

Năm cán bộ, chiến sĩ của Đại đội 2 được đơn vị đưa về an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Trường, Vĩnh Linh - phía bắc sông Bến Hải.

Những ngày cuối năm, không riêng gì các đơn vị bộ binh, mà các đơn vị công binh, trinh sát, pháo binh cũng thường xuyên tham gia đánh địch liên tục trên vùng đất này. Ngoài nhiệm vụ chủ yếu phục vụ cho đơn vị bộ binh đánh thắng, các đơn vị còn chủ động tiến công tiêu diệt địch. Trong đó có Đại đội 17 phối thuộc với đại đội tôi vào hoạt động ở khu vực Tân Kim, Sáp Đá Mài. Anh em Đại đội 17 lúc nào cũng đi bám địch để đặt đài quan sát hiệu chỉnh pháo. Anh em bảo: "Đặt trận địa càng gần, hiệu suất chiến đấu càng cao".

Tôi được biết, sáng sớm ngày 10 tháng 11 năm 1969, Đại đội 17 hành quân vượt bãi Tân Kim, khi

nghe pháo địch từ Cam Lộ bắn ra, chỉ huy đơn vị đã nảy ra ý định: Dem pháo vào gần đánh những trận địa pháo và đánh các cụm lính bộ binh địch. Ý kiến đó được mang ra trao đổi dân chủ trong đại đội. Có người nói: "Bộ binh luôn vào được đã khó, hướng hồ lính cối, mang vác nặng nề công kênh, địch ở đó đông như kiến, không cẩn thận thì bỏ pháo chạy lấy người". Nhưng có người lại cho rằng: "Địch nhiều dễ đánh, miễn là bám thật chắc để không đánh vào dân và đánh hụt". Bàn đi tính lại mãi, cuối cùng tất cả đơn vị đi đến thống nhất: phải khắc phục khó khăn, đánh một trận thật tốt để người dân Cam Lộ nghe tiếng pháo của Quân giải phóng thêm vui mừng, tin tưởng.

Bộ phận trinh sát đi đặt đài và bám địch. Ở quân lỵ Cam Lộ có đủ sắc lính Mỹ và ngụy. Tuy chưa bám được địch, nhưng các chiến sĩ Đại đội 17 vẫn tranh thủ chuyển súng cối 82 ly vào cài thế để khi có thời cơ là đánh được ngay. Phương án chuyển pháo và bảo vệ pháo cũng khó khăn không kém gì phương án đánh địch.

Tổ trinh sát của đại đội tiếp cận gần đến làng Quất Xá thì trời đã về chiều. Anh em bàn nhau, tranh thủ lúc trời còn sáng bám địch. Vừa lúc đó anh em phát hiện lính Mỹ kéo vào làng Quất Xá mỗi lúc một đông. Anh em chưa biết địch ở lại hay

đi. Bỗng ở làng Quất Xá xuất hiện nhiều đám khói. Chúng đang đun nấu ở đó. Thế là mọi người yên tâm địch đã nghỉ lại. Chỉ huy đại đội hội ý chớp nhoáng và nhanh chóng cho các khẩu đội tranh thủ trời sáng chỉnh tầm, chỉnh hướng. Pháo thủ chuẩn bị đạn sẵn sàng. Một khẩu đội lấy thêm phần tử mục tiêu là trận địa pháo cối của địch ở phía nam quận lỵ Cam Lộ, để bắn kiểm chế pháo địch lúc ta nổ súng.

Theo thông lệ, vào chập tối và sáng sớm, pháo địch bắn ra hướng Tân Kim vài loạt, còn suốt đêm chúng chỉ cho pháo bắn cầm canh. Hôm đó Đại đội trưởng Đại đội 17 Trần Đức Hệ, quê Nhân Thịnh, Lý Nhân, Hà Nam và Chính trị viên Huỳnh Ngọc Đào, quê phường Phủ Hà, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận trao đổi và quyết định sẽ nổ súng vào lúc pháo địch bắn ra ngay từ loạt đạn đầu tiên. Pháo địch vừa bắn, lập tức đại đội trưởng cũng lệnh: Bắn!

Các khẩu đội trưởng Lê Xuân Cam, quê Quỳnh Đô, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội; Lê Văn Võ, quê Vĩng Ngoại, Vĩng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Tây; Nguyễn Văn Sửu, quê thôn Nam, Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Tây lập tức cho thả đạn. Nòng cối 82 ly được chiến sĩ ta lấy dây cao su quấn lại nên tiếng nổ đầu nòng nghe rất nhỏ. Sau loạt đạn đầu tiên,

dạn cối của ta rơi trúng vị trí địch đang cụm lại. Lính Mỹ la ó giầm đạp lên nhau.

Đại đội trưởng Hệ hô: Cấp tập!

Dạn cối 82 ly nối đuôi nhau vun vút lao đi.

Đài quan sát báo về: Dạn rơi trúng mục tiêu! Lệnh: Bắn bao bọc thêm. Sau mấy chục giây hiệu chỉnh, các khẩu cối của ta lại nhả đạn vào cụm lính Mỹ.

Chớp lửa loé lên từ vị trí địch mỗi lúc một dày thêm... Bà con xung quanh quận lỵ Cam Lộ chạy ra xem pháo của Quân giải phóng bắn vào lính Mỹ.

Trận tập kích hỏa lực bất ngờ làm cho địch ở quận lỵ Cam Lộ không kịp trở tay. Hai đại đội lính Mỹ vừa hành quân ra bổ sung cho các đơn vị lính Mỹ đang chốt giữ trong hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra đã bị loại khỏi vòng chiến đấu 120 tên.

Một số xe tăng, xe bọc thép địch nằm ở làng Tân Mỹ (nam Quất Xá) nổ máy tháo chạy, chúng sợ quân ta tiếp tục tiến công.

Pháo địch ở Cam Lộ, Tân Định bắt đầu bắn về hướng trận địa Đại đội 17, nhưng đều bắn vọt tầm. Các chiến sĩ pháo binh Đại đội 17 vẫn bình tĩnh bắn quét để diệt thêm bọn địch còn sống sót.

Trận đánh kết thúc, Đại đội 17 lặng lẽ tháo pháo rồi bám theo bờ sông Cam Lộ trở về cao điểm 85, tiếp

tục phối hợp với Tiểu đoàn 1 của tôi chiến đấu ở khu vực núi Hồ Khê và núi Đá Bạc.

Nhân dân quận lỵ Cam Lộ tận mắt chứng kiến trận tập kích hỏa lực của Đại đội 17 đã hết lòng can ngợi tài đánh giỏi, bắn trúng của cán bộ, chiến sĩ pháo binh ta.

Những ngày cuối tháng 11 năm 1969, mùa mưa ở Quảng Trị vẫn còn tiếp diễn. Những cơn mưa dồn dập đổ xuống, sông suối ở Cồn Tiên, cao điểm 544 nước tràn lênh láng làm tắc nghẽn đường sá đi lại ở vùng này. Bộ đội cơ động trong mùa mưa lũ vô cùng vất vả, nhất là các đơn vị luồn sâu. Các kho hậu cần trong mùa mưa cũng gặp rất nhiều khó khăn. Bom đạn địch đánh phá suốt ngày đêm, nhất là các trục đường đi lại của ta và các vùng mà chúng nghi là ta sẽ đặt kho hàng, bến bãi.

Cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 luồn sâu đánh địch phải tự bảo đảm về hậu cần trong suốt đợt chiến đấu của mình. Mùa khô, những nắm cơm vắt buổi sáng còn mềm dẻo, đến trưa lớp ngoài đã khô như rang. Mặc dù lực lượng ở phía sau đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn đẩy hàng lên cho các đơn vị phía trước, nhưng không làm sao đáp ứng được. Nhiều lần đại đội chúng tôi luồn sâu, thiếu gạo phải ăn rau tàu bay, môn thực, rau dớn, cây chuối rừng... thay cơm hàng tuần liền. Cái đói đã đe dọa

đến tính mạng người chiến sĩ. Thêm vào đó là mùa mưa, hầm hào trú quân thường xuyên bị sụt lở. Anh em phải thay nhau thức trắng đêm tát nước, quần áo lúc nào cũng sũng nước. Chiến đấu trong mùa mưa, sức khỏe bộ đội giảm sút rất nhanh, nhưng anh em chúng tôi vẫn động viên nhau cố gắng, âm thầm chịu đựng, bám lấy chiến trường để đánh địch, giữ cho chiến trường luôn có tiếng súng.

Ngày 13 tháng 11 năm 1969, Đại đội 3 Tiểu đoàn 1 trên đường thọc sâu vào phía nam, khi đến gần cao điểm 84 thì bất ngờ gặp địch. Bộ binh cơ giới Mỹ cũng vừa nổ súng ra để chốt chặn cao điểm này. Đại đội triển khai chiến đấu. Sau 15 phút nổ súng, Đại đội 3 đã bắn cháy 13 chiếc xe tăng và xe bọc thép, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 80 tên Mỹ.

Trận đánh diễn ra nhanh làm cho lính Mỹ khiếp đảm. Nghe tiếng súng nổ rền ở chân cao điểm 84, lính Mỹ phía sau thấy khói xe tăng bốc cháy, hốt hoảng tháo lui, không dám lên chi viện cho bọn bị đánh ở phía trước.

Đánh xong đợt thứ nhất, Đại đội 3 tranh thủ tổ chức trận địa trụ lại để diệt thêm lính Mỹ nếu chúng tiếp tục ra phản kích. Các trận đánh ở đây là thế. Đánh xong trụ lại đánh tiếp, đánh để giữ vững địa bàn. Thế là, từ những trận đánh đầu tiên với bộ binh cơ giới Mỹ, các chiến sĩ Trung đoàn 27

đã tìm ra cách đánh thông minh khi tác chiến với loại lính này.

Có một chuyện đánh máy bay trực thăng Mỹ rất lạ, đó là cách đánh sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ công binh Trung đoàn 27. Bị ta bắn rơi nhiều máy bay nên trực thăng Mỹ bay rất thấp theo khe núi. Theo dõi quy luật hoạt động của chúng, anh Trần Hữu Mỹ, Chủ nhiệm công binh trung đoàn, quê ở 86/4 phường Trung Sơn, thị xã Tam Điệp, Thanh Hóa đã chỉ đạo cho đại đội công binh dùng mìn ĐH10 đặt ở khe núi hướng lên trời (theo tính toán đường bay trực thăng Mỹ) rồi mai phục. Đầu năm 1970, hai trực thăng nối đuôi nhau bay về điểm cao 544. Đại chúng bay vào cự ly hiệu quả nhất, anh em chấp điện. Mìn nổ. Các mảnh của mấy quả mìn và luồng hơi mạnh làm nổ tung một chiếc trực thăng. Từ đó chúng không dám bay theo khe núi nữa.

Năm 1970 là năm thứ hai đế quốc Mỹ thực hiện âm mưu chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Trên chiến trường Bắc Quảng Trị - trong hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra, chúng tập trung củng cố từ Động Toàn, cao điểm 544 (Phu-lơ) đến Cồn Tiên nối liền với khu phía đông. Chúng đẩy quân nguy ra phía trước, quân Mỹ đóng trong một số cứ điểm, chủ yếu dùng bộ binh cơ giới chi viện cho lính nguy khi cần thiết.

Trước tình hình quân địch phải co lại để củng cố, Bộ tư lệnh Mặt trận B5 chủ trương một mặt tiếp tục đánh nhỏ lẻ để giữ địa bàn, mặt khác chuẩn bị lực lượng đánh tập trung, đánh điểm, phá tan những âm mưu mới của chúng.

Khu vực hoạt động của Trung đoàn 27 những tháng đầu năm 1970 là từ cao điểm 182 xuống cao điểm 322, từ cao điểm 288 lên cao điểm 544, những địa danh không xa lạ gì đối với cán bộ, chiến sĩ trung đoàn.

So với các đợt hoạt động trước, lần này Trung đoàn 27 vào hoạt động sâu hơn, sử dụng lực lượng nhiều hơn. Càng thọc sâu, trung đoàn càng gặp nhiều khó khăn, từ công tác bảo đảm đến tổ chức hành quân, trú quân, đòi hỏi mọi cán bộ, chiến sĩ phải nỗ lực vượt bậc mới giành được thắng lợi.

Cứ vào dịp Tết âm lịch, lợi dụng ngừng bắn, chúng tôi lại tổ chức đi trình sát chuẩn bị chiến trường. Tết năm 1969 sang năm 1970, đại đội tôi hành quân cả ngày và đêm vào chuẩn bị cho chiến dịch. Để động viên anh em, tôi làm bài thơ "Tết xa quê mẹ":

Tết này con bận việc quân

Đường xuân quê mẹ vắng chân con về

Bước đường trăm núi ngàn khe

Vẫn nghe quán quýt, xuân quê bên mình

Nguy trang gió cuốn rung rinh

Ngõ đầu cánh bướm nặng tình quê hương".

Cả đại đội ngâm thơ vui như Tết...

Trong những ngày này, địch bắt đầu tổ chức hành quân phối hợp giữa lính trung đoàn 2 và lữ đoàn 1, sư đoàn 5 bộ binh cơ giới Mỹ để ngăn chặn ta tiến công. Trên một hướng chiến đấu của trung đoàn, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 đã phát hiện địch đang hành quân giải tỏa khu vực cao điểm 182. Thật đau thương! Ban chỉ huy Tiểu đoàn 1 không may bị pháo địch bắn trúng, thương vong cả. Lúc này tôi là Đại đội trưởng Đại đội 2 chủ công của tiểu đoàn nên nắm được kế hoạch tác chiến. Tôi suy nghĩ, bây giờ mà nói ban chỉ huy tiểu đoàn thương vong sẽ gây tâm lý hoang mang cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị. Bởi vậy, tôi cầm máy điện thoại nói các đại đội vẫn thực hiện kế hoạch tác chiến. Được pháo binh chi viện, Tiểu đoàn 1 đã kịp thời nổ súng chặn đánh địch quyết liệt từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 4 tháng 4 năm 1970.

Bằng những trận vận động tiến công kết hợp chốt, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 đã bẻ gãy nhiều đợt phản kích điên cuồng của lính Mỹ và lính ngụy. Xác xe và xác lính địch nằm ngổn ngang quanh khu vực cao điểm 182. Trận đánh kết thúc thắng lợi. Trong anh em có người nói lúc đó tôi làm liên lạc là không đúng.

Giữ được cao điểm 182, ta nối liền được địa bàn hoạt động, bảo vệ vững chắc tuyến đường hành

quân luân sâu của trung đoàn sau này. Trong lúc Tiểu đoàn 1 hoạt động ở khu vực cao điểm 182 thì tiểu đoàn tôi được lệnh luân sâu vào khu vực từ cao điểm 322 đến cao điểm 288. Do tổ chức hành quân không tốt, tiểu đoàn bị địch phát hiện, chúng dùng hỏa lực phi pháo đánh vào đội hình gây tổn thất lớn cho đơn vị. Đại đội 3 Tiểu đoàn 1 có 24 đồng chí hy sinh. Đó là các đồng chí: Chính trị viên Hoàng Tê, quê Nai Đồng, Tam Kỳ, Kim Thành, Hải Dương; Trung đội phó Hoàng Kim Thành, quê Phúc Trung, Cẩm Phúc, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh; Trung đội phó Nguyễn Minh Hải, quê Kim Thành, Thạch Kim, Thạch Hà, Hà Tĩnh; Tiểu đội trưởng Phạm Văn Sửu, quê Đại Thắng, Hợp Thắng, Triệu Sơn, Thanh Hóa; Tiểu đội trưởng Trần Khánh Thức, quê Trung Hòa, Thạch Tân, Thạch Hà, Hà Tĩnh; Tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Hưởng, quê Ngọn Đồng, Hưng Khánh, Trấn Yên, Yên Bái; Tiểu đội trưởng Nguyễn Quốc Diễn, quê Sông Linh, Hương Hà, Hương Khê, Hà Tĩnh. Tiểu đội trưởng Phạm Xuân Vinh, quê Miếu Lương, Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Tây; Tiểu đội phó Nguyễn Viết Ngo, quê Hợp Một, Nghi Liên, Nghi Lộc, Nghệ An; Tiểu đội phó Lê Trung Hộ, quê Xuân Sơn, Diễn Lợi, Diễn Châu, Nghệ An; y tá Phạm Hồng Quảng, quê Công Á, Bảo Nguyên, Lâm Thao, Phú Thọ. Và các chiến sĩ: Hoàng Văn Ngân, quê Long Sơn, Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An;

Nguyễn Văn Kiên, quê Mỹ Hòa, Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An; Trần Thanh Bình, quê Minh Thành, Quỳnh Long, Quỳnh Lưu, Nghệ An; Trần Xuân Mỹ, quê Dương Phong, Nam Phong, Nam Đàn, Nghệ An; Trần Xuân Như, quê Liên An, Can Lộc, Hà Tĩnh; Lê Trọng Bình, quê Hương Trà, Sơn Trà, Hương Sơn, Hà Tĩnh; Đoàn Hồng Khanh, quê Mỹ Sơn, Nghi Lâm, Nghi Lộc, Nghệ An; Nguyễn Tất Hiền, quê Tân Trường, Hội Sơn, Anh Sơn, Nghệ An; Hà Thanh Reo, quê xóm Đoàn, Lai Đồng, Thanh Sơn, Phú Thọ; Nguyễn Thanh Trung, quê Ái Quốc, Quỳnh Hậu, Quỳnh Lưu, Nghệ An; Nguyễn Thanh Chung, quê Quỳnh Thắng, Quỳnh Lưu, Nghệ An; Đặng Khắc Hồng, quê Kim Hà, Nghi Thiên, Nghi Lộc, Nghệ An; Bùi Văn Vánh, quê Ái Quốc, Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Tất cả 24 liệt sĩ của Đại đội 3 Tiểu đoàn 1 được an táng ở khu vực chân cao điểm 544.

Do tổn thất lớn, một bầu không khí nặng nề buồn đau trùm lên đơn vị. Chỉ huy tiểu đoàn quyết định tổ chức đánh một trận thật tốt để lấy lại khí thế cho đơn vị.

Sau khi cân nhắc, chỉ huy tiểu đoàn cho gọi tôi và Chính trị viên Dy lên giao nhiệm vụ. Tiểu đoàn trưởng nói:

- Tình hình tiểu đoàn các đồng chí đã biết. Anh em tư tưởng có chùng xuống trước tổn thất của đơn

vị. Vì vậy, ta phải tổ chức đánh một trận thắng giòn giã mở màn cho tiểu đoàn, lấy lại khí thế cho đơn vị. Đại đội 2 còn nguyên vẹn, đồng chí Hiệu là Đại đội trưởng có kinh nghiệm nên tiểu đoàn quyết định giao nhiệm vụ này cho Đại đội 2. Mục tiêu của các đồng chí là đánh vào lữ đoàn 1 sư đoàn 5 bộ binh cơ giới Mỹ. Phải diệt gọn một cụm cở đại đội, các đồng chí thấy thế nào?

Suy nghĩ một lát, tôi nói:

- Qua những lần đi chuẩn bị chiến trường, tôi thấy lữ đoàn 1, sư đoàn 5 bộ binh cơ giới Mỹ vẫn thực hiện chiến thuật "trâu rừng" của tướng Abram. Ban ngày chúng dùng phi pháo kết hợp với bộ binh cơ giới nống ra lùng sục. Tối co lại gần cứ điểm thành từng cụm, chúng dùng máy ủi ủi đất thành bờ, dùng lưới chống B40 rào xung quanh, xe tăng ẩn trong đó và dùng phi pháo ngăn chặn ta từ xa và tung thám báo ra bảo vệ vòng ngoài. Phát hiện thấy ta chúng dùng phi pháo sát thương. Trên đây là việc làm khó.

- Thế theo đồng chí ta phải làm thế nào? - Tiểu đoàn trưởng chăm chú nhìn tôi, hỏi.

- Tôi đề nghị ta không tổ chức cách đánh thông thường chia đại đội thành hai bộ phận. Bộ phận đi bám địch, bộ phận ở nhà chuẩn bị sẵn sàng xuất kích. Cách tổ chức như vậy thì khó đánh được

chúng lúc này. Đại đội sẽ tổ chức chọn người chia làm ba tổ. Tốt nhất là chọn đảng viên và cảm tình Đảng cùng đi bám địch, phát hiện được địch là triển khai đánh luôn. Chúng ta phải quán triệt phương châm chỉ đạo tác chiến của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là "bám thắt lưng Mỹ mà đánh".

- Tôi nhất trí ý kiến của Đại đội trưởng Hiệu, các đồng chí về tổ chức cho đơn vị chiến đấu, phải bảo đảm tuyệt đối an toàn trước khi nổ súng, nếu không phi pháo địch sẽ oanh tạc trong quá trình bám nắm địch. Các đồng chí tổ chức đánh càng sớm càng tốt. Chúng tôi chờ tin thắng trận.

- Chúng tôi hứa sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ

Trên đường về tôi và Chính trị viên Dy vừa mừng vừa lo. Mừng là được tiểu đoàn tin tưởng giao nhiệm vụ trong lúc đơn vị gặp khó khăn, lo là lúc này địch đang co lại trong khu vực tiểu đoàn hoạt động. Tôi trao đổi với Chính trị viên Dy:

- Anh cho hội ý chỉ ủy và họp chi bộ ra nghị quyết lãnh đạo bộ đội, củng cố và giữ vững quyết tâm cho đơn vị. Còn phương án chiến đấu, ta sẽ chọn 21 người, chia làm ba mũi. Tôi và anh sẽ đi một mũi, Chính trị viên phó Lê Đăng Nhiệm (anh Nhiệm quê ở xóm Đông, Quỳnh Vinh, Quỳnh Lưu, Nghệ An) phụ trách một mũi, đại đội phó phụ trách một mũi. Điều quan trọng là phải nắm chắc quy

luật của địch, xem địch bố trí thế nào, đi càn thế nào và tối về chúng cùm thế nào?

Chính trị viên Dy nói thêm:

- Cái khó là đưa quân phải bảo đảm được yếu tố bí mật. Không may có thương vong thì rất khó giải quyết. Không thể đưa thương binh, tử sĩ ra trước sáng được? Như vậy phải tính đến điểm giấu quân trong đó để đêm sau mới đưa anh em ra được. Vì thế trang bị phải rất gọn nhẹ.

Tôi bổ sung:

- Để bảo đảm bí mật, tôi đã nghĩ là phải đưa bộ đội hành quân đi theo sông Cam Lộ. Khi qua đường, trải vải dù, người đi sau cùng phải đi giạt lùi, dùng cành lá xóa hết dấu vết.

Vừa đi vừa trao đổi, tôi và Chính trị viên Dy về đến đơn vị lúc nào không hay. Chúng tôi bắt tay ngay vào công tác chuẩn bị, tổ chức bộ đội.

Anh Dy hội ý cấp ủy và quán triệt nhiệm vụ cho chi bộ và đơn vị. Tôi hội ý cán bộ trung đội lựa chọn người. Số cán bộ, chiến sĩ được lựa chọn là 21 người. Đại đội có tất cả sáu khẩu B40, và ba khẩu B41 sẽ mang đi hết. Mỗi khẩu B40, B41 mang theo sáu quả đạn, ngoài súng AK báng gấp, mỗi người mang bốn quả lựu đạn cùng lương khô, bông băng. Nhìn nét mặt ai cũng háo hức, quyết tâm cao trong tôi trào dâng niềm xúc động.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi hành quân theo phương án đã định. Từ ngày 1 tháng 4 năm 1970, do bị đơn vị bạn đánh ở cao điểm 182 nên địch luôn luôn cơ động và dùng hỏa lực ngăn chặn. Chúng tôi động viên anh em kiên trì tìm địch đánh cho kỳ được.

Ngày 4 tháng 4, khi chúng tôi vừa ra tới bãi Tân Kim thì chạm trán thám báo Mỹ. Bọn thám báo liền gọi máy bay và pháo binh đánh vào đội hình ta. Tôi và hai đồng chí bị thương. Một mảnh pháo găm vào cánh tay trái tôi, máu chảy đầm đìa. Đồng chí y tá kịp thời băng lại. Trước tình huống bất ngờ, tôi thoáng nghĩ, mình bây giờ đi viện thì sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị, phải kiên quyết ở lại chỉ huy chiến đấu. Tôi cho người đưa hai đồng chí bị thương xuống một khe suối cạn và dặn ở lại đó, đơn vị đánh xong sẽ đưa đi viện sau.

Đại đội tiếp tục hành quân bám địch nhưng vẫn chưa bám được cụm xe cơ giới nào.

Trong đơn vị bắt đầu xuất hiện tư tưởng lo ngại, bởi đã ba, bốn ngày đêm liên không ngủ, ăn lương khô, uống nước lã mà vẫn không bám được địch. Có người cho rằng nếu kéo dài tình trạng này thì kiệt sức mất thôi.

Trước tình hình đó, tôi và Chính trị viên Dy hội ý cấp ủy, củng cố quyết tâm cho bộ đội. Chúng tôi cho rằng lúc này chỉ có đánh được địch thì mới lấy lại lòng tin cho chiến sĩ. Chi ủy hạ quyết tâm: Tối ngày 4 rạng ngày 5 tháng 4, phải kiên quyết tìm địch và đánh cho bằng được. Chúng tôi phân công nhau xuống gặp từng người, phân tích tình hình, động viên anh em kiên nhẫn và quyết tâm trong đêm phải tìm bằng được cụm bộ binh cơ giới Mỹ.

Tôi tổ chức cán bộ, trình sát đi đầu bám địch. Chính trị viên và đại đội phó tổ chức hành quân sau. 18 giờ, chúng tôi đến bãi Tân Kim. Trình sát vẫn không phát hiện được địch. Tôi nghĩ, nếu cứ bám địch theo kiểu cũ sẽ không được, phải táo bạo tiến sâu về phía nam, lòng sục để tìm chúng. Tôi nói: "Ở đâu có tiếng cối cá nhân của địch bắn ra là ở đó có bộ binh cơ giới Mỹ. Vì vậy, ta phải lấy tiếng súng của địch để tìm địch".

Chúng tôi xác định chính xác hướng có tiếng súng cối địch mà tiến. Đến 22 giờ, qua ánh sáng của đèn dù, pháo sáng, chúng tôi nhìn thấy ba cụm cơ giới Mỹ. Tôi mừng quá. Tranh thủ hội ý cán bộ, tôi nói:

- Theo cách bố trí của địch, khả năng bọn chỉ huy cụm bộ binh cơ giới Mỹ ở Sáp Đá Mài. Cụm này

nằm phía trong, có thể chúng chủ quan, sơ hở nên chúng ta bỏ hai cụm phía bắc mà tập trung tiêu diệt cụm Sáp Đá Mài.

Mọi người thống nhất phương án của tôi nêu ra. Khi đội hình chúng tôi cách cụm cơ giới Mỹ khoảng 200 mét, tôi cho anh em dừng lại triển khai đội hình, chờ lệnh.

Tôi dẫn Trung đội trưởng Thuấn, Trung đội trưởng Hợp và bốn trinh sát bò qua hố bom, vượt một con suối cạn, tiến vào cách địch 30 mét. Lợi dụng đèn dù, chúng tôi đếm được 16 chiếc xe tăng bố trí thành hình vòng cung. Cụm xe tăng này có nhiều nhà bạt và cần ăng ten. Anh em xác định đây là cụm xe chỉ huy.

Tôi chỉ từng mục tiêu, phân chia từng khu vực cho các trung đội trưởng. Sau đó tôi và Thuấn bò vào để tìm và xác định một lần nữa vị trí chỉ huy của địch.

Bọn lính gác đi đi lại lại, chốc chốc chúng bắn vài quả đạn cối ra xung quanh để trấn an tinh thần binh lính. Lợi dụng đám cỏ tranh, tôi và Thuấn nhẹ nhàng vượt về phía nam và gặp một xe tăng địch nằm giấu trong bụi cây. Thuấn vỗ vào thành xe nói nhỏ: "Vỏ thép lạnh quá!". Chúng tôi quan sát thấy lính Mỹ đã ngủ trong nhà bạt. Ở một nhà bạt khác chúng đang mở máy thông tin nói

xì xà xì xô. Chắc là chúng thông báo cho cấp trên: Tình hình vẫn ổn!

Sau khi trình sát xong, tôi quay về mũi chính diện, ban chỉ huy đại đội và các trung đội trưởng đã có mặt, tôi nói:

- Căn cứ vào hình thái đóng quân của xe tăng địch, ta phải đánh từ ba hướng mới diệt gọn được chúng. Các xạ thủ B40, B41 phải vào cách xe tăng địch từ năm đến bảy mét chọn vị trí bắn. Tôi và Chính trị viên Dy sẽ đi hướng chính diện với trung đội Thuấn. Hướng này sẽ tập trung hai khẩu B41 và hai khẩu B40. Khi hướng chính nổ súng, thì tất cả bắn vào những chiếc xe tăng mà các xạ thủ đã chọn. Mỗi chiếc xe bắn hai quả đạn B40 hoặc B41. Ai có ý kiến gì không?

Mọi người đều nhất trí, tôi yêu cầu tất cả khẩn trương vào vị trí chiến đấu.

Tôi xem đồng hồ, lúc đó là 12 giờ đêm. Bộ đội đã vào vị trí xuất phát tiến công. Tôi đi kiểm tra và bắt tay các xạ thủ B40, B41 động viên anh em bình tĩnh lập công.

3 giờ 15 phút các mũi đã áp sát mục tiêu từ 20 đến 30 mét, tôi kiểm tra lần cuối cùng rồi quay về hướng chính diện dẫn tổ lườn sâu vào vị trí.

3 giờ 40, tôi hướng dẫn cho tổ lườn sâu của đồng chí Xứng tiếp cận sở chỉ huy địch. Cách bảy mét,

Xúng vấp phải quả mìn sáng. Chớp thời cơ tôi lệnh cho Xúng và chiến sĩ B41 Phùng Văn Khoét bắn liên tiếp hai quả vào chiếc xe chỉ huy để phát lệnh tiến công. Hai tiếng nổ gần như liên tiếp vang lên. Một quầng lửa màu da cam hắt ra. Nhân lúc những tia sáng lóe lên, Khoét nhìn rõ hình thù một chiếc xe tăng địch. Anh siết cò. Khẩu B41 trên vai Khoét nhẹ tâng, quả đạn lao đi. Chiếc xe thứ hai bốc cháy.

Tiếp đó là những tiếng nổ vang dậy. Với quả đạn đầu tiên, tất cả chiến sĩ B40 và B41 đều bắn cháy xe tăng địch. Tám chiếc xe tăng bị diệt ngay từ những loạt đạn đầu. Tôi hô toàn đơn vị xung phong. Vượt qua chiếc xe chỉ huy, bộ đội từ các hướng đánh thẳng vào đội hình địch. Các chiến sĩ B40 và B41 bắn xe tăng, các chiến sĩ xung kích dùng AK bắn quét diệt bộ binh địch.

Lúc này Phùng Văn Khoét thấy phía trước mũi chiến đấu của anh một chiếc xe tăng đang chống trả điên cuồng. Lính Mỹ bắn như đạn lửa về phía ta. Khoét lấp tiếp quả đạn thứ ba rồi vọt lên. Đạn AR15 của địch bay chiu chiu trên đầu, nhưng anh vẫn bình tĩnh nhằm vào chiếc xe tăng siết cò. Đạn không nổ. Khoét lên cò siết lần thứ hai. Vẫn không nổ. Khoét đến bên cạnh tôi, nói trong hơi thở:

- Tiếc quá đại đội trưởng ạ. Đạn hỏng!

Tôi nói chiến sĩ B41 Nguyễn Hải Hà đưa cho Khoét quả đạn. Nhận quả đạn từ tay Hà lắp vào súng, Khoét tiếp tục đuổi theo chiếc xe. Một tiếng nổ chát chúa kéo theo một quầng lửa trùm kín chiếc xe tăng.

Cuộc chiến đấu càng về sau càng diễn ra quyết liệt. Dịch ngoan cố cụm vào ba chiếc tăng còn lại ở phía nam bắn trả điên cuồng vào đội hình tiến công của ta. Tôi lệnh cho khẩu B41 dự phòng và điều hai khẩu B40 vòng sang bên sườn tiêu diệt ba chiếc tăng này.

Tôi ra lệnh mỗi khẩu B40, B41 bắn liên tiếp hai quả đạn vào cụm xe tăng địch. Sau một loạt tiếng nổ B40, B41, lửa từ những chiếc xe tăng bốc cháy ngùn ngụt.

Bỗng từ phía nam, chiếc xe tăng ở vòng ngoài bất ngờ nổ máy bắn vào đội hình quân ta. Tôi lệnh cho hai chiến sĩ B41 nhằm vào chiếc xe tăng đang hung hăng nổ súng. Hai quả đạn B41 đã xuyên thủng lớp vỏ thép của chiếc xe làm cho nó khựng lại, bốc cháy.

Trời đã gần sáng, tôi trao đổi với Chính trị viên Dy cho bộ đội lui quân. Chiến sĩ truyền nhau lệnh của tôi: "Nhanh chóng rời trận địa". Các mũi lần lượt thu quân, để lại 16 xác xe tăng và 95 xác lính Mỹ trong những đám cháy rừng rực.

Cả đại đội vận động đến khu vực an toàn, tôi cho dừng lại. Lúc này, pháo địch bắn như bao bọc lấy đám cháy. Máy bay L19, OV10 bay lên thả pháo sáng, máy bay C130 bắn đạn 20 ly. Tôi đành lòng bảo anh em đưa liệt sĩ ra sông Cam Lộ, buộc đá vào từng thi thể thả xuống sông để đêm hôm sau lấy đưa anh em về.

Bốn đồng chí hy sinh trong trận tập kích cụm cơ giới Mỹ đêm mùng 4 rạng mùng 5 tháng 4 năm 1970 là: Tiểu đội trưởng Ninh Văn Đình, quê Đại Từ, Tam Kỳ, Yên Lạc, Vĩnh Phúc; Tiểu đội trưởng Cao Chí Ngân, quê Sơn Phúc, Hương Sơn, Hà Tĩnh; chiến sĩ Bùi Duy Cầu, quê Quỳnh Lương, Quỳnh Lưu, Nghệ An; chiến sĩ Trần Xuân Trach, quê xóm 5, Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An. Bốn liệt sĩ này được đưa về an táng tại khu vực Tân Kim.

Tôi cũng cho anh em ném vũ khí chiến lợi phẩm xuống sông Cam Lộ, chỉ giữ lại súng B40, B41, AK, lựu đạn.

Lúc này, Trung đội trưởng Thuận báo cáo với tôi là trung đội anh còn thiếu hai người, trong đó có Phùng Văn Khoét, dũng sĩ đã diệt ba xe tăng. Tôi nói với Chính trị viên Dy cho bộ đội hành quân về vị trí tập kết, còn tôi và một chiến sĩ quay lại trận địa. Đi được gần một cây số, tôi nhìn thấy hai chiến sĩ đang dìu nhau. Tôi nhận ra Khoét dáng cao to,

bằng kín đầu đang dựa vào một chiến sĩ nhỏ hơn. Trời sắp sáng, tôi bảo mọi người đưa Khoét về sườn tây nam, ẩn mình trong những lùm cây lúp xúp, để tối sẽ về đơn vị.

9 giờ sáng, địch cho 24 lần chiếc trực thăng UH1A và cả trực thăng cần cầu lên cầu xác những chiếc xe tăng bị cháy về Miếu Bái Sơn. Sau đó, chúng điều xe ủi san phẳng ngọn đồi. Đến 17 giờ cùng ngày chúng rút khỏi Sáp Đá Mài.

Mấy ngày sau, tôi buồn rầu được tin đồng chí Phùng Văn Khoét và đồng chí Vi Công Đoàn đã hy sinh tại trạm phẩu D ở đông nam cao điểm 402. Đồng chí Khoét quê ở Tân Quyền, Kim Thượng, Thanh Sơn, Phú Thọ, anh là người dân tộc Mường và đồng chí Đoàn quê ở Bản Mã, Kim Tiến, Tương Dương, Nghệ An. Tôi vô cùng thương tiếc Khoét, một người chiến sĩ dũng cảm, một dũng sĩ diệt xe cơ giới Mỹ và Đoàn, một chiến sĩ dũng cảm.

Sau trận đánh của Đại đội 2, lính Mỹ ở khu vực Sáp Đá Mài vô cùng hoảng sợ, chúng không dám giăng xe và lính ra để chiếm giữ khu vực này. Trận đánh đã góp phần đẩy chiến thuật "trâu rừng" của Abram hoàn toàn phá sản.

Chiến thắng của Đại đội 2 đã tạo khí thế chung cho toàn đơn vị. Tiểu đoàn 3 đang gặp khó khăn nhưng vẫn đứng vững trên địa bàn hoạt động của

mình cùng với các đơn vị trong trung đoàn giữ thế tiến công tiêu diệt địch.

Đại đội 2 được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì. Tôi cũng được trên tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì, và được bổ nhiệm làm Tiểu đoàn trưởng. Chính trị viên tiểu đoàn là đồng chí Trần Xuân Gứng.

Thời gian này một số phóng viên của Báo *Quân đội nhân dân* như đồng chí Đoàn Công Tính, đồng chí Cao Tiến Lê, Ngọc Đản... đã đi sát đơn vị tôi để chụp ảnh, viết bài, đưa tin tuyên truyền kịp thời chiến thắng của quân dân ta.

Hôm lên trung đoàn nhận nhiệm vụ, Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm¹ bắt tay tôi, ông khen:

- Cậu khá lắm! Quyết đoán, đánh giỏi. Hôm Đại đội 2 đánh cụm xe tăng Mỹ ở Sáp Đá Mài, đài quan sát báo cáo cả ngọn đồi cháy rực, mình thấy vui quá.

Chính ủy Nguyễn Võ Hiễn, với giọng Hà Tĩnh nặng nề bảo tôi:

- Sau khi thấy cậu chỉ huy đánh thắng, tớ nói với anh Tâm, phải đưa Hiệu lên Tiểu đoàn trưởng. Hôm nay có quyết định rồi, cương vị mới phải cố gắng hơn. Tớ tin cậu sẽ làm tốt.

1. Sau này ông là Trung tướng rồi nghỉ hưu ở Đà Nẵng.

Tôi thưa:

- Được Trung đoàn trưởng, Chính ủy tin cậy, tôi sẽ cố gắng hết sức mình chỉ huy tiểu đoàn, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trung đoàn giao.

Tiểu đoàn trưởng Tâm vui vẻ:

- Thế thì tốt! Tụi mình tin cậu.

Trở lại tình hình Tiểu đoàn 3, ngày 18 tháng 4 năm 1970, Đại đội phó Ngô Thanh Cư, quê Diễn Kim, Diễn Châu, Nghệ An bị bom tọa độ hy sinh. Đồng chí Cư là người đã gắn bó với tôi trong nhiều trận đánh. Anh được an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Thượng. Đến ngày 23 tháng 4 năm 1970, Chính trị viên Nguyễn Văn Bảo trên đường đi nghiên cứu địa hình ở cao điểm 182, anh gặp thám báo địch, chiến đấu. Chúng gọi pháo bắn, anh trúng đạn hy sinh. Anh Bảo được an táng tại nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Thượng, bờ bắc sông Bến Hải, khu Vĩnh Linh.

Thế là trong vòng 5 ngày, Tiểu đoàn 3 đã mất hai cán bộ ưu tú.

Giữa tháng 5 năm 1970, sau khi nghe Trung đoàn 27 báo cáo kết quả chiến đấu của một số đơn vị, trong đó có thành tích Đại đội 2, Tiểu đoàn 3, Bộ tư lệnh Mặt trận B5 đã biểu dương thành tích chiến đấu xuất sắc của trung đoàn trong đợt vừa qua, đồng thời chỉ thị tiếp cho trung đoàn: "Tranh thủ

thời cơ củng cố đơn vị để đưa bộ đội vào sâu hơn. Kiên quyết giữ vững địa bàn xung quanh các cao điểm 322, 288 để khống chế cao điểm 544 từ phía đông nam".

Nhận được chỉ thị của trên, Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm giao nhiệm vụ:

- Tiểu đoàn 3 do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Huy Hiệu chỉ huy, tiến sâu vào phía nam khu vực cao điểm 322, cao điểm 288. Tiểu đoàn 2 do Tiểu đoàn trưởng Bùi Xuân Các chỉ huy đánh địch nòng ra ở Đồi Tròn (nam cao điểm 544). Tiểu đoàn 1 do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Ty chỉ huy, mở rộng địa bàn, chốt giữ ở phía đông và phía bắc căn cứ 544. Các đơn vị pháo binh, súng máy 12,7 ly chi viện đặc lực cho bộ binh và chủ động đánh địch, nhất là đại đội súng máy 12,7 ly.

Nhận xong nhiệm vụ chúng tôi khẩn trương chuẩn bị cho đơn vị bước vào chiến đấu.

Thời gian này, trung đoàn 2, sư đoàn 3 ngụy và một số đơn vị thuộc lữ đoàn 1, sư đoàn 5 Mỹ phải đem hết lực lượng ra để đối phó trên hướng chiến đấu của Trung đoàn 27. Lính ở cứ điểm 544 hoảng sợ trước sự vây ép liên tục của Tiểu đoàn 2. Trận địa pháo cối của địch ở trên cao điểm 544 bị khống chế liên tục, không chi viện được cho bọn lính hoạt động xung quanh khu vực 544.

Mặc dù bị thua đau, nhưng bọn địch vẫn cố sống cố chết bám lấy cứ điểm 544. Qua dài kỳ thuật ta nắm được trong thời kỳ này, địch phải tăng cường pháo binh cho cứ điểm Đầu Mầu ở phía nam Đường 9 để chi viện cho cứ điểm 544. Các lực lượng còn lại của vùng 1 chiến thuật quân nguy Sài Gòn phải túc trực thường xuyên để nống ra khu vực 544 nhằm bảo vệ vòng ngoài.

Để bám chắc địch, đánh tiêu diệt chúng lớn hơn, Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm quyết định tăng cường các đài quan sát để nắm địch kịp thời, tạo điều kiện cho các đơn vị bộ binh đánh thắng.

Chiến sĩ Đại đội 15 trinh sát hầu như có mặt khắp địa bàn hoạt động của trung đoàn. Đài quan sát đặt xung quanh cứ điểm 544, đồng thời là những trận địa chốt sẵn sàng đánh địch của các chiến sĩ trinh sát.

Trên hướng của Tiểu đoàn 3, thủ đoạn hoạt động của địch cũng thay đổi, hàng ngày chúng cho trung đội thám báo đi dò mìn và thông đường trước, sau đó chúng cho xe chở quân đi. Nắm được quy luật của địch, tôi cho các đại đội chọn những cán bộ, chiến sĩ thông thạo địa hình, linh hoạt tổ chức những trận phục kích đánh giao thông. Những trận đầu, tôi dẫn anh em đi chọn đoạn đường khúc khuỷu làm nơi phục kích địch (cách Miếu Bái Sơn 500 mét) trên Đường 76. Vì đoạn đường này có nhiều đường

cua nên xe của chúng phải đi chậm, anh em đặt mìn định hướng Clâymo thu được của Mỹ (loại mìn gây sát thương ghê lắm vì có hàng trăm viên bi). Chúng tôi để trung đội thám báo đi qua, rồi chờ chúng quay lại dẫn đoàn xe vận tải quân sự chở quân. Những tên lính Mỹ ngồi trên xe chủ quan, tin rằng trung đội thám báo đã dò xét kỹ. Khi đoàn xe lọt vào đúng tâm trận địa phục kích, tôi lệnh cho chiến sĩ bắn B41, nhằm chiếc đi đầu, bắn. Chiếc xe trúng đạn bốc cháy. Những chiếc xe chạy sau theo quán tính lao vào xe trước. Có những chiếc xe do tránh xe bị cháy đã lao xuống vệ đường đổ kênh. Lúc này B40, B41, lựu đạn AK của ta bắn vào những chiếc xe đang hỗn loạn. Trận đầu ta diệt 7 xe. Những trận tương tự ta diệt năm xe. Gặp đoàn xe đông, anh em chặn đánh năm xe đi sau.

Lại có trận, trời mưa lính ngự mặc áo mưa trùm kín đầu đi tuần. Anh em phục diệt chúng, rồi lấy áo mưa, súng AR15 đóng giả lính ngự đi nghênh ngang trên đường, thấy đoàn xe quân sự chở quân anh em ra hiệu dừng lại. Khi những tên lính ngự còn chưa hay biết chuyện gì sẽ xảy ra, thì lập tức tổ phục kích bắn B40, B41 vào những chiếc xe chở đầy lính. Dịch không kịp trở tay, anh em rút lui an toàn.

Cách đánh phục kích mang lại hiệu quả cao, ta hạn chế được thương vong. Đánh xong anh em chia

từng tốp ba người rút về phía nam. Tôi hợp điểm ở nơi đã định rồi về vị trí tập kết.

Vào những tháng giữa năm 1970, lúc chúng tôi tổ chức đánh ở Đường 76, lúc lại đánh trên Đường 9. Nhưng mỗi vị trí cũng chỉ đánh được vài trận. Vì sau đó bọn địch rút kinh nghiệm, đi thưa và có máy bay trực thăng hộ tống.

Cuộc chiến đấu của Trung đoàn 27 những tháng giữa năm 1970 trong hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra diễn ra giằng co quyết liệt. Địch bị đánh khắp nơi, từ căn cứ Cồn Tiên đến Sa Mư, Phu-lơ, Dầu Mầu, 300 Đất, 300 Đá, cầu Thiên Xuân... Mỹ - ngụy cay cú tiếp tục xua quân ra nống lấn, cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 27 lại có thời cơ diệt địch. Thực hiện ý định của cấp trên: Địch co lại, ta kéo chúng ra để diệt, đánh điểm kết hợp với đánh lực lượng "quần cù".

Ngày 29 tháng 7 năm 1970, trình sát báo cáo một đại đội ngụy hành quân ra cao điểm 182, gần vị trí đóng quân của Đại đội 1. Tôi lệnh cho đại đội này khẩn trương chặn đánh. Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 nhanh chóng xuất kích, hình thành thế trận chặn đầu, khóa đuôi rồi nổ súng tiến công. Sau gần 30 phút chiến đấu, quân ta đã đánh thiệt hại nặng đại đội thuộc trung đoàn 3, sư đoàn 3 ngụy. Đại đội 1 có ba cán bộ, chiến sĩ hy sinh, đó là Trung đội trưởng

Nguyễn Văn Long, quê Hợp tác xã Thống Nhất, Nam Mỹ, Nam Đàn, Nghệ An; Trung đội phó Lương Xim Doáng, quê Thôn Chiềng, Võ Lao, Văn Bàn, Yên Bái; chiến sĩ Phan Huy Đạt, quê Bản Thục, Khuất Xá, Lộc Bình, Lạng Sơn. Các anh được an táng ở chân điểm cao 468.

Ngày 2 tháng 8 năm 1970, Tiểu đoàn tôi bị máy bay B52 đánh trúng đội hình, gây tổn thất lớn. Nhiều đồng chí hy sinh. Đại đội 3 có Đại đội trưởng Nguyễn Văn Cương, quê Phúc Thịnh, Yên Phúc, Yên Định, Thanh Hóa và y tá Tạ Đăng Khải, quê An Lạc, Đồng Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên. Đại đội 4 có ba chiến sĩ là: Hồ Thúc Minh, quê Thọ Mỹ, Diễn Trường, Diễn Châu, Nghệ An; Nông Văn Cần, quê Đà Tiên, Lãng Hiếu, Trùng Khánh, Cao Bằng; Nông Văn Quang, quê Nà Phài, Chí Viễn, Trùng Khánh, Cao Bằng. Tiểu đoàn bộ có Tiểu đội trưởng Đinh Văn Sâm, quê Hưng Lĩnh, Hưng Nguyên, Nghệ An. Các liệt sĩ của tiểu đoàn được an táng tại chân cao điểm 230.

Những tháng cuối năm 1970, Tiểu đoàn 3 của tôi liên tục tổ chức những trận vận động tiến công ở cao điểm 182, Đồi Đá, Đ1, Đ2, Đ3, Đ4... và xung quanh căn cứ Phu-lơ gây cho địch nhiều tổn thất.

Năm 1970 qua đi, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 nói chung và Tiểu đoàn 3 nói riêng đều thấy tự hào

vì có bước trưởng thành về mọi mặt, đặc biệt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu trong hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra. Những trận đánh của đơn vị trong năm 1970 có quy mô lớn hơn so với hai năm trước. Sở trường tác chiến của các đơn vị trong trung đoàn đã được hình thành: Tiểu đoàn 1 chốt giữ; Tiểu đoàn 2 vây lấn; Tiểu đoàn 3 của tôi vận động tiến công.

Qua chiến đấu với quân nguy, chúng y vào hỏa lực mạnh của pháo bầy, trong đó chúng dùng pháo chơm, pháo đinh và các loại bom như bom bi, bom napan, bom phát quang, bom đào, bom B.52, bom tọa độ... đánh phá vào trận địa ta. Để hạn chế thương vong, chúng tôi phải đào hầm hào ếch để tránh pháo chơm, pháo đinh, bom phát quang, bom bi... Kinh nghiệm tránh máy bay B.52 là giữa hai trận đánh trời bỗng trở nên yên ắng là chỉ sau vài chục phút, khu vực ấy hứng chịu bom rải thảm của B.52. Khi B.52 đánh trúng đội hình, anh em chúng tôi nằm sấp, tay để dưới ngực chống sức ép của bom. Khi Mỹ dùng chất độc, hơi cay đánh vào những điểm chốt của chúng ta, chúng tôi cho bộ đội dùng khăn mặt thấm nước để lên miệng, lên mũi. Khi không có nước, anh em phải dùng nước giải thấm vào khăn rồi bịt mồm, bịt mũi mà thở. Cách này cũng rất hiệu quả và được anh em chúng tôi dùng trong nhiều năm.

Với những thành tích đã đạt được, Trung đoàn 27 vinh dự được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Quân công. Đây là tấm Huân chương Quân công đầu tiên mà trung đoàn được nhận, đánh dấu bước trưởng thành vững chắc của trung đoàn. Phần thưởng cao quý này là kết quả của cả một quá trình phấn đấu không mệt mỏi, không ngại hy sinh, gian khổ của toàn thể cán bộ, chiến sĩ trung đoàn, xứng đáng với niềm tin của Đảng, của nhân dân và các đơn vị bạn.

Chương bốn

CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG ĐƯỜNG 9 - NAM LÀO

Cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân 1968 của quân và dân ta đã giáng đòn quyết định làm thất bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, tạo một bước ngoặt lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Chính quyền Mỹ buộc phải từ bỏ chiến lược "chiến tranh cục bộ", xuống thang chiến tranh, chủ trương "phi Mỹ hóa" cuộc chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri.

Ở miền Nam Việt Nam, Mỹ đã đề ra kế hoạch chiến lược gồm ba bước để thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". *Bước một*: Chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho quân ngụy, bắt đầu rút một số bộ phận quân chiến đấu Mỹ, tiếp tục làm suy yếu lực lượng ta bằng các kế hoạch mới, về "bình định nông thôn". Đây là bước quan trọng có ý

nghĩa quyết định. *Bước hai*: Chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên không cho quân ngụy, làm cho quân ngụy mạnh lên để đủ sức đương đầu với ta. *Bước ba*: Hoàn thành "Việt Nam hoá chiến tranh", củng cố các thành quả đạt được, làm cho lực lượng ta bị suy yếu nghiêm trọng và vì thế sẽ "tàn lụi dần". Mỹ dự kiến đến giữa năm 1972 sẽ hoàn thành kế hoạch ba bước trên đây.

Mỹ cũng đề ra những biện pháp chiến lược để thực hiện kế hoạch trên là:

Thứ nhất, phát triển và hiện đại hóa quân ngụy để đủ sức đối phó với ta và trở thành lực lượng nòng cốt cho các loại quân tay sai trên toàn chiến trường Đông Dương. Đến cuối năm 1969, địch đã tăng thêm 160 nghìn quân, đưa tổng số quân ngụy từ 717 nghìn quân (năm 1968) lên 877 nghìn quân và năm 1970 lên xấp xỉ hơn một triệu quân. Từ năm 1970 trở đi, các sư đoàn quân ngụy không còn bị trói buộc vào nhiệm vụ chiếm đóng mà được sử dụng làm nhiệm vụ cơ động trên toàn miền Nam. Đầu năm 1970, quân ngụy có 12 sư đoàn, tám trung đoàn bộ binh; pháo binh có 55 trung đoàn với 990 khẩu pháo. Xe tăng, thiết giáp có 18 chi đoàn, 44 chi đội (1.310 chiếc). Đặc biệt không quân ngụy đã phát triển với tốc độ cao, số lượng sĩ quan và nhân viên không quân được đào tạo tăng gấp 10 lần với 20 phi

đoàn gồm 400 máy bay, trong đó có sáu phi đoàn máy bay chiến đấu (120 chiếc). Hải quân có 632 tàu. Lực lượng phòng vệ dân sự lên 1,5 triệu quân trong đó có 400 nghìn quân được vũ trang. Đi đôi với việc tăng cường quân nguy, từ tháng 6 năm 1969, Mỹ thực hiện việc rút dần quân Mỹ về nước. Cho đến đầu năm 1970, chúng đã rút được ba đợt với 110 nghìn quân.

Thứ hai, đẩy mạnh bình định nông thôn, tiêu hao và đẩy lùi bộ đội chủ lực ta ra khỏi các vùng đông dân, nhiều cửa, xây dựng cơ sở xã hội cho bọn tay sai. Từ cuối năm 1969 trở về sau, địch tập trung cố gắng lớn vào chương trình bình định. Chúng sử dụng toàn bộ quân địa phương, một nửa đến hai phần ba quân chủ lực nguy cùng bộ máy cảnh sát (trên 100 nghìn quân) với hàng chục nghìn cán bộ bình định, liên tiếp tổ chức các chiến dịch bình định, từ "bình định cấp tốc", "bình định đặc biệt" đến "bình định bổ sung", đánh phá ác liệt các vùng nông thôn đồng bằng đông dân ở cả Nam Bộ, Khu 5 và Trị Thiên.

Thứ ba, bao vây kinh tế, đánh phá đường hành lang vận chuyển chiến lược, hòng cắt đứt sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam. Chúng mở các cuộc phản kích lớn đánh ra vòng ngoài nhằm đánh phá hậu phương, đánh phá vùng giải phóng, đánh phá căn cứ đầu não của cuộc kháng chiến, đánh phá

hệ thống tiếp tế hậu cần chiến lược của ta để cô lập và làm suy yếu cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam và nhân dân các nước Đông Dương.

Thứ tư, về ngoại giao, bằng thủ đoạn dùng sức mạnh của Mỹ kết hợp với tìm mọi cách thỏa hiệp và dàn xếp với các nước lớn đồng minh của ta hòng gây sức ép buộc ta phải chấp nhận điều kiện của Mỹ trong cuộc thương lượng tại Hội nghị Pa-ri.

Như vậy, về mặt quân sự, cái mới của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là từ quân đội Mỹ làm nòng cốt chủ yếu chuyển dần sang cho quân đội ngụy; từ "tìm diệt" lực lượng quân sự sang đánh phá nguồn tiếp tế hậu cần; từ phạm vi miền Nam, mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia đẩy mạnh chiến tranh ở Lào và các cửa biển miền Bắc, cô lập ta với đồng minh, dựa vào sự bất đồng của hai nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ để làm suy yếu cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Tính chất cuộc chiến tranh ngày càng quyết liệt, phức tạp và gay gắt, cường độ chiến tranh vẫn phát triển cao, phạm vi chiến tranh mở rộng.

Sau này ở cương vị mới, có điều kiện nghiên cứu, tôi thấy những đợt tiến công liên tiếp của ta ở miền Nam trong năm 1968 và đầu năm 1969, cho thấy rõ xu thế của địch phải tiếp tục xuống thang chiến tranh do bị thất bại nặng nề là điều không cưỡng

lại được. Song, ta cũng chưa đánh giá đầy đủ chiến lược mới của chính quyền Ních-xơn, nhất là những nỗ lực lớn, những hành động phản kích rất quyết liệt của Mỹ trong các kế hoạch bình định nông thôn mà chúng gọi là "cuộc chiến tranh giành dân", nhằm "đuổi Việt cộng ra khỏi thôn ấp". Do đó, ta đã không kịp thời đề ra những biện pháp tiến công thích hợp nhằm đẩy lùi và đánh bại những âm mưu và thủ đoạn mới của địch trong chiến lược "quét và giữ" mà vẫn chủ trương tiếp tục hướng tiến công chủ yếu vào các đô thị khi không còn điều kiện. Điều đó đã dẫn đến những khó khăn, tổn thất cho cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam từ giữa năm 1968 đến giữa năm 1969.

Sau đợt hoạt động hè 1969, để giữ thế tiến công và do việc tiếp tế bổ sung ngày càng khó khăn, lại bị quân địch phản kích quyết liệt, một bộ phận chủ lực ta phải lui về căn cứ để củng cố. Lực lượng vũ trang địa phương cũng bị tiêu hao nặng, sức chiến đấu giảm sút. Mùa mưa, quân địch đánh ra kết hợp với đẩy mạnh chương trình bình định nông thôn và đánh phá căn cứ ta ở miền núi, đánh phá hành lang vận chuyển, gây thêm nhiều khó khăn mới cho ta. Vùng giải phóng bị thu hẹp, tiếp tế hậu cần cho bộ đội gặp nhiều trở ngại. Tuy ta có mở một số đợt tiến công, gây cho địch một số thiệt hại, nhưng không tạo được chuyển biến gì đáng kể.

Tháng 1 năm 1970, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đã họp hội nghị lần thứ 18. Hội nghị Trung ương đặt vấn đề phải khắc phục là cần đẩy mạnh tiến công toàn diện, tiến công cả về quân sự, chính trị và ngoại giao, vận dụng sáng tạo phương châm tiến công trên cả ba vùng chiến lược nhưng chuyển hẳn hướng tiến công, lấy nông thôn là hướng tiến công chính.

Ban Chấp hành Trung ương dự kiến tình hình có thể diễn biến phức tạp ở Cam-pu-chia - đường hành lang vận chuyển cho Nam Bộ và một phần cho Tây Nguyên có thể bị cắt đứt. Trung ương còn đề ra chủ trương ra sức làm nhiệm vụ quốc tế, chi viện cho cách mạng Lào, chuẩn bị kế hoạch phối hợp với quân Lào để chủ động đối phó với khả năng xấu nhất khi địch đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Lào và mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia.

Tình thế chính trị, quân sự trên toàn Đông Dương cho đến hết năm 1970 đặt ra yêu cầu đối với quân dân ta khi bước vào mùa Xuân 1971 là phải tăng cường liên minh chiến đấu với quân và dân Lào và Cam-pu-chia anh em, chuyển mạnh sang tiến công và phản công để giáng một đòn có ý nghĩa chiến lược vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Học thuyết Ních-xơn" ở Đông Dương, tạo thế và lực mới để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ

của nhân dân ba nước Đông Dương tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Về phía địch, theo bước đi chiến lược của Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" trong năm 1971 chúng tiến hành các cuộc tiến công lớn đánh ra vòng ngoài, phá hành lang vận chuyển chiến lược và hậu phương chiến lược trực tiếp của ta ở chiến trường Lào và Cam-pu-chia để thực hiện "chiến tranh bóp nghẹt".

Đó là bối cảnh chiến lược, hình thái chiến trường, bước đi chiến lược của hai bên, có quan hệ trực tiếp tới quá trình chuẩn bị và hình thành các chiến dịch cùng với bước phát triển mới của ta trong năm 1971. Ta còn dự đoán chính xác phương hướng tiến công của địch trong mùa khô năm 1970 - 1971 sẽ là hành lang vận chuyển chiến lược của ta ở Trung Hạ Lào và đông bắc Cam-pu-chia nhằm cô lập chiến trường miền Nam.

Đầu năm 1971, kế hoạch chiến lược mở các cuộc tiến công ra vòng ngoài đã được Nhà Trắng và Lầu Năm Góc phê chuẩn. Địch huy động 88 tiểu đoàn bộ binh, 15 thiết đoàn để mở ba cuộc tiến công quy mô lớn, tiến hành đồng thời và liên tiếp trên ba hướng đánh vào tuyến vận tải chiến lược của ta.

Hướng thứ nhất, cuộc tiến công mang tên "Lam Sơn 719", đánh vào khu vực Đường 9 - Nam Lào.

Thời gian đầu sử dụng 42 nghìn quân, với 34 tiểu đoàn, sau đó tăng lên 55 nghìn quân.

Hướng thứ hai, cuộc tiến công mang tên "Toàn thắng 1-71NB", với quy mô lực lượng trên 30 tiểu đoàn đánh vào Tây Ninh, Lộc Ninh rồi đánh lên vùng Kông Pông Chàm, Cra Chiê (đông bắc Cam-pu-chia).

Hướng thứ ba, cuộc tiến công từ bắc Kom Tum đánh ra ngã ba biên giới vùng Tà Xêng, Pa Kha, Sê Sụ thuộc A Tô Pơ (Nam Lào) với lực lượng khoảng 1 sư đoàn.

Trong ba cuộc tiến công nói trên, cuộc Hành quân Lam Sơn 719, đánh ra Đường 9 - Nam Lào là lớn nhất. Mục đích của "Hành quân Lam Sơn 719" là đánh phá, cắt đứt tuyến vận tải chiến lược của ta từ gốc, tập trung hủy diệt cơ sở hậu cần chiến lược, làm cho quân chủ lực ta ở miền Nam không thể đánh lớn trong mùa khô 1971 - 1972 và cả năm 1972, buộc ta phải quay về hoạt động chiến tranh du kích, để quân Mỹ rút dần theo kế hoạch mà quân ngụy vẫn mạnh lên. Đưa quân ngụy miền Nam thực nghiệm vai trò thay quân Mỹ trong một kế hoạch tác chiến cao nhất của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Mỹ muốn rèn luyện quân ngụy Sài Gòn thành lực lượng nòng cốt cho các quân đội tay sai ở Đông Dương.

Lực lượng tham gia cuộc Hành quân Lam Sơn 719 gồm tất cả các lực lượng dự bị chiến lược cùng lực lượng cơ động của vùng 1 chiến thuật ngụy. Các lực lượng tiếp vận trung ương của quân ngụy được sự chi viện hỏa lực của không quân Mỹ, một bộ phận lực lượng bộ binh và thiết giáp Mỹ phối hợp tác chiến yểm hộ phía sau. Quân ngụy Lào phối hợp hoạt động ở phía tây Đường 9 với 5 tiểu đoàn, từ đó tiến đánh ra khu vực Mường Pha Lan. Có thể nói đây là một cuộc hành quân lớn nhất và điển hình theo công thức "Việt Nam hóa" cuộc chiến tranh của Mỹ.

Về phía ta, từ mùa Hè năm 1970, Bộ Tổng tham mưu bắt đầu vạch kế hoạch tác chiến, điều động lực lượng chỉ đạo việc chuẩn bị chiến trường tác chiến ở khu vực Đường 9 - Nam Lào. Tháng 10 năm 1970, ta thành lập Binh đoàn 70, binh đoàn chiến lược đầu tiên của quân đội ta gồm 3 sư đoàn bộ binh: Sư đoàn 304, Sư đoàn 308 và Sư đoàn 320 và một số trung đoàn, tiểu đoàn binh chủng. Ở khu vực Đường 9, có lực lượng của Mặt trận B5, Quân khu Trị Thiên và Đoàn 559. Ta gấp rút điều chỉnh lực lượng, tổ chức thể trận, thiết bị chiến trường, các đơn vị trên địa bàn sẵn sàng phối hợp chiến đấu với bộ đội chủ lực cơ động.

Khu vực Đường 9 - Nam Lào là địa bàn rừng núi, thuộc hai tỉnh Quảng Trị và Xa-van-na-khet.

Đường số 9 nằm vắt ngang vĩ tuyến 17 dài khoảng 300 ki-lô-mét nối Đông Hà với Xa-van-na-khet. Nó đi qua Lao Bảo, Bản Đông, Sê Pôn, Mường Phìn, Pha Lan - những giao điểm của các con đường 16, 18, 23, 128 và các con sông Sê Băng Hiêng, Sê Pôn hết sức trọng yếu của tuyến giao liên đường bộ, đường thủy. Dọc Đường số 9 từ biên giới Việt - Lào ra biển là khu vực phòng thủ kiên cố gồm nhiều cụm cứ điểm vững chắc của Mỹ - ngụy. Phía tây ta có đường vận tải và hệ thống bảo đảm hậu cần chiến lược thuộc Đoàn 559. Đoàn 559 không chỉ là lực lượng vận tải mà là một đơn vị binh chủng hợp thành, có cả bộ binh, công binh, phòng không... đặc biệt có hệ thống lực lượng kho trạm được bố trí trên nhiều điểm, lại có nhiều súng phòng không đang niêm cất hoặc vận chuyển vào phía Nam. Ta đã kịp thời tổ chức lực lượng này thành lực lượng phòng không dày đặc súng 12,7 ly để đánh địch, nhất là bắn máy bay lên thẳng.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch phản công tiêu diệt lớn quân địch ở khu vực Đường 9 - Nam Lào. Lực lượng tham gia chiến dịch lấy Binh đoàn 70 làm nòng cốt. Bộ Tư lệnh và Đảng ủy Mặt trận Đường 9 - Nam Lào được thành lập. Tư lệnh chiến dịch là Thiếu tướng Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng. Chính ủy là Thiếu tướng Lê Quang Đạo - Phó Chủ nhiệm

Tổng cục Chính trị. Thượng tướng Văn Tiến Dũng - Tổng tham mưu trưởng là đại diện Thường vụ Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng bên cạnh Bộ Tư lệnh chiến dịch. Đây là cơ quan có đủ khả năng, quyền hạn chỉ huy tất cả các lực lượng tham gia chiến dịch và tổ chức hiệp đồng với các chiến trường có liên quan như Quân khu Trị Thiên, Mặt trận Đường 9 (B5), Đoàn 559 và Liên quân Việt - Lào ở Nam Lào.

Ngày 30 tháng 1 năm 1971, một sư đoàn Mỹ mở màn cuộc hành quân bằng trận càn dọc Đường 9 phía nam khu phi quân sự, chiếm lại khu vực Khe Sanh để làm bàn đạp cho cuộc tiến công sang Nam Lào của quân nguy và làm nghi binh cho quân nguy cơ động triển khai lực lượng. Từ ngày 30 tháng 1 đến ngày 7 tháng 2 năm 1971, bằng đường không và đường bộ, quân nguy đã chuyển 22 tiểu đoàn bộ binh và pháo ra khu vực Đông Hà - Ái Tử - Khe Sanh. Chúng cho lữ đoàn 147 lính thủy đánh bộ tập vượt sông phía tây cầu Đông Hà và đưa lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ từ La Vang ra cửa Thuận An xuống tàu thủy đi lên hướng bắc, làm như đang cùng quân Mỹ chuẩn bị tiến công ra bắc khu phi quân sự. Một số tàu của hạm đội 7 Mỹ từ biển Đông tiến vào uy hiếp vùng biển nam Quảng Bình.

Căn cứ vào âm mưu và việc triển khai lực lượng của địch ta đã sẵn sàng ứng phó với cả hai tình

huống: Dịch hành quân ra Đường 9 - Nam Lào và cũng có thể tiến công ra nam Khu 4. Do đó, nhiều đơn vị chủ lực của ta bố trí ngay sau địa bàn nam Khu 4 để chủ động đối phó với cả hai tình huống. Về sau, ta phát hiện ngày càng rõ, nam Khu 4 chỉ là hướng dịch nghi binh, nên kịp thời chuyển trọng tâm chuẩn bị vào hướng Đường 9 - Nam Lào.

Ngày 7 tháng 2 năm 1971, dịch triển khai lực lượng chiếm lĩnh xong khu vực tập kết tiến công hướng Đường 9 - Nam Lào. Phía trước là đội hình các đơn vị quân ngụy, phía sau từ Hướng Hóa về thị xã Quảng Trị là quân Mỹ và lực lượng dự bị chiến dịch của quân ngụy. Phía tây Đường 9, quân ngụy Lào nống ra Mường Pha Lan và Pha Đô Tuya để phối hợp với cuộc hành quân. Dịch tăng cường hoạt động biệt kích thám báo, trinh sát, ném bom bắn phá các trọng điểm trên trục đường vận chuyển chiến lược của ta.

Ngày 2 tháng 2 năm 1971, sở chỉ huy hỗn hợp tại Đông Hà diễn ra cuộc họp giữa quân đội Mỹ và quân ngụy Sài Gòn. Đây là cuộc họp quan trọng để xác định kế hoạch hành quân gồm đủ mặt các tướng tá trọng yếu chỉ huy cuộc hành quân: Su-dóc-len - Tổng chỉ huy các lực lượng tham chiến của quân đội Mỹ, Hoàng Xuân Lãm - Chỉ huy các lực lượng quân ngụy Sài Gòn, Dư Quốc Đống - Tư lệnh sư đoàn dù ngụy; Phạm Văn Phú - Sư trưởng sư

đoàn 1 ngụy, Nguyễn Trọng Luật - Chỉ huy thiết giáp... và toàn thể bộ tham mưu liên quân.

Su-dóc-len, nói: "Một tháng oanh kích không lực Hoa Kỳ đã "tấn diệt" các lực lượng cộng quân ở những vùng quân lực Sài Gòn sắp đi tới và quân đội phái hữu Lào vừa chiến thắng lớn ở Mường Phien đang chờ đón chúng ta".

Tướng Lãm đứng dậy trình trọng:

- Đây là một cuộc hành quân quy mô lớn chưa từng có của quân lực Việt Nam cộng hòa dưới sự yểm trợ của pháo binh và không lực Hoa Kỳ. Một cuộc hành quân có ý nghĩa trọng đại để chứng minh cho học thuyết Ních-xon và chương trình "Việt Nam hóa" thành công. Một cuộc hành quân có tầm chiến lược sẽ làm thay đổi cục diện chiến tranh ở Đông Dương, dồn Việt cộng đến chỗ bế tắc.

Dừng một lát, Lãm nói tiếp:

- Mục tiêu của cuộc hành quân trước hết là tiến đánh vùng Nam Lào, cắt đứt mọi đường tiếp tế của đối phương, lục soát, phá hủy mọi kho tàng của đối phương, thiết lập các căn cứ hỏa lực. Khi thắng lợi sẽ phát triển xuống Hạ Lào, vùng Bô-lô-ven, chiếm hoàn toàn vùng này, nối liền với Nam Lào thành một vùng hoàn chỉnh.

Sau đó chúng bàn kế hoạch hành quân. Chúng chia khu vực Đường số 9 - Nam Lào thành ba khu

vực: Khu A: La Tương - Cha Ky - cao điểm 500. Khu B: Khu trung tâm, trục chính là Đường số 9, mở rộng sang hai bên bắc và nam mỗi chiều trên dưới 10 ki-lô-mét. Khu C: gồm các điểm cao ven Đường số 9: 660, 462, Phu Ốc Tom, Khe Tan.

Các lực lượng tham chiến của quân ngụy Sài Gòn gồm: Sư đoàn dù, sư đoàn lính thủy đánh bộ, sư đoàn 1, liên đoàn 1 biệt động quân, các lực lượng thiết giáp (460 xe tăng, xe thiết giáp), pháo binh (280 khẩu pháo các loại) của lực lượng trừ bị chiến lược quốc gia và vùng chiến thuật. Lực lượng yểm trợ của Mỹ có sư đoàn 101, hai lữ đoàn của sư đoàn A-mê-ri-con, không quân có 600 máy bay trong đó có 300 máy bay lên thẳng. Liên đoàn 1 biệt động quân và lữ đoàn dù 3 đảm nhiệm khu vực A. Bộ phận sư đoàn dù thiếu và thiết giáp phụ trách trung tâm cuộc hành quân Đường số 9. Sư đoàn 1 bộ binh và các lực lượng phối thuộc phụ trách khu C.

Chúng quy định ngày tiến quân: N+9 (tức là ngày 8 tháng 2 năm 1971). Ngày tiến công đánh chiếm Bản Đông: N+10 (tức là ngày 9 tháng 2 năm 1971), ngày đánh chiếm Sê Pôn: N+12 (tức là ngày 11 tháng 2 năm 1971).

Cuộc tiến công Đường số 9 - Nam Lào của địch bắt đầu.

Vào thời gian này, Trung đoàn 27 sau khi chuẩn bị xong phương án đánh địch ở phía đông và phía tây Đường 76, hỗ trợ cho phong trào chống xúc dân của địch ở hai huyện Gio Linh và Cam Lộ trước Tết Nguyên đán thì nhận được lệnh của Bộ Tư lệnh B5: "Trung đoàn 27 khẩn trương làm công tác chuẩn bị, phối hợp với các đơn vị bạn đánh địch ở khu vực Tân Lâm đi Úc Nghi, Rào Quán (cánh đông của chiến dịch Đường số 9 - Nam Lào)".

Tết đến. Cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 chúng tôi đã đón ba mùa xuân trên mảnh đất Quảng Trị. Đón Tết này khẩn trương hơn. Mọi người ai vào việc nấy, cả đơn vị như một guồng máy chạy đều. Bộ phận đi chuẩn bị chiến trường ăn Tết trước, bộ phận ở nhà vừa chuẩn bị gói bánh chưng, làm bàn thờ Tổ quốc vừa chuẩn bị chiến đấu... Đặc biệt, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 còn được các đoàn văn công của hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh vượt qua bom đạn của địch vào phục vụ, tiếp thêm sức mạnh cho trung đoàn bước vào mùa chiến dịch mới.

Nhiệm vụ khẩn trương, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 không kể ngày đêm lao vào công việc chuẩn bị. Trung đoàn chuyển toàn bộ đội hình và kế hoạch bảo đảm lên phía tây. Trong khi đó địch đã giăng chốt ở Ba Lào, Khe Sốc và các trục đường tiếp cận của ta.

Các đơn vị trong trung đoàn vừa vận tải gạo, đạn, xây dựng tuyến chiến đấu, vừa hành quân cải thể, tranh chấp với thời gian, với địch từng phút, từng giờ. Cán bộ chỉ huy chúng tôi đi thực địa tìm vị trí giấu hàng, giấu quân. Từ Động Nóc vào đến Đường số 9, đi đến đâu chúng tôi đều phải đánh dấu đường hành quân đến đó. Chúng tôi phải vượt điểm cao 1001, động La Rường rất vất vả, gian nan. Những đường cũ địch đã đổ quân chốt chặn, chúng tôi phải mở đường mới để đánh địch, đưa đơn vị vào Đường 9 an toàn.

Địch đổ quân chốt các khu vực bên ngoài để ngăn chặn không cho ta thọc sâu vào tuyến phòng thủ Đường 9. Vì vậy, chúng tôi phải vòng tránh rất xa, lấy quy định thời gian nổ súng của Mặt trận làm mệnh lệnh cho mọi hành động của đơn vị.

Sáng sớm ngày 8 tháng 2 năm 1971, lũ dù 3 ngụy được lệnh nhổ lán trại, sẵn sàng lên đường. Tuy nhiên lũ đoàn trưởng Nguyễn Văn Thọ vẫn phải thám sát lại tình hình khu vực chuẩn bị tiến công lần cuối. Thọ cùng hai tiểu đoàn trưởng lên chiếc trực thăng HU.1D nhằm hướng tây lao tới. Đường số 9 như một sợi chỉ màu xám mốc mờ ngoằn ngoèo giữa những dải núi non trùng điệp xanh rì. Xem xét xong mục tiêu điểm cao 655 (căn cứ 30), Thọ cho máy bay tiến sâu về phía điểm cao 456 (căn cứ 31).

Đây là một ngọn đồi trọc chạy dài, đầu phía bắc nhô cao hẳn lên, giữa là một yên ngựa khá rộng.

Thọ cho rằng, muốn đứng vững ở điểm cao 456 (căn cứ 31), phải chiếm bằng được ngọn đồi Không Tên ở tây bắc căn cứ 4 ki-lô-mét. Đây là bức bình phong án ngữ đường tiến quân của Việt cộng vào căn cứ. Chiếc trực thăng HU.1D hồi hải bay trở lại Khe Sanh.

Địch mở cuộc oanh tạc dữ dội dọn bãi cho tiểu đoàn 2 lữ dù 3 đổ quân xuống điểm cao 655. Tất cả những trận địa pháo Mỹ bố trí sẵn ở suốt dọc đường biên giới Việt - Lào trên một chính diện hơn 30 ki-lô-mét cùng gầm lên. Chớp lửa đỏ rực một vùng rộng trên biên giới Việt - Lào.

Thọ ra lệnh cho tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2 lữ dù 3 đổ quân xuống điểm cao 655.

Bốn mươi chiếc HU.1D và hai trực thăng HUC (trực thăng cỡ lớn cầu pháo) đổ gọng xuống căn cứ 30 mà không có một phản ứng nhỏ từ mặt đất.

Đến lượt tiểu đoàn 3, lữ đoàn bộ lữ đoàn 3 và pháo đội 105 lên máy bay.

Tại căn cứ 30, hai pháo đội trực thuộc tiểu đoàn 2 sau 2 giờ đặt chân xuống đã bắt đầu bắn phá khu vực căn cứ 31. Rồi máy bay phản lực, trực thăng vũ trang thi nhau bắn phá điểm cao 456. Cả ngọn đồi bị khói trùm kín.

Nhưng tiểu đoàn 3 không may mắn như tiểu đoàn 2. Khi đoàn trực thăng âm âm bay tới gần Bản Đông thì bỗng nhiên những dòng đạn lửa từ dưới đất bay vọt lên chi chít. Hai chiếc trực thăng bốc cháy như hai bó đuốc vùn vụt lao xuống đất. Trong khoảnh khắc bấy trực thăng bị đánh tán loạn. Mấy phút sau, chúng mới tập trung lại được, vòng xuống phía nam Đường 9 rồi tiếp tục vượt lên điểm cao 456.

Thọ ra lệnh cho tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 3: "Cho đổ nhanh xuống bằng bất cứ giá nào".

Lữ đoàn trưởng Nguyễn Văn Thọ vẫn ngồi trực thăng bay lượn trên không, hết sức lo lắng. Đến khi tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 3 báo cáo đã đổ quân xong, Thọ mới tạm yên lòng.

Trong lúc này lực lượng chủ yếu của ta ở cánh bắc có Sư đoàn 308, Trung đoàn 24 (Sư đoàn 304) và Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320) được pháo binh và xe tăng chiến dịch chi viện, mở cuộc phản công địch trên một địa bàn kéo dài từ Tà Púc, Pha A Rinh qua làng Sen, điểm cao 500 đến căn cứ 31 dài khoảng 20 ki-lô-mét. Sư đoàn 308 tiến công điểm cao 500 - một tiền đồn quan trọng bậc nhất của địch ở cánh bắc do tiểu đoàn 39 biệt động quân chiếm giữ, tạo điều kiện thuận lợi để ta phá tung cánh cung phía bắc.

Sau khi phân tích căn cứ 30 và căn cứ 31, căn cứ nào là trọng yếu của địch ở phía bắc Đường 9, Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định: căn cứ 31 (nơi đặt sở chỉ huy lữ đoàn 3 do tiểu đoàn 3 và tiểu đoàn pháo binh hỗn hợp chiếm giữ). Đây cũng là lực lượng thiện chiến bậc nhất của quân ngụy Sài Gòn. Chiếm giữ điểm cao này, quân địch sẽ kiểm soát được hoàn toàn đường 16A, ngăn chặn các lực lượng ta phát triển xuống Bản Đông. Nhiệm vụ tiêu diệt căn cứ 31 được giao cho Trung đoàn 64.

Ngay sau khi đặt chân xuống căn cứ 31, đại tá Nguyễn Văn Thọ đã nhận thấy ngay vị trí chiến thuật của ngọn đồi Không Tên. Nó là bức bình phong của căn cứ 31. Nếu quân ta muốn vào căn cứ 31 nhất thiết phải vượt qua đó.

Về phía ta, muốn tiến công điểm cao 456 thì phải chiếm bằng được đồi Không Tên.

Ngày 13 tháng 2 năm 1971, 10 giờ địch đổ 16 lần chiếc trực thăng xuống đồi Không Tên. 10 giờ 30 phút, Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 64 được lệnh bí mật xuất kích.

Tiểu đoàn 9 chiến đấu liên tục, quyết liệt, đến sẩm tối ngày 13 tháng 2 năm 1971, tiểu đoàn 6 dù của địch đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Bức bình phong của căn cứ 31 bị sụp đổ.

Đường số 9 trong những ngày này trở thành con đường huyết mạch của cuộc hành quân Lam Sơn 719. Các trận đánh giữa ta và địch đã diễn ra quyết liệt ở điểm cao 456, 500, cầu Cha Ki... Các sư đoàn chủ lực 308, 320A, 324... hiệp đồng với các đơn vị xe tăng, pháo binh dồn dập tiến công quân địch cả trên cánh bắc và cánh nam của chiến dịch. Quân chủ lực nguy có nguy cơ bị tiêu diệt lớn ở Nam Lào. Để chống đỡ những đòn phủ đầu đó, Mỹ - ngụy dồn thêm quân về tăng cường cho cuộc hành quân. Sư đoàn A-mê-ri-con được Mỹ đổ ra Đường số 9 để ngăn chặn ta thọc sâu cắt đường vận chuyển, tiếp tế của lính ngụy ở Nam Lào.

Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 27 do anh Bùi Xuân Các chỉ huy được giao nhiệm vụ đưa đơn vị tiến sâu vào Đường số 9, đánh phối hợp chia cắt. Tiểu đoàn 2 phải vượt qua bốn tuyến ngăn chặn của địch trên dọc đường hành quân.

Ngày 7 tháng 2 năm 1971, Tiểu đoàn 2 đã đánh một trận phục kích trên Đường số 9, bắn cháy chín xe vận tải quân sự, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 90 tên địch. Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 tiếp tục bám sát Đường số 9 để phục kích các đoàn xe địch. Đội hình chiến đấu của Tiểu đoàn 2 lúc này nằm xen kẽ giữa các tuyến chốt của địch vừa dựng nên việc giấu quân, cơ động vô cùng khó khăn. Nhiều khi suốt

ngày chiến sĩ ta phải nằm giữa những bụi cây, chờ đêm xuống. Cán bộ bí mật ra sát Đường số 9 theo dõi các đoàn xe địch qua lại để tổ chức đơn vị nổ súng kịp thời. Tiểu đoàn trưởng Bùi Xuân Các ngày đêm bám sát từng trận địa phục kích của các đại đội để tổ chức chiến đấu.

Cứ mỗi lần có đoàn xe sắp đi qua, chúng lại bắn pháo cày xới hai bên Đường số 9. Trận địa chiến đấu của Tiểu đoàn 2 nằm trong tầm hỏa lực dày đặc của địch, nhưng cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn quyết không rời trận địa. Khi trận địa phục kích của tiểu đoàn chỉ cách mặt đường năm, bảy chục mét thì hiệu quả chiến đấu sẽ rất cao. Qua nhiều trận đánh, Tiểu đoàn 2 đã gây cho địch nhiều tổn thất và làm cho địch lo nơm nớp.

Trong khi Tiểu đoàn 2 chiến đấu đánh giao thông địch trên Đường số 9, thì Tiểu đoàn 3 của tôi làm công tác vận chuyển gạo, đạn cho trung đoàn đến nơi tập kết an toàn. Sau bảy ngày làm công việc vận chuyển, ngày 7 tháng 2, tôi nhận được lệnh của Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm đưa tiểu đoàn vào chặn đánh sư đoàn A-mê-ri-con ở Động Na vừa được điều ra làm nhiệm vụ bảo vệ cuộc hành quân của quân ngụy Sài Gòn ở phía bắc Đường số 9. Tôi trao đổi với Chính trị viên Trần Xuân Gứng, dùng Đại đội 2 tiến công quân Mỹ ở Động Na.

Tối ngày 9 tháng 2 năm 1971, Đại đội 2 xuất kích, đánh Động Na. Sau khi Đại đội 2 đã triển khai xong đội hình chiến đấu, tôi ra lệnh cho Đại đội 4 hỏa lực bắn 20 quả đạn cối và ĐKZ75 vào những nhà bạt, công sự dã chiến của quân Mỹ. Tiếp đó, Đại đội 2 tiến công. Các loại súng B40, B41, cối 60 ly bắn phá mãnh liệt vào các cụm quân địch. Sau 20 phút, Đại đội 2 phát triển thuận lợi, đánh chiếm được một số ụ súng, nhà bạt, diệt được hơn chục tên Mỹ. Nhưng càng tiến vào sâu, quân Mỹ càng chống trả quyết liệt. Máy bay C130 thả pháo sáng, pháo từ các nơi bắn về. Cả ngọn núi Động Na mịt mù khói đạn. Xét thấy cứ tiến công tiếp thì đơn vị gặp khó khăn, bộ đội sẽ thương vong, tôi trao đổi với chính trị viên cho lui quân.

Trận đánh này, Đại đội 2 có ba cán bộ, chiến sĩ hy sinh, đó là: Trung đội phó Nguyễn Duy Nam, quê Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An và hai chiến sĩ là Nguyễn Công Tín, quê xóm 9, Thanh Hòa, Thạch Hà, Hà Tĩnh; Trần Định, quê Nam Xuân, Thanh Xuân, Thạch Hà, Hà Tĩnh.

Ba đồng chí hy sinh được an táng tại đông nam núi Ba Lào.

Ngày 22 tháng 2 năm 1971, chúng tôi sử dụng Đại đội 3 đón đánh quân Mỹ ở động Khe Sốc. Trong những ngày này Đại đội 3 lập chiến công xuất sắc,

bắn rơi 5 máy bay lên thẳng của Mỹ làm cho việc đổ quân chốt giữ hướng đông chiến dịch Đường 9 - Nam Lào của địch bị gián đoạn, khó khăn.

Lúc này, hướng Nam Lào, quân nguy Sài Gòn đang bị Sư đoàn 320 vây đánh quyết liệt ở căn cứ 31. Căn cứ này gồm bốn mỏm liên tiếp: Mỏm một và mỏm hai là khu trung tâm có bộ chỉ huy lữ đoàn đóng; mỏm ba và bốn phía tây bắc do tiểu đoàn 3 quân dù chốt giữ. Trận địa pháo, sân bay trực thăng dã chiến nằm xen kẽ ở giữa các mỏm đồi. Toàn bộ căn cứ 31 nằm trên một ngọn đồi toàn cỏ gianh, thi thoảng mới có một vài bụi le bị bom cháy đốt trụi. Dưới sườn đồi là những rừng cây rậm rạp. Sư đoàn 320 sử dụng Trung đoàn 64 tiến công căn cứ 31 bằng chiến thuật vây lấn.

6 giờ ngày 20 tháng 2 năm 1971, theo kế hoạch hiệp đồng tất cả các trận địa hỏa lực của ta được lệnh nổ súng, tạo thời cơ cho bộ binh tập trung vào nhiệm vụ xây dựng chiến hào vây lấn. Địch cho nhiều tốp máy bay AD.6 ném bom bắn phá trận địa vây lấn của ta. Suốt ngày 21 và cả ngày 22, căn cứ 31 vẫn bị pháo binh và bộ binh ta bắn phá.

Ngày 23 tháng 2, Bộ Tư lệnh chiến dịch chỉ thị cho Trung đoàn 64 hoãn tiến công căn cứ 31, vì qua ba ngày vây lấn trung đoàn vẫn chưa tạo được thế để chuyển sang giai đoạn tiến công dứt điểm trong

khi đó lại hao tổn sinh lực và phương tiện đáng kể. Việc giải quyết căn cứ 31 là một vấn đề lớn, nó liên quan đến toàn bộ tình thế của chiến dịch. Có diệt được căn cứ 31 thì ta mới mở nhanh cánh cửa để đưa lực lượng tiến đánh Bản Đông.

Bộ Tư lệnh chiến dịch chỉ đạo Sư đoàn 320 và trực tiếp cho Trung đoàn 64, thay đổi hướng tiến công chủ yếu về phía đông nam căn cứ 31 để tạo thế bất ngờ và có thể tiến công dứt điểm bằng chiến đấu hiệp đồng binh chủng. Hướng tây bắc chuyển thành hướng thứ yếu. Ngày 25 tháng 2 năm 1971, được chọn là ngày tiến công căn cứ 31.

Đúng 12 giờ 30, từ nhiều phía, pháo binh ta bắn phá các cứ điểm của địch. Căn cứ 31 chìm ngập trong khói đạn. Cuộc tiến công quyết định bắt đầu. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, đến 16 giờ 30 phút Trung đoàn 64 làm chủ căn cứ 31. Quân ta thu được nhiều súng đạn có cả pháo 105 và pháo 155 ly, bắt hàng trăm tù binh, trong đó có viên đại tá Nguyễn Văn Thọ, lễ trưởng lễ dù 3 quân nguy Sài Gòn.

Sau khi ta đánh chiếm căn cứ 31, cục diện chiến trường Nam Lào đã thay đổi có lợi cho ta. Quân địch chưa thực hiện được mục tiêu đánh chiếm Sê Pôn mà những biểu hiện sa lầy, đổ vỡ cuộc hành quân đã rõ rệt. Ở hướng tây, quân nguy Lào suy yếu nghiêm trọng, không thực hiện được ý đồ chiến dịch

lại còn để mất thêm những địa bàn trọng yếu. Cánh bắc, cơ bản bị đập tan. Cánh nam, bị Sư đoàn 324 (Quân khu 4) và Sư đoàn 2 (Quân khu 5) và lực lượng các binh trạm đánh thiệt hại nặng. Trung đoàn 3, sư đoàn 1 ngụy đã phải tháo chạy khỏi những vị trí then chốt ở cánh nam. Cánh trung tâm cũng bị thiệt hại vì pháo binh và các chốt ta chặn đánh. Do đó, chúng vẫn bị chôn chân ở Bản Đông không tới Sê Pôn được.

Tuy vậy, chúng vẫn vơ vét các lực lượng dự bị chiến lược ném vào cuộc chiến hòng làm xoay chuyển tình thế. Bộ chỉ huy liên quân Mỹ - ngụy đã tung toàn bộ sư đoàn lính thủy đánh bộ, trung đoàn 2 (sư đoàn 1) cùng thiết đoàn 7 vào cánh bạc cuối cùng này.

Ngày 1 tháng 3 năm 1971, chúng buộc phải điều chỉnh mục tiêu đánh chiếm Sê Pôn. Đến thời điểm đó, chúng coi Sê Pôn như một "mục tiêu để tuyên truyền" chứ không phải một mục tiêu quân sự nữa.

Sáng 7 tháng 3, Bộ chỉ huy liên quân Mỹ - ngụy dốc sức ném trung đoàn 2 bộ binh xuống phía tây nhà thờ Sê Pôn. Nhưng cả quan lẫn lính của trung đoàn này đã bị pháo binh và bộ binh ta tiến công quyết liệt, phải ôm đầu máu chạy về Bản Đông.

Như vậy, mục tiêu đánh chiếm khu vực sông Sê Pôn của địch, cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh - con đường vận tải chiến lược không thực hiện được.

Nhiều đơn vị lính ngự đã tự động rút vào rừng phía nam Đường số 9 để tháo chạy. Xe pháo bị hư hỏng ở Nam Lào được máy trực thăng cỡ lớn của Mỹ cứu về Đông Hà, Ai Tử.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh chiến dịch chủ trương tập trung lực lượng bao vây cụm cứ điểm Bản Đông.

Ngày 17 tháng 3 năm 1971, pháo binh ta được lệnh bắn phá tiêu diệt sinh lực địch và các lực lượng tham chiến thực hiện bao vây Bản Đông. Ngày 18 tháng 3, Bộ Tư lệnh chiến dịch thông báo địch chuẩn bị rút chạy khỏi Bản Đông và lệnh cho tất cả các đơn vị trên tuyến vây ép tiến công những mục tiêu trọng yếu nhất.

Sáng ngày 18 tháng 3 năm 1971, các lực lượng bao vây của ta trên toàn tuyến tiếp tục đột phá vào những mục tiêu cuối cùng.

Ba trung đoàn bộ binh của ta: Trung đoàn 64, Trung đoàn 36 và Trung đoàn 66 được các đơn vị xe tăng, pháo mặt đất, pháo cao xạ phối hợp bao vây tiến công tập đoàn phòng ngự địch ở Bản Đông do lữ đoàn 1, lữ đoàn 2 dù và hai trung đoàn thiết giáp ngự chiếm giữ. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, đêm 18 tháng 3 năm 1971, quân địch tháo chạy khỏi Bản Đông, bỏ lại xe, pháo, luồn theo đường rừng chạy về hướng đông. Bộ đội ta chặn đánh ở các đường rút

của địch và chuyển sang truy kích, diệt một số địch, phá hủy và thu nhiều binh khí kỹ thuật ở Bản Đông. Tuy nhiên do nắm tình hình không đầy đủ, tổ chức bao vây không chặt, đánh địch rút chạy chưa tốt, nên bộ phận lớn quân địch ở Bản Đông đã luôn rừng chạy thoát.

Mỹ - ngụy bắt đầu triển khai kế hoạch rút quân khỏi Đường số 9 - Nam Lào bằng đường bộ và đường không.

Nắm được ý đồ của địch, Bộ Chỉ huy chiến dịch ra lệnh các đơn vị ở cánh Đông chiến dịch tiếp tục áp sát Đường số 9 để chặn đánh quân địch tháo chạy.

Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm lệnh cho tôi: "Tiểu đoàn 3 sử dụng một số lực lượng chốt giữ và đánh địch ở Khe Sóc, còn lại vào Đường số 9 để phục kích các đoàn xe địch rút chạy".

Lúc này Tiểu đoàn 3 của tôi đứng chân ở Động Na. Nhận được lệnh, tôi hội ý ban chỉ huy tiểu đoàn. Từ hôm vào chiến dịch đến nay ban chỉ huy tiểu đoàn mới có mặt đầy đủ: Tôi (Nguyễn Huy Hiệu) - Tiểu đoàn trưởng, anh Trần Xuân Gứng - Chính trị viên, anh Bùi Như Lạc - Tiểu đoàn phó, anh Nguyễn Văn Thông - Chính trị viên phó tiểu đoàn. Tôi nói:

- Lúc này hướng Nam Lào, quân ngụy Sài Gòn đang thất bại thảm hại, ta đã tiêu diệt và bắt sống

toàn bộ ban chỉ huy lữ đoàn dù 3, trong đó có đại tá Nguyễn Văn Thọ - Lữ đoàn trưởng. Quân nguy ở Nam Lào đang tháo chạy bằng đường bộ và đường không. Thời cơ diệt địch đã đến, chúng ta đều biết tiểu đoàn chiến đấu đã gần hai tháng liên tục nên gặp nhiều khó khăn, nhất là về quân số và sức khỏe. Nhưng chúng ta không vì thế mà để lỡ thời cơ diệt địch. Tôi đề nghị, các đồng chí động viên bộ đội vượt mọi khó khăn, cùng gắng lên để chiến đấu, buộc kẻ thù không thể gượng dậy được và góp phần vào thắng lợi chung của chiến dịch.

Về phương án và kế hoạch tác chiến, tôi dự kiến như sau: Khẩn trương tổ chức cho Đại đội 1 rời khỏi khu vực Ba Lào, vào Đường số 9 càng nhanh càng tốt. Khu vực vượt Đường 9 là Làng Độn. Sau đây, anh Gừng xuống ngay Đại đội 1 động viên anh em, tổ chức cho bộ đội hành quân. Các đại đội còn lại, tiếp tục làm nhiệm vụ chốt giữ bảo vệ bàn đạp và anh Thông xuống Đại đội 2 và Đại đội 3 động viên bộ đội sẵn sàng xuất kích khi có lệnh. Sau đây tôi sẽ cùng các đại đội trưởng và trình sát đi nghiên cứu địa hình chuẩn bị cho trận đánh. Các anh có ý kiến gì khác không?

Thấy mọi người im lặng, tôi nói tiếp:

- Sau đây, mọi người bắt tay vào công việc. Các anh nên nhớ ta và địch đang chạy đua với nhau trong khoảng thời gian cuối cùng này.

Bộ phận đi trinh sát địa hình do tôi chỉ huy phải lườn lách, vượt qua các tuyến ngăn chặn từ xa của địch, vừa đi, vừa đánh dấu để bộ đội bám theo. Hai lần gặp thám báo Mỹ, chúng tôi chủ động tránh chúng. Sau một ngày hành quân đến chiều ngày 15 tháng 3 năm 1971, chúng tôi đã cách Sa Mư không đầy một cây số.

Khu vực chúng tôi dự kiến giấu quân không còn một cây xanh, hai bên đường rộng gần cây số, chỉ một màu xám của tro với những gốc cây và thân cây cháy dở.

Sau một ngày quan sát chúng tôi phát hiện một đoàn xe khoảng 50 chiếc có xe tăng dẫn đường, trên không máy bay trực thăng vũ trang hộ tống, pháo địch bắn dọc hai bên đường, nhưng chủ yếu bắn về phía bắc Đường số 9. Càng về trưa bọn địch càng chủ quan.

Tôi nảy ra ý định, phải đưa lực lượng Đại đội 1 vượt qua Đường số 9 về phía nam, tổ chức trận địa phục kích từ căn cứ Sa Mư đến cầu Đầu Mầu.

Tối hôm đó, tôi tổ chức cho bộ phận trinh sát vượt sang phía nam Đường 9. Tôi nói với đồng chí đi sau cùng dùng cành lá khỏa lấp tro có dấu vết vừa đi và rải vãi dù trên mặt đường khi ta đi qua, không để địch phát hiện. Chúng tôi đã đến bình độ của điểm cao 468 là điểm giấu quân của

Đại đội 1. Đoạn này địch sơ hở, xe địch lên xuống thường dừng lại ở đây.

Đại đội 1 hành quân do Tiểu đoàn phó Bùi Như Lạc, quê Cổ Tế, Thạch Long, Thạch Thành, Thanh Hóa và Chính trị viên đại đội Đặng Quang Hồng, quê Minh Thành, Gia Khánh, Ninh Bình chỉ huy bám theo trục đường mà bộ phận trinh sát đi trước đã đánh dấu. Cả đơn vị vừa đến Làng Độn thì gặp một đại đội thám báo Mỹ. Chính trị viên Hồng cho bộ đội nhanh chóng triển khai chiến đấu, anh dẫn một mũi thọc vào đội hình địch, nổ súng áp đảo chúng ngay từ đầu. Anh Đặng Quang Hồng và chiến sĩ Phù Văn Việt, quê Bản Kón, Yên Trạch, Cao Lộc, Lạng Sơn đã anh dũng hy sinh trong lúc trận đánh đang diễn ra ác liệt.

Được tin Chính trị viên Đặng Quang Hồng và chiến sĩ Phù Văn Việt hy sinh. Tôi đứng lặng hồi lâu, rồi nói với anh em:

- Mỗi anh em chúng ta phải đánh thêm cho đồng chí Hồng và đồng chí Việt mấy chiếc xe nữa đấy!

Mọi người đứng lặng, nét mặt đau buồn. Tôi nói:

- Mỗi người biến thương đau bằng hành động cụ thể, việc quan trọng nhất lúc này là phải chuẩn bị thật chu đáo những vị trí chiến đấu. Sau đây tôi cùng anh Tình Đại đội trưởng Đại đội 1 trở lại bộ phận khóa đuôi.

Mai Xuân Tình, quê An Thạch, Diễn Yên, Diễn Châu, Nghệ An là một học viên Trường Sĩ quan Lục quân đi thực tế ở chiến trường. Tình được giao nhiệm vụ làm đại đội trưởng và đã chỉ huy chiến đấu một vài trận. Qua thực tế chiến đấu anh đã tỏ ra là một cán bộ có năng lực, trình độ tổ chức chỉ huy rất bài bản, nhưng không mấy móm sách vở. Tình làm công tác tư tưởng rất tốt, anh phát động đơn vị trả thù cho Chính trị viên Hồng. Anh đề nghị từng tổ, từng người đăng ký lập công.

Tối hôm đó, chúng tôi trực tiếp chỉ huy Đại đội 1 hành quân vượt Đường số 9. Chúng tôi tổ chức hai tổ cảnh giới hai bên đường, rồi cho trình sát quay ra đón đơn vị. Lúc bộ đội vượt đường, trời đổ mưa rào. Tôi thâm cảm ơn ông trời. Tuy bộ đội hành quân có vất vả, nhưng bọn địch lại không chú ý. 12 giờ đêm toàn bộ đội hình đã vượt qua Đường số 9 an toàn. Theo phương án, các mũi, các tổ khản trương chiếm lĩnh trận địa. Tôi và Đại đội trưởng Tình đi đến từng tổ kiểm tra, động viên anh em.

Tôi đến bộ phận khóa đuôi thấy anh em đã nguy trang xong và trong tư thế sẵn sàng.

Cả đội hình Đại đội 1 bố trí cách mặt đường từ 20 đến 30 mét, anh em lấy tro bôi lên mặt và quần áo, lẫn vào các gốc cây cháy dở. Nếu không tinh thì khó mà phát hiện được.

7 giờ sáng ngày 19 tháng 3 năm 1971, địch cho 13 chiếc xe bọc thép M113 có máy bay trực thăng hộ tống từ Cam Lộ rầm rầm tiến về hướng Khe Sanh. Súng trên xe tăng bắn vọt qua đầu bộ đội ta, nhằm bìa rừng xanh mà trút đạn. Đèn xe nhấp nháy liên hồi; máy bay trực thăng vũ trang sà thấp cũng bắn vào bìa rừng. Tôi nói anh em để đoàn xe thứ nhất đi qua.

Một giờ sau, thấy đoàn xe thứ nhất đi qua an toàn, đoàn xe thứ hai bắt đầu hành quân. Đoàn xe này tổ ra chủ quan hơn. Cùng lúc, một đoàn xe chở tàn binh từ Nam Lào chạy về, chúng gặp nhau đúng trận địa phục kích của tiểu đoàn. Địch cho hai đoàn xe lọt hẳn vào trận địa. Chúng tránh nhau ở phía đầu trận địa, chỉ cách khẩu B41 của On mười mét. Thấy chắc ăn, tôi ra lệnh cho On bắn. Quả đạn B41 của On cắm phập vào chiếc M113 đi đầu, lửa trùm kín xe. Chiếc xe chở lính từ hướng Nam Lào chạy về không làm chủ được tốc độ lao vào chiếc M113 đang bốc cháy. Bị đòn bất ngờ, quân địch hoảng loạn, chiếc nọ chồm lên chiếc kia. Cùng lúc, bộ phận khóa đuôi cũng nổ súng. Ngay từ những loạt đạn đầu hơn chục xe bốc cháy. Tôi hô xung phong. Các tổ chiến đấu bật lên, xông ra mặt đường chiến đấu. Chiến sĩ B40, B41 dùng súng diệt xe tăng, xe vận tải quân sự. Chiến sĩ xung kích dùng AK diệt bộ binh địch. Đại đội trưởng Tình

xông xáo, anh giằng lấy khẩu B40 của một chiến sĩ bắn liên tiếp hai quả đạn diệt hai chiếc xe M113. Cả một đoạn đường gần 3 ki-lô-mét lửa khói mịt mù, tiếng nổ râm ran, khét lẹt. Trong lúc mải tiến công, Đại đội trưởng Tình bị một tên ngụy bắn lên. Anh hy sinh khi trận đánh gần kết thúc.

Tôi nói:

- Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1, xông lên diệt hết đoàn xe địch trả thù cho Đại đội trưởng Tình.

Mọi người như được tiếp thêm lửa xông lên. Từ các mũi những quả B40, B41 đạn chéo mặt đường, diệt hết xe này đến xe khác, hết tốp địch này đến tốp địch khác.

Mấy chiếc chạy phía sau thấy quân ta đánh quyết liệt vội vã quay đầu.

Một giờ sau, địch điều cụm xe tăng chốt ở điểm cao 610 xuống chi viện. Sáu chiếc trực thăng vũ trang thay nhau quần lượn, bắn đạn 20 ly xuống phía bắc Đường 9. Tôi lệnh cho đơn vị khấn trương rời trận địa đi về phía nam Đường số 9. Tổ rút sau cùng có On, xạ thủ B41 và Tý, xạ thủ trung liên. Vừa vượt qua hố bom bên đường thì một chiếc trực thăng sà xuống thấp, nó phát hiện được hai người, dùng súng 20 ly bắn. On nằm ngửa, cầm chân súng trung liên làm điểm tỳ cho Tý bắn. Tý bình tĩnh bóp cò, chiếc trực thăng rơi tại chỗ.

30 phút sau cả đơn vị đã tới chân điểm cao 710. Pháo địch bắn tập trung phía bắc Đường số 9 để ngăn chặn đường rút quân của ta. Gần 3 ki-lô-mét Đường số 9, đoạn Sa Mư cầu Đầu Mầu bị tắc nghẽn vì 28 xác xe bị thiêu cháy, có 5 xe bọc thép và 120 xác cả Mỹ lẫn ngụy. Ba ngày sau chúng mới khai thông được đoạn đường này.

Về phía Tiểu đoàn 3, ngoài Đại đội trưởng Mai Xuân Tình hy sinh còn có Tiểu đội trưởng Lê Văn Thụ, quê Anh Dũng, Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu, Nghệ An và chiến sĩ Nguyễn Quang Ngọc, quê Yên Sơn, Thái Sơn, Đô Lương, Nghệ An.

Các anh được an táng tại Sa Mư, huyện Cam Lộ.

Tôi cho đơn vị dừng lại dưới chân điểm cao 710, trên đỉnh là một căn cứ Mỹ, chúng đã đóng quân ở đây từ lâu. Tôi suy nghĩ: Nếu đơn vị hành quân vượt Đường 9 về phía bắc lúc này thì sẽ gặp địch vì chúng phong tỏa mọi đường rút của quân ta. Nhưng ở lại thì lương thực đã hết, mỗi người chỉ còn một vài bánh lương khô. Các phân đội đã phải nấu cháo lương khô chia đều cho anh em, nhưng mọi người lại nhường phần của mình cho những chiến sĩ bị thương. Phải làm gì bây giờ?

Đầu tôi đang rối bời, chưa tìm cách nào để có lương thực cho đơn vị ăn tạm, thì Mạnh, chiến sĩ trinh sát đến gặp tôi, giọng thủ thỉ:

- Thủ trưởng ơi! Tối nay cho chúng em đột nhập vào căn cứ Mỹ trên đỉnh núi này để lấy lương ăn.

Tôi bất ngờ trước đề xuất của Mạnh. Tôi bảo:

- Tốt lắm! Cậu cứ về để tôi trao đổi với anh em cán bộ.

Tôi triệu tập cán bộ hội ý, tôi nói:

- Trong lúc khó khăn quân chúng là người sáng tạo. Anh em trình sát đề xuất đột nhập căn cứ địch để lấy lương ăn. Đây là việc làm táo bạo, nhưng hiệu quả, phải tổ chức chặt chẽ để đêm nay thực hiện. Mặt khác cần tổ chức một tổ trình sát tìm đường để đưa đơn vị vượt Đường số 9 về hậu cứ. Một tổ kiểm tra trận địa, rải truyền đơn kêu gọi binh lính địch. Và, một việc rất quan trọng lúc này là phải nghi binh địch. Qua máy bộ đàm, ta phát đi một bức điện: "Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho đơn vị khẩn trương cho bộ đội về tập kết ở chân điểm cao 300 đất...". Một vài tiếng lại phát bức điện để đánh lừa địch.

Đêm hôm đó, tổ trình sát do Mạnh chỉ huy đột nhập vào khu kho đã chiến của lính Mỹ lấy được ba gói thịt hộp và những túi khẩu phần ăn của lính Mỹ. Trong lúc khó khăn, số lương thực thực phẩm này quả là có ý nghĩa. Anh em kiếm thêm rau dớn, rau môn thực để nấu cùng thịt hộp chia cho mọi người ăn lấy sức.

Ngày thứ 5, cả đội hình vẫn ở lại chân điểm cao 710. Tổ trinh sát đi tìm đường đã mấy đêm liền đều gặp địch. Liên lạc qua máy 2 oát, sở chỉ huy trung đoàn biết được đơn vị tôi đang gặp khó khăn, đã mấy đêm liền tổ chức cho trinh sát, vận tải chuyển lương thực vào nhưng chưa được.

Bước sang ngày thứ 6, một phân đội trinh sát của trung đoàn mới tìm đến đơn vị, mang theo một ít lương khô tiếp tế cho chúng tôi.

Tối hôm sau, đơn vị rời chân điểm cao 710. Dưới ánh sáng mờ mờ của đèn dù pháo sáng, đoàn quân lặng lẽ bám theo nhau, vượt qua những tọa độ pháo, đi qua tuyến ngăn chặn của địch về hậu cứ dưới chân động La Rường.

Trong những ngày này, các đơn vị ở cánh Đông của chiến dịch Đường 9 - Nam Lào như Đoàn 75, Trung đoàn 84, Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 3 bộ đội tỉnh Quảng Trị đã cùng sát cánh với Trung đoàn 27 liên tục bám sát Đường 9 phục kích các đoàn xe địch tháo chạy từ Nam Lào về.

Sau khi tổ chức đánh địch rút chạy đã có ý kiến đề xuất nên tiếp tục phát triển thắng lợi về hướng Đông. Cân nhắc tình hình mọi mặt, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ động kết thúc chiến dịch.

Từ ngày bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, đây là lần đầu tiên quân đội ta tiến hành thắng lợi

một chiến dịch phản công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn. Chiến thắng lịch sử này có ý nghĩa chiến lược to lớn. Ảnh hưởng của chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào vượt xa phạm vi của bản thân nó cả về không gian và thời gian. Nó tác động mạnh mẽ đến cục diện chung của cuộc kháng chiến không chỉ của nhân dân Việt Nam mà cả nhân dân ba nước Đông Dương. Lực lượng chủ lực và dự bị chiến lược của quân nguy Sài Gòn, xương sống của "Việt Nam hóa chiến tranh" đã bị một đòn rất đau, bị tiêu diệt một bộ phận quan trọng ở Đường 9 - Nam Lào, làm chấn động toàn bộ quân nguy trên các chiến trường. Ta đã đánh bại các biện pháp tác chiến và chiến thuật đánh ra vòng ngoài làm chỗ dựa cho chiến lược của địch, làm phá sản công thức: Lực quân nguy cộng không quân và hậu cần Mỹ của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ.

Năm tháng sẽ trôi đi, nhưng thắng lợi trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào của quân dân ta mãi mãi tô thắm thêm trang sử hào hùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc.

Trong lúc này, do những thất bại thảm hại ở hướng Nam Lào, bọn tàn quân nguy sống sót theo trục Đường số 9 chạy về Đông Hà liên tiếp bị Trung đoàn 27 và các đơn vị ở cánh Đông đánh tả tơi. Mặc dù đã cho quân nống ra phía bắc Đường 9 để ngăn chặn lực lượng ta nhưng số xe bị bắn cháy trên các

đoạn Đường số 9 ngày một nhiều hơn. Mỹ tiếp tục đổ quân để yểm trợ cho cuộc tháo chạy của quân ngụy.

Cuối tháng 4 năm 1971, Tiểu đoàn 1 được chỉ huy Trung đoàn 27 giao nhiệm vụ đưa đơn vị vào đánh địch ở Úc Nghi, Rào Quán. Tiểu đoàn 1 từ đầu chiến dịch đến lúc đó làm nhiệm vụ vận chuyển cho Mặt trận ở tuyến động Sa Rường. Tuy sức khỏe của bộ đội có giảm, một số bị thương vong. (Tôi được biết, ngày 4 tháng 4 năm 1971, ba cán bộ, chiến sĩ của Đại đội 4 bị vướng mìn hy sinh là: Tiểu đội trưởng Nguyễn Đình Bạ, quê An Thạch, Thạch Thành, Thanh Hóa; chiến sĩ Hồ Hữu Lý, quê xóm 4, Quỳnh Yên, Quỳnh Lưu, Nghệ An; chiến sĩ Võ Nhật Lệ, quê Kỳ Long, Kỳ Anh, Hà Tĩnh). Song khi được lệnh chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ đều hăng hái hành quân.

Anh Nguyễn Văn Ty, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1 nắm Đại đội 3 luôn vào đánh địch trên Đường 9. Chính trị viên tiểu đoàn Nguyễn Văn Truy vừa được điều về thay thế anh Nguyễn Văn Chúc cùng Đại đội 1 bố trí lực lượng chốt giữ khu vực điểm cao 525. Dãy đồi có điểm cao 525 chạy dọc theo Đường 9. Trên đoạn Úc Nghi đến Rào Quán, địch đã phát hiện được lực lượng ta ở khu vực này. Chúng liền đổ một tiểu đoàn lính Mỹ ra chốt chặn.

Đại đội 1 do Đại đội trưởng Nguyễn Viết Giáp và Chính trị viên Nguyễn Đình Thi chỉ huy, tổ chức lực lượng lên chiếm ngay điểm cao 525 để tạo thế thuận lợi cho các đơn vị trong tiểu đoàn có bàn đạp triển khai đánh chặn quân ngụy từ Nam Lào chạy về trên Đường 9.

Mở sáng ngày 23 tháng 4 năm 1971, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 bí mật vận chuyển vật liệu, xây dựng trận địa chiến đấu. Tổ chốt ở đồi Yên Ngựa phía đông nam điểm cao 525 cách Đường 9 khoảng 2 ki-lô-mét đường chim bay. Các chiến sĩ ta phải ẩn mình trong những bụi cỏ, quan sát các hoạt động của địch ở phía trước, báo cáo kịp thời cho trận địa chính ở phía đỉnh đồi.

Trời vừa sáng rõ, những đoàn xe địch đã kéo nhau chạy từ phía Nam Lào về. Trên trời, từng đàn trực thăng cầu xe, cầu pháo nối nhau bay về hướng đông.

Hàng nghìn xe tăng, máy bay, pháo cối của Mỹ - ngụy bị hư hỏng đưa về bỏ la liệt ở Đông Hà, thị xã Quảng Trị, thành phố Huế. Trong số lính chết, bị thương có một số tên quê ở Quảng Trị, nên đã làm cho hàng nghìn gia đình có chồng, con, em đi lính cho Mỹ - ngụy vô cùng lo sợ. Bà con rủ nhau kéo đến căn cứ địch, quận lỵ, tỉnh lỵ ngụy quyền Sài Gòn đấu tranh đòi xác người thân.

Thực hiện chủ trương của Ban dân vận tỉnh, cơ sở chính trị, binh vận của ta ở vùng địch tạm chiếm, chủ yếu là các mẹ, các chị đã hòa theo dòng người đi tìm xác chồng, con tuyên truyền chính sách của Mặt trận và chủ trương của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với binh sĩ. Các gia đình binh sĩ vào căn cứ đồn bốt vận động lính không tham gia càn quét, chống phá cuộc sống của nhân dân.

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào tuy đã kết thúc, nhưng cuộc tháo chạy của địch vẫn còn diễn ra. Sư đoàn 5 Mỹ được đổ ra phía bắc Đường 9 để yểm trợ cho cuộc tháo chạy cuối cùng của quân ngụy.

Điểm cao 525 như rung lên bởi những đợt pháo bắn mở đường cho lính Mỹ tiến lên chiếm điểm cao. Các chiến sĩ Đại đội 2 gài mìn định hướng chờ chúng. Quân Mỹ đua nhau ào lên. Tiểu đội trưởng Nguyễn Hoài Nam bình tĩnh chờ chúng vào tầm hiệu quả nhất chập điện. Mìn nổ, những tốp lính Mỹ đi đầu đưa chết, đưa bị thương la lối om sòm, tháo chạy tán loạn.

Mười phút sau, quân Mỹ tổ chức thành hai mũi tiến lên. Chúng dò dẫm từng bước, sợ lại vướng mìn như lần trước. Chờ quân Mỹ đến gần, Nam ra lệnh cho anh em trong tiểu đội ném lựu đạn tới tấp vào đội hình chúng, rồi dùng súng AK, trung liên bắn

quét quân địch. Lính Mỹ lăn xuống chân đồi như những súc gỗ. Bị đánh bất ngờ, cả đại đội quân Mỹ phải quay lại, chưa một tên Mỹ nào đặt chân lên được đồi Yên Ngựa.

Chỉ huy quân Mỹ ở phía sau phát hiện được lực lượng ta, chúng dồn quân tràn lên đồi Yên Ngựa. Các chiến sĩ Đại đội 1, Tiểu đoàn 1 vẫn bám chặt sườn đồi phía tây, đánh chặn quyết liệt, quân Mỹ không sao lên được. Trận đánh đang diễn ra căng thẳng thì bất ngờ từ phía nam một tốp lính Mỹ mò lên phía đồi Yên Ngựa. Các chiến sĩ ta phát hiện được liền quay nòng khẩu trung liên diệt những tên Mỹ đang cố bám lấy khu đồi.

Trong lúc đó, Đại đội trưởng Giáp đã tổ chức xong trận địa cối 60 ly bắn chi viện cho tổ chốt ở đồi Yên Ngựa và lệnh cho một tiểu đội xuất kích chi viện cho tổ chốt của Nam.

Tiểu đội trưởng Lê Văn Chiến dẫn tiểu đội bám theo con suối cạn ở phía tây điểm cao 525 đánh lên. Tiếng súng diệt địch lại nổ vang ở đồi Yên Ngựa. Khẩu cối 60 ly do Nguyễn Văn Bảy chỉ huy đánh trúng đội hình quân Mỹ. Đợt tiến công thứ ba của địch bị bẻ gãy hoàn toàn. Quân Mỹ cụm lại dưới chân đồi. Thấy lực lượng của ta xuất hiện ở phía tây, chúng sợ quân ta chặn đường rút, liền tập trung đối phó quyết liệt.

Chỉ huy quân đội Mỹ cay cú, tăng thêm lực lượng và dùng hỏa lực đánh phá dữ dội vào đồi Yên Ngựa và đỉnh 525. Đạn pháo các loại của địch làm cho trận địa chót của Đại đội 1 trống hoác. Nhiều chỗ cỏ tranh khô bén lửa bốc cháy. Trong khói đạn mịt mù, Đại đội trưởng Nguyễn Viết Giáp vẫn bám sát trận địa, chỉ huy đơn vị giữ bằng được khu vực điểm cao 525.

Trong khi đang tổ chức trận địa chót ở điểm cao 525, cách đồi Yên Ngựa 400 mét, thì Giáp được tin báo, địch đã chiếm được đồi Yên Ngựa. Đại đội trưởng Giáp cấp khẩu AK dẫn một tổ tiến xuống phía đồi Yên Ngựa. Địch đang cụm lại ở đó rất đông. Anh quyết định điều lực lượng chót ở điểm cao 525 đánh xuống.

Pháo địch nhắm vào các trục đường mòn giữa những bãi cỏ tranh bắn phá. Một số chiến sĩ bị thương ngay tại trận địa hoặc trên đường xuất kích. Đại đội trưởng Giáp bị thương vì pháo địch. Chính trị viên Nguyễn Đình Thi và Đại đội phó Nguyễn Như Ý từ vị trí chỉ huy của đại đội tức tốc lao lên trận địa, thay vị trí đại đội trưởng chỉ huy chiến đấu.

Trời đã về chiều, lính Mỹ bắt đầu co cụm, không dám tiến công nữa. Cối 82 của tiểu đoàn cùng cối 60 ly của Đại đội 1 bắn vào các vị trí địch đang

co lại. Chúng buộc phải tháo chạy khỏi khu chiến trước khi trời tối.

Tranh thủ đêm xuống, Đại đội 1 đưa những anh em bị thương nặng về tuyến sau. Chính trị viên Thi, Đại đội phó Ý cùng ba cán bộ trung đội hội ý và thống nhất: "Cả ngày hôm nay ta đã đánh thiệt hại nặng 2 đại đội Mỹ, nhưng chúng chưa từ bỏ mục tiêu đánh điểm cao 525. Vì vậy, ngay trong đêm phải động viên bộ đội đào công sự, giao thông hào, nhanh chóng cấu trúc trận địa để ngày mai tiếp tục chiến đấu".

Cả đêm, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 không nghỉ. Dưới ánh sáng của đèn dầu, pháo sáng họ hối hả đào công sự, gài thêm mìn, lựu đạn chuẩn bị cho trận chiến đấu ngày mai.

Trung đội trưởng Mai Thành Đang cùng một tiểu đội chốt giữ đồi Yên Ngựa. Đại đội phó Ý vẫn hối hả cùng mấy chiến sĩ đào nốt đoạn hào nối từ đỉnh 525 xuống đồi Yên Ngựa. Trận địa Đại đội 1 đã hình thành một tuyến chốt liên hoàn, họ tin tưởng sẽ đứng vững ở đây, bảo vệ điểm cao 525.

Trời vừa sáng, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 chốt trên điểm cao 525 đã nghe thấy tiếng động cơ máy bay trực thăng từ hướng sông Ba Lòng mỗi lúc một gần. Tất cả đại đội đã ở vị trí sẵn sàng. Sau một hồi quần lượn, máy bay trực thăng hạ độ cao rồi đổ một

đại đội lính Mỹ xuống phía nam điểm cao 525, tăng thêm lực lượng cho đơn vị đã bị ta đánh thiệt nặng hôm qua.

Pháo binh địch bắn trùm lên điểm cao 525 và đồi Yên Ngựa. Một tốp máy bay phản lực lao từ biển vào, giội bom xuống những khu vực mà chúng nghi là ta giấu quân.

Sau hơn 1 giờ đồng hồ dùng bom pháo dọn đường, dọn bãi, lính Mỹ lại nhằm điểm cao 525 tràn lên. Nhưng chúng đã bị cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 đánh trả. Ngay những phút đầu tiên, hơn chục tên Mỹ đã phơi xác trên đồi Yên Ngựa. Các chốt phụ bố trí theo phương án chiến đấu của chỉ huy đại đội vẫn giữ vững. Chốt chính trên đỉnh 525 vẫn chưa một tên Mỹ nào đặt chân lên được.

Liên tục trong những ngày từ 25 đến 30 tháng 4 năm 1971, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 1 vẫn đứng vững ở khu vực 525. Các đơn vị làm nhiệm vụ thọc sâu chặn đánh các đoàn xe địch rút chạy trên Đường 9, nhờ những chốt kiên cường của Đại đội 1 nên đã an toàn vượt qua tuyến ngăn chặn của lính Mỹ.

Đến ngày 30 tháng 4 năm 1971, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 27 đã chiến đấu liên tục 72 ngày đêm, góp phần cùng các đơn vị trên toàn chiến dịch đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của Mỹ - ngụy. Những tên lính ngụy cuối cùng tưởng

như thoát chết ở Nam Lào, khi chạy về đây lại bị quân ta đánh tiếp. Mặc dù, Mỹ tung cả sư đoàn 5 ra phía bắc Đường 9 để chống đỡ cho lính ngụy, song bọn địch vẫn phải nhận lấy những ngày bị thảm nhất của cuộc hành quân.

Giữa tháng 5 năm 1971, đơn vị cuối cùng của Trung đoàn 27 được lệnh rút ra củng cố. Đầu tháng 6 trung đoàn lại được trên giao nhiệm vụ tham gia chiến dịch A2 nhằm phát huy kết quả vừa giành được, tiếp tục đẩy quân địch lún sâu thêm vào thế bị động.

Tôi được biết khi giao nhiệm vụ này cho Trung đoàn 27, Bộ Tư lệnh Mặt trận B5 rất đắn đo vì trung đoàn chưa được nghỉ ngơi sau một chiến dịch kéo dài.

Ngày 30 tháng 5 năm 1971, Tướng Lê Trọng Tấn, Tư lệnh Mặt trận B5 giao nhiệm vụ cho Trung đoàn trưởng Trung đoàn 27 Phạm Minh Tâm và Chính uỷ Nguyễn Võ Hiến. Ông nói:

- Trung đoàn 27 đã liên tục chiến đấu hơn 2 tháng. Nhưng là đơn vị chủ lực của Mặt trận thì không thể không tham gia chiến dịch này. Trung đoàn là lực lượng chủ yếu trên hướng phối hợp quan trọng của chiến dịch A2. Trung đoàn được tăng cường các phân đội bộ binh, công binh, đặc công, pháo binh, cao xạ có nhiệm vụ diệt địch ở khu vực

đông và tây điểm cao 544. Chiếm lĩnh, vây lấn, tiến tới diệt căn cứ này. Chiếm giữ địa hình có lợi, tiếp tục đánh địch giải tỏa. Ngày 15 tháng 6, phải hoàn thành công tác chuẩn bị để có thể nổ súng được.

Tướng Lê Trọng Tấn quay sang hỏi:

- Anh Tâm, anh Hiến có ý kiến gì về nhiệm vụ không?

- Nhiệm vụ Bộ Tư lệnh giao chúng tôi sẽ hợp thường vụ ra nghị quyết lãnh đạo. Cái khó là đơn vị vừa chiến đấu xong, quân số, lương thực, thực phẩm, trang bị chưa kịp bổ sung. Nhất là phải lo chạy gạo. Quân áo bộ đội đa phần còn một bộ. - Anh Tâm nói.

Tướng Lê Trọng Tấn động viên:

- Tôi sẽ giao cho cơ quan hậu cần chiến dịch lo vấn đề hậu cần cho các anh. Nhưng các anh cũng phải năng động, sáng tạo cùng với chúng tôi giải quyết.

Trên đường đi nhận nhiệm vụ ở Mặt trận về, Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm và Chính ủy Nguyễn Võ Hiến tranh thủ bàn bạc sơ bộ tình hình và lên kế hoạch tác chiến.

Ngay sau khi về đơn vị, Đảng ủy trung đoàn họp ra nghị quyết lãnh đạo đợt chiến đấu. Trung đoàn trưởng họp cán bộ, chỉ huy, trợ lý cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần triển khai nhiệm vụ. Cả trung đoàn như một guồng máy vận hành hết tốc lực.

vững chắc, có lực lượng phía trong và "quân cù" bên ngoài, với sự chi viện chặt chẽ và kịp thời của hỏa lực. Trước tháng 5 năm 1970, Phu-lơ do quân Mỹ chiếm đóng. Sau đó chúng giao lại cho quân ngụy. Căn cứ này đã bị đặc công ta đánh nhiều lần, hai lần bị ta vây ép và thường xuyên bị cối 120ly của ta bắn phá. Do đó, địch đã củng cố thành một trong những căn cứ vững chắc ở Đường 9.

Tiểu đoàn 2 do anh Bùi Xuân Các chỉ huy, đây là đơn vị có kinh nghiệm trong nhiệm vụ vây lấn. Đợt chiến đấu này, chỉ huy trung đoàn quyết định tăng cường cho Tiểu đoàn 2 hai đại đội đặc công vào nhiệm vụ vây ép tiến tới diệt điểm căn cứ Phu-lơ.

Trời tháng 6, vùng đất Quảng Trị nắng nóng hầm hập. Trên các mỏm đồi phía tây căn cứ Phu-lơ, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 đang chiếm lĩnh không còn một bóng cây. Chiến sĩ ta phải phơi mình dưới trời nắng như đổ lửa để xây dựng công sự chiến đấu. Là những người đã từng tham gia vây ép căn cứ địch, cán bộ, chiến sĩ ta rất hiểu giá trị của mỗi đoạn chiến hào trong lúc nổ súng đánh địch.

Đêm 17 tháng 6 năm 1971, Đại đội 3 và một trung đội của Đại đội 2 Tiểu đoàn 2 ở cụm B (Khu vực tây và tây bắc căn cứ Phu-lơ) chiếm lĩnh dãy đồi "Thám Báo". Ngay trong đêm cán bộ, chiến sĩ ta đã

xây dựng xong hầm chữ A đủ cho bộ đội ẩn nấp và làm thêm công sự chiến đấu. Trong lúc đó, lực lượng ở cụm D (Khu vực đông bắc căn cứ Phu-lơ) do Tiểu đoàn trưởng Bùi Xuân Các chỉ huy đang gặp khó khăn, gạo đạn phía sau chưa chuyển lên được. Mặc dù Tiểu đoàn 1 đã cố gắng tranh thủ thời gian để vận chuyển cho hướng này, nhưng do đường xa, vượt qua nhiều khe suối và bom tọa độ, pháo địch bắn chặn, nên đã mất nhiều thời gian.

Lúc này, tại Sở Chỉ huy trung đoàn đặt ở điểm cao 402, Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm sau khi nghe báo cáo diễn biến cụ thể ở các cụm, anh trao đổi với Chính ủy Nguyễn Võ Hiễn vẫn quyết tâm đề nghị Mặt trận cho chiếm lĩnh ngay đêm 18 tháng 6.

Đồng chí Lê Trọng Tấn đồng ý với quyết tâm của trung đoàn và nhắc: Phải hết sức giữ bí mật, khi bộ đội chiếm lĩnh, dùng cối 120 ly chi viện cho bộ binh. Bất đắc dĩ mới nổ súng đánh địch lúc này. Đôn đốc Tiểu đoàn 1 nhanh chóng đưa gạo đạn vào cho bộ đội.

Ngày 18 tháng 6, tình hình ở căn cứ 544 và các khu vực xung quanh vẫn trong trạng thái yên tĩnh. Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm điện cho tôi đưa một đại đội vào chốt giữ điểm cao 402 để bảo vệ bàn đạp cho các cụm chiến đấu của Tiểu đoàn 2.

Nhận được lệnh, tôi điều Đại đội 3 và một trung đội của Đại đội 4 hỏa lực vào chốt ở D4, tây bắc căn cứ Phu-lơ. Các đơn vị nhận được lệnh đã khẩn trương lên đường vào xây dựng công sự, hăm hào trong đêm 18 tháng 6.

Ngày 20 tháng 6 năm 1971, trận địa cối 120ly đặt ở đồi Anh Hùng (bắc căn cứ Phu-lơ) được lệnh nổ súng mở đầu cuộc vây ép. Hai đại đội đặc công của Tiểu đoàn 19 cũng được lệnh xuất phát.

Trong những ngày này, trên toàn Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị ta đã đẩy mạnh hoạt động. Dịch rất lúng túng, thiếu lực lượng cơ động, chúng chỉ dùng hỏa lực phi pháo đối phó. Ở phía tây, Trung đoàn 66 (Sư đoàn 304) liên tục tiến công, đánh thiệt hại lữ đoàn 147 quân nguy, buộc chúng phải rút về Mai Lộc. Trung đoàn 9 (Sư đoàn 304) tập kích một bộ phận thuộc lữ đoàn 369 ở Ba Hồ. Ở phía đông, bộ đội địa phương kết hợp với đặc công, pháo binh tập kích vào Đông Hà, Ái Tử và tiến công tàu chiến địch trên sông Cửa Việt làm cho địch càng hoang mang.

Trên hướng chiến đấu của Trung đoàn 27 tại căn cứ Phu-lơ trong ngày 20 tháng 6, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 ở cụm B và cụm D đã nổ súng. Trung đoàn lệnh cho các đơn vị dùng hỏa lực bắn thẳng vào tuyến công sự vành khăn của địch.

Bị ta đánh mạnh, địch trong căn cứ Phu-lơ hốt hoảng bỏ chạy về mồm cao phía đông. Qua máy bộ đàm của địch, ta biết được trung đoàn trưởng trung đoàn 2 ngụy ra lệnh cho lính ở căn cứ Phu-lơ không được chạy, ai chạy sẽ bắn bỏ, phải trở về vị trí phòng thủ.

Trong ngày đầu chiến đấu, chiến sĩ của Trung đoàn 27 loại khỏi vòng chiến đấu 80 tên địch bên ngoài căn cứ, bắn rơi 4 máy bay, phá hủy 4 ụ súng, 1 khẩu ĐKZ và 2 khẩu đại liên, bắn cháy 2 kho đạn trong căn cứ.

Cuộc chiến đấu của Trung đoàn 27 phát triển thuận lợi. Địch đối phó bị động lúng túng. Trung đoàn quyết định ngày 21 tháng 6 cho hỏa lực đánh mạnh, tiến tới phá hàng rào căn cứ Phu-lơ. Thực hiện nhiệm vụ trên, chỉ huy trung đoàn cho Tiểu đoàn 3 bộ đội tỉnh Quảng Trị (đơn vị phối thuộc) tích cực đánh địch ở các khu vực xung quanh tạo thời cơ dứt điểm Đồi Tròn.

Đêm 21 tháng 6 năm 1971, địch trong căn cứ Phu-lơ bắn pháo sáng và máy bay C.130 thả đèn dù suốt đêm. Các loại hỏa lực của địch trong căn cứ bắn chặn mãnh liệt. Mặc cho địch tăng cường hoạt động các chiến sĩ đặc công cùng với công binh vẫn bình tĩnh mở hàng rào.

Suốt đêm 21 tháng 6, Ban chỉ huy Trung đoàn 27 và các sĩ quan tham mưu ở Sở chỉ huy không rời

máy thông tin. Cứ mỗi lần nghe tiếng súng từ căn cứ Phu-lơ vọng lại, mọi người lại nín thở để phân biệt tiếng súng của ta hay tiếng súng của địch. Ai cũng hiểu rằng mũi nào nổ súng trong quá trình tiềm nhập mà chưa đến giờ hiệp đồng là không thuận lợi.

12 giờ đêm, một chiến sĩ canh máy thông tin báo cáo: Cửa mở hướng đông bắc đã cắt được ba hàng rào ngoài cùng, hàng rào thứ tư đã bị pháo ta phá hủy. Cửa hướng đông bộ đội vào muộn, chưa đánh được bộc phá, chỉ huy hướng này đề nghị cho lùi ra ngoài cách sáu, bảy mươi mét lợi dụng công sự ở lại trong ngày 22 tháng 6 để đêm sau mở tiếp. Hướng bắc, địch bắn mạnh chưa thể tiếp cận được... Trước tình hình đó, Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm trao đổi với Chính ủy Nguyễn Võ Hiên và quyết định: các đơn vị giữ nguyên vị trí, trung đoàn sẽ tăng cường chi viện hỏa lực cho các hướng tạo điều kiện cho chiến sĩ đặc công và bộ binh đột phá.

Trên các trận địa hỏa lực của trung đoàn, bắt chấp bom, pháo địch, các chiến sĩ ta bám trận địa kịp thời tiêu diệt những hỏa điểm, lô cốt địch trong căn cứ Phu-lơ.

Tại trận địa ĐKZ75 bố trí ở phía đông chi viện cho hướng tiến công chính diện vào trung tâm căn cứ, các pháo thủ lo lắng cho bộ phận mở cửa vẫn nằm ngoài hàng rào địch. Khẩu đội trưởng Trần

Văn Quyền nói với pháo thủ Phạm Văn Ba: "Quan sát các mục tiêu, khi có lệnh là diệt ngay, tạo thuận lợi cho bộ phận mở cửa".

Phạm Văn Ba lặng lẽ lấy phần tử từng mục tiêu, vừa được lệnh nổ súng, Ba bắn liền năm quả đạn diệt ngay năm hỏa điểm ở tuyến công sự vành khăn. Sau những quả đạn chính xác của Ba, bộ phận mở cửa phát triển thuận lợi.

Khẩu đội ĐKZ75 của Trần Văn Quyền được lệnh cơ động sang vị trí khác để chi viện cho bộ binh. Nòng súng ĐKZ đang bốc khói. Ba đưa tay chạm vào liên rút lại: "Nóng quá anh ạ" - Ba nói với Khẩu đội trưởng Quyền. Khẩu đội trưởng Quyền lệnh: "Lấy khăn ướt bọc lại". Ba làm theo, nhưng chỉ vài giây sau, chiếc khăn bốc khói, tỏa mùi khét lẹt... Súng địch bắn ra mỗi lúc một dồn dập. Trận địa vây lấn của ta đang gặp khó khăn. Ba mím môi ôm chặt bầu nòng xoay ra khỏi chân súng, rồi vác lên vai, dẫn đầu đội hình băng về phía trận địa mới. Lúc hạ nòng pháo xuống thì vai áo Ba đã cháy sém và lớp da ở vai đỏ au. Anh vẫn bình tĩnh lấp đạn, lần lượt diệt những hỏa điểm của địch ở phía trong hàng rào, tạo điều kiện cho bộ binh lấn sâu vào căn cứ địch.

Lúc này, Tiểu đoàn 2 đã mở được hai cửa mở ở đông bắc. Các hướng khác vẫn đang gặp khó khăn.

Ngoài hỏa lực từ trong căn cứ bắn ra, pháo địch từ Đầu Mầu, Tân Lâm, điểm cao 241 bắn về, chúng còn cho máy bay B.52 rải bom xuống phía bắc điểm cao 544 vào trúng đội hình Đại đội 1, Tiểu đoàn 3 của tôi, làm hai chiến sĩ hy sinh là: Võ Tá Tử, quê Hợp tác xã Tiên Tiến, Thạch Quý, Thạch Hà, Hà Tĩnh và Lư Quang Hắt, quê Nai Đồng, Tân Kỳ, Kim Thành, Hải Dương.

Trước đó ngày 21 tháng 6, Đại đội 4 hỏa lực, Tiểu đoàn 3 của tôi trong khi chiến đấu ở chốt D4 (tây bắc căn cứ Phu-lơ) đã bị một quả bom đánh trúng trận địa làm Tiểu đội trưởng là Nguyễn Đình Phú, quê Hiền Lương, Vĩnh Thành, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa; y tá Nguyễn Xuân Lộc, quê Xuân Chi, Lâm Thao, Phú Thọ và hai chiến sĩ là Nguyễn Thế Đề, quê Nước Mát, Âu Lâu, Trấn Yên, Yên Bái; Nguyễn Quốc Long, quê Chuế Lưu, Hạ Hòa, Phú Thọ hy sinh.

Ngày 22 tháng 6 năm 1971, trên các hướng vây ép căn cứ điểm Phu-lơ, lực lượng ta vẫn nằm ngoài hàng rào của địch. Tiểu đoàn 1 nằm trong vòng vây đã tổ chức phòng thủ chặt chẽ hơn.

Ngoài khó khăn ở các hướng vây ép trong giai đoạn mở cửa, các lực lượng đánh vòng ngoài của ta cũng không phát triển thuận lợi. Cho đến lúc này, khu vực Đồi Tròn (phía tây căn cứ Phu-lơ) ta vẫn

chưa làm chủ. Vì thế quân địch ở căn cứ Phu-lơ và Đồi Tròn vẫn chi viện cho nhau.

Trước tình hình đó, Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm quyết định tăng cường thêm lực lượng cho Tiểu đoàn 2 mở cửa và quyết tâm đêm 23 tháng 6 sẽ dứt điểm căn cứ Phu-lơ.

Kế hoạch của đặc công không thay đổi, hai phân đội ở hai cụm vây ép sẵn sàng vào tiếp sức nếu mũi ở phía tây không vào được. Tiểu đoàn 3 đưa một đại đội lên đồi Thám Báo chi viện cho phía trước và sẵn sàng cường tập nếu lực lượng phía trong gặp khó khăn. Hỏa lực của ta vẫn đánh mạnh vào căn cứ Phu-lơ, làm rối loạn đội hình phòng ngự trên các hướng của địch.

Đã ba ngày đêm, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 cùng đặc công và công binh vây ép căn cứ Phu-lơ, mở hàng rào, đánh phá công sự vành khăn trong tâm hỏa lực của địch, thường xuyên đối phó với những tình huống phức tạp diễn ra ngay trên trận địa của mình, nhưng không một ai nao núng. Có bộ phận giành giật với địch từng lớp hàng rào, lô cốt. Chiến sĩ đặc công và công binh bí mật luôn cắt hàng rào mở cửa, sẵn sàng đánh vào trung tâm.

19 giờ 15 phút ngày 23 tháng 6 năm 1971, pháo cối của ta bắn trúng vào khu chỉ huy làm tê liệt hoàn toàn hệ thống thông tin liên lạc của chúng.

Chỉ huy tiểu đoàn 1 quân ngự trong căn cứ Phu-lơ không liên lạc được với cấp trên.

20 giờ, ở hướng tây, đặc công luồn sâu vào hàng rào đánh chiếm mục tiêu đầu cầu, lính ngự chống trả yếu ớt. Tiểu đoàn trưởng Bùi Xuân Các có mặt tại lô cốt đầu cầu, cho rằng: "Địch đã chạy xuống phía nam căn cứ".

Đúng như nhận định của Tiểu đoàn trưởng Các, trong lúc mất liên lạc với chỉ huy cấp trên, lính ngự đã tháo chạy xuống phía nam.

22 giờ, mũi tiến công phía tây đã hoàn toàn làm chủ căn cứ Phu-lơ. Chỉ huy trung đoàn ra lệnh cho Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2: các mũi tham gia vây ép căn cứ Phu-lơ không bắn tín hiệu, nhanh chóng chốt giữ, bao vây phía nam căn cứ không cho địch tháo chạy, tổ chức lùng sục, tảo trừ quân địch trong căn cứ.

Tiểu đoàn 2 chỉ để một trung đội chốt giữ căn cứ Phu-lơ còn tất cả tiến xuống phía nam để đánh địch. Mục tiêu quan trọng lúc này là khu vực Đồi Tròn.

Mất căn cứ Phu-lơ, căn cứ Đầu Mầu và điểm cao 241 bị uy hiếp nghiêm trọng, chỉ huy quân ngự ở Mặt trận Quảng Trị thúc ép trung đoàn 2 phải cho quân nống ra để đẩy lùi lực lượng ta. Trung đoàn 2 dùng tiểu đoàn 5 và lực lượng còn lại

của tiểu đoàn 4 lên giải tỏa cho căn cứ Phu-lơ. Trung đoàn 1 nguy mở cuộc hành quân ngăn chặn ở khu vực Động Tre, Động Toàn, điểm cao 365.

Ngày 26 tháng 6 năm 1971, địch cho máy bay B.52 đánh vào vị trí trú quân của Đại đội 15 công binh ở chân căn cứ Phu-lơ làm ba cán bộ, chiến sĩ hy sinh: Đại đội phó Nguyễn Thanh Truyền, quê Thọ An, Quỳnh Thọ, Quỳnh Lưu, Nghệ An; y tá Nguyễn Hữu Quang, quê An Trung, An Sơn, Hương Sơn, Hà Tĩnh; chiến sĩ Đặng Duy Nguyễn, quê Xuân Thắng, Xuân Lâm, Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

Các anh được an táng tại chân điểm cao 544 (Phu-lơ).

Trong thời gian này ở khu vực đồi Thám Báo, phía tây căn cứ Phu-lơ không lúc nào ngớt tiếng súng. Hết lính nguy nống lặn lại đến pháo địch từ căn cứ Dầu Mầu, điểm cao 241 bắn về. Trung đội của Lê Bá Dương chốt ở đây với hơn 20 tay súng, nhưng có lúc đã đánh trả cả đại đội lính nguy. Sau những đợt pháo dập xuống chốt là lính nguy lại tràn lên. Đồi cây cao quá đầu người nay chỉ còn trơ gốc. Công sự chiến đấu nhiều chỗ trống. Dương tranh thủ cùng anh em sửa sang công sự lấy cỏ khô lá khô nguy trang sau từng đợt pháo địch bắn phá. Tổ của Nguyễn Văn Hải bố trí ở một gốc cây to, tuy lính nguy đổ đạn vào đó nhiều, nhưng anh em

không ai việc gì. Lê Bá Dương cho một khẩu súng bắn tĩa ở đó, anh nói với chiến sĩ: "Cứ nhằm vào chỉ huy cầm súng ngắn và lính đeo máy thông tin mà bắn. Diệt chỉ huy và thông tin là nó không gọi phi pháo được".

Dịch ỹ vào thế quân đông, cùng lúc chia thành nhiều mũi đánh lên đồi Thảm Bão. Chúng còn đặt cối 81 ly ở phía sau bắn yểm hộ cho bộ binh tiến lên.

Sau khi đẩy lùi ba đợt tiến công của địch, về phía ta một số chiến sĩ bị thương, tay súng chiến đấu trên trận địa chốt Thảm Bão vơi dần. Hầm chữ A trúng đạn pháo địch sập gần hết. Hào giao thông nhiều chỗ cũng bị đất đá lấp đầy. Cứ sau mỗi đợt bắn phá và vừa dứt tiếng súng bộ binh, mỗi tiểu đội chỉ để một tổ cảnh giới sẵn sàng đánh địch còn lại lao đi đào bới và băng bó đồng đội bị thương, tiếp tục sửa lại công sự hầm hào bị sập, làm thêm hầm cho thương binh vì chưa thể đưa anh em ra khỏi trận địa lúc này.

Trung đội trưởng Lê Bá Dương tay trái quần đầy băng, khoác khẩu AK chạy đến các chiến sĩ bị thương nhẹ động viên họ tiếp tục chiến đấu, quyết tâm giữ vững trận địa.

Ngày 24 tháng 6 năm 1971, Trung đoàn trưởng Phạm Minh Tâm điện cho tôi: bắt liên lạc và hợp đồng chiến đấu với Tiểu đoàn 3 độc lập của Tỉnh đội

Quảng Trị ở khu vực Đồi Tròn. Tiểu đoàn của tôi sẽ tiến công địch từ hướng bắc và Tiểu đoàn 3 (độc lập) sẽ đánh từ hướng tây nam.

16 giờ cùng ngày, địch cho một đại đội từ Đồi Tròn hành quân lên mồm đồi phía đông bắc. Một đại đội khác từ Đầu Mầu lên phía nam Đồi Tròn và dừng lại làm công sự.

Tôi trao đổi trong ban chỉ huy dùng Đại đội 2 đánh Đồi Tròn từ hướng bắc. Đại đội 3 cùng với hỏa lực của Đại đội 4 tập kích diệt đại đội địch ở phía nam Đồi Tròn... Tiểu đoàn 3 (độc lập) sử dụng Đại đội 11 và một trung đội của Đại đội 9 tiến công địch từ phía đông bắc Đồi Tròn. Kế hoạch chiến đấu được ban chỉ huy tiểu đoàn nhất trí và tôi làm công tác hợp đồng với Tiểu đoàn 3 (độc lập).

Đúng 17 giờ, ngày 25 tháng 6, tôi ra lệnh tiến công quân địch ở phía nam Đồi Tròn. Cối 82 ly, cối 60 ly, súng 12 ly 7 được lệnh bắn mạnh vào đội hình địch. Sau đòn hỏa lực, Đại đội 3 xung phong đánh chiếm các công sự, hầm hào của chúng. Cuộc chiến đấu diễn ra 30 phút, Đại đội 3 hoàn toàn làm chủ trận địa, loại khỏi vòng chiến đấu gần một trăm tên địch, bắt sáu tù binh, thu 19 súng, ba máy thông tin 2W PRC25.

Trong trận này, Đại đội 3 có hai chiến sĩ hy sinh đó là: Trần Quốc Trị, quê Bình Lý, Thạch Bình,

Thạch Hà, Hà Tĩnh và Nguyễn Đức Khanh, quê An Lai, An Dương, Thanh Hà, Hải Dương. Các anh được an táng ở nghĩa trang Bản Hiệu.

Để tiếp tục đánh địch ở khu vực phía nam căn cứ Phu-lơ, chỉ huy Trung đoàn 27 đề nghị Bộ Tư lệnh Mặt trận B5 cho Tiểu đoàn 1 vào chiến đấu.

Tiểu đoàn 1, sau một thời gian tham gia vận chuyển gạo, đạn, thuốc men phục vụ cho các hướng của chiến dịch, nhận được lệnh chiến đấu đã tổ chức hành quân vào chiếm lĩnh khu vực phía nam căn cứ Phu-lơ.

Có thể nói, ngay từ những ngày đầu chiến dịch A2, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 tuy không trực tiếp đánh địch, nhưng anh em đều có mặt trên khắp các hướng chiến đấu của trung đoàn. Từ kho R (phía bắc sông Bến Hải) đến điểm cao 402, 425, đồi Không Tên, suối La La... không một lúc nào vắng bóng cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1. Nhận hàng xong là cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 hành quân, hành quân suốt ngày đêm để đến kịp các trận địa đang nổ súng đánh địch. Rồi các anh lại vận chuyển thương binh ra phía sau. Cùng với các đơn vị bạn, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 đã tham gia vận chuyển vào chiến trường 350 tấn gạo, đạn, hàng hóa phục vụ cho chiến dịch của trung đoàn. Chỉ bằng đôi vai của người chiến sĩ, con số đó thật vô cùng có ý nghĩa.

Chiến công của Trung đoàn 27 vừa giành được ở khu vực căn cứ Phu-lơ, có sự đóng góp lớn của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 1 trong nhiệm vụ thâm lặng nhưng không kém phần vất vả, ác liệt gian nan.

Sau khi mất căn cứ Phu-lơ (điểm cao 544), Mỹ - ngụy điên cuồng cho máy bay đánh phá trên các trục đường từ điểm cao 300 (Đồi Đất) và điểm cao 300 (Đồi Đá) (ta thường gọi là 300 Đất, 300 Đá) vào căn cứ Phu-lơ. Các loại mìn vương nổ, mìn lá chúng rải dày đặc trên các lối mòn để ngăn chặn lực lượng ta. Nhờ quen thuộc địa hình và có kinh nghiệm hành quân trong thời gian vận chuyển nên Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 27 đã có mặt ở Đồi Tròn đúng thời gian quy định.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

18 giờ ngày 25 tháng 6 năm 1971, địch dùng máy bay, pháo binh đánh phá liên tục vào cứ điểm và cho trực thăng đổ quân xuống Đồi Tròn, Đồi Xanh và Đồi Kho.

Sáng ngày 27 tháng 6, Tiểu đoàn 2 do Tiểu đoàn trưởng Phạm Văn Đông cùng cán bộ đại đội tổ chức đi bám địch đồng thời đưa đội hình chiến đấu của Đại đội 1 và Đại đội 2 vào vị trí tập kết. Đại đội 4 hỏa lực bố trí ở phía tây bắc cách những ngọn đồi trên khoảng một ki-lô-mét.

13 giờ ngày 27, các mũi chiến đấu của Đại đội 1, do Đại đội trưởng Nguyễn Văn Đài và Chính trị

viên Nguyễn Đình Thi chỉ huy đã đưa đội hình vào vị trí xuất phát tiến công. Đại đội 2 do Đại đội trưởng Phạm Minh Chính và Chính trị viên Nguyễn Văn Huân chỉ huy đưa đơn vị luồn sâu xuống phía nam, chia làm hai mũi đánh lên Đồi Tròn từ hướng Đầu Mầu.

15 giờ các hướng báo cáo đã vào vị trí. 30 phút sau, Tiểu đoàn trưởng Phạm Văn Đông ra lệnh cho cối 82 ly và 60 ly bắn cấp tập vào Đồi Tròn, Đồi Xanh và Đồi Kho.

Sau 30 phút bắn phá, hỏa lực chuyển làn, ba phát pháo hiệu từ sở chỉ huy tiểu đoàn bay lên làm hiệu lệnh hợp đồng tiến công.

Đại đội 1 nhanh chóng xuất kích. Mũi đánh Đồi Xanh của Trung đội 1 do Bằng Ngọc Tánh chỉ huy đã chiếm được địa hình có lợi, nổ súng giòn giã, buộc địch phải dạt xuống phía nam để lại trên đỉnh đồi 20 xác chết. Tiểu đội trưởng Hoàng Ký Nhật chỉ huy tiểu đội chiếm xong đỉnh đồi, tổ chức lùng sục, bắt được một tù binh lẫn trốn. Mũi đánh vào Đồi Kho của Trung đội 3 do Nguyễn Văn Giá chỉ huy, cũng nhanh chóng đánh và làm chủ khu vực được giao.

Lính ngự sởng sót từ Đồi Xanh và Đồi Kho chạy cụm về Đồi Tròn. Trung đội của Đoàn Khương đã hai lần tổ chức đánh lên, nhưng vẫn chưa chiếm

được. Địch đông, chúng phát hiện ra hướng tiến công của ta nên tập trung lực lượng chống trả quyết liệt. Ở phía nam Đồi Tròn, Đại đội 2 cũng gặp khó khăn bởi sườn đồi dốc, địa hình trống trải, đội hình chiến đấu của Đại đội 2 bị lộ ngay từ vị trí xuất kích đầu tiên.

Trên hướng Đại đội 1, đến lần thứ tư anh em mới bám được Đồi Tròn. Một khẩu đại liên địch từ phía bên phải bắn chéo cánh sẻ vào đội hình chiến đấu của ta. Dạn đại liên của địch quét cây đất đá, lá cây bay lên tung toé.

Các mũi được lệnh tạm dừng tiến công, xốc lại lực lượng ngay tại chỗ. Tiếng súng trên trận địa im lặng. Trong lúc đó, quân ta ở Đồi Kho và Đồi Xanh được lệnh tiến sang Đồi Tròn.

Lính ngự trên Đồi Tròn hốt hoảng với hướng tiến công mới, chúng giẫm đạp lên nhau chạy về phía nam nhưng bị Đại đội 2 chặn đánh. Trước tình thế đó, bọn địch ở Đồi Tròn liều mạng chống trả. Ta và địch phải giằng co nhau từng gốc cây, từng đoạn hào. Địch cụm lại phía bắc Đồi Tròn mỗi lúc một đông. Quân ta từ ba phía đánh ép vào, làm cho chúng thêm hốt hoảng. Đại đội 1 và Đại đội 2 Tiểu đoàn 1 tranh thủ thời cơ tiến công dồn dập làm chủ Đồi Tròn.

Trời tối hẳn, các hướng chiến đấu của Tiểu đoàn 1 được lệnh rời khỏi vị trí chiến đấu của mình để

ngày mai tiến xuống phía nam chặn đánh quân địch ra ứng cứu.

Trong những ngày tiếp đó, Trung đoàn 27 lại liên tục quần nhau với lính trung đoàn 2 và trung đoàn 56 quân ngụy Sài Gòn. Đây là những trận đánh cuối cùng của Trung đoàn 27 trong chiến dịch A2 năm 1971.

Trong chiến dịch này, Trung đoàn 27 đã mở rộng được địa bàn ở khu vực miền Tây Quảng Trị, các căn cứ quan trọng của địch nằm ở phía bắc Đường 9 đều bị ta tiến công. Qua nhiệm vụ Trung đoàn 27 vây ép tiến tới dứt điểm căn cứ Phu-lơ đã mở ra một khả năng mới trong chiến đấu hiệp đồng tiêu diệt những căn cứ lớn của địch.

Tướng Lê Trọng Tấn - Tư lệnh Mặt trận B5 kết luận: "Với trình độ bộ đội, khả năng hỏa lực của ta hiện nay, nếu có sự chuẩn bị tốt, chỉ huy kiên quyết, có tổ chức chặt chẽ, chúng ta có thể tiêu diệt được quân địch phòng thủ trong vị trí có công sự vững chắc, trong hệ thống phòng ngự có hỏa lực chi viện bằng lối đánh vây lấn, tiến tới dứt điểm trong thời gian hai, ba ngày...".

Lá cờ giải phóng được chiến sĩ Trung đoàn 27 cắm trên căn cứ Phu-lơ trong những ngày này, càng thêm khích lệ mạnh mẽ các đơn vị trong toàn Mặt trận lập công. Bà con cô bác Quảng Trị nhìn lá

cờ cách mạng ngày đêm tung bay trên căn cứ chiếm được của địch càng thêm phần khởi, tin tưởng tự hào.

Phong trào cách mạng ở Quảng Trị phát triển cao sau khi được Trung ương ra quyết định thành lập lại Tỉnh ủy Quảng Trị (tháng 6 năm 1971). Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 16 ủy viên, do đồng chí Hồ Sỹ Thành (Hồ Sỹ Thản) làm Bí thư. Trong số hai ủy viên dự khuyết có anh Nguyễn Minh Kỳ - Trưởng ban an ninh huyện Cam Lộ. Ngày 6 tháng 7 năm 1971, Tỉnh ủy Quảng Trị họp kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ hoạt động của 6 tháng cuối năm. Hội nghị đề ra nhiệm vụ: Phải tích cực làm thay đổi tương quan lực lượng ở đồng bằng, nhất là thôn, xã, tạo cho được địa bàn ở nông thôn, củng cố hậu phương tỉnh huyện, tổ chức chiến trường miền núi, tích cực sản xuất tự túc lương thực, chuẩn bị khả năng ba vùng cho Xuân - Hè năm 1972.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, trong những tháng cuối năm 1971, K8 (bộ đội địa phương tỉnh), tiến về nam huyện Hải Lăng, phối hợp với du kích hai xã Hải Tân và Hải Hòa đánh địch, bám trụ đồng bằng hoạt động. K14 (bộ đội địa phương tỉnh) tiến về phía bắc huyện Hải Lăng, đánh địch ở xã Hải Xuân và Hải Vinh. Du kích xã Hải Phú do chị Văn Thị Xuân là Xã đội phó chỉ huy, đánh hàng

chục trận diệt làm bị thương hàng trăm tên địch, phá hủy bốn xe quân sự. Đặc biệt chị đã chỉ huy tổ du kích xông vào tận hang ổ của bọn bình định diệt tện đoàn trưởng bảo an tại xóm Hồ xã Hải Phúc.

Du kích xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong do chị Lê Thị Tám chỉ huy hoạt động ở một địa bàn nằm sâu trong vùng địch đã kiên trì bám dân, bám đất, xây dựng hàng chục cơ sở. Ở nông thôn và năm cơ sở ở thị xã Quảng Trị, có lúc địch đánh phá ác liệt, việc liên lạc với cấp trên bị gián đoạn, chị Tám ban ngày phải nằm hầm bí mật, ban đêm lại đến các cơ sở tìm cách bắt liên lạc. Chị Lê Thị Tám đã vận động được một trung đội phòng vệ dân sự nổi dậy phá bót trở về với nhân dân.

Ở huyện Gio Linh, bộ đội địa phương huyện cùng du kích các xã tổ chức đánh địch liên tục, đều khắp, diệt nhiều sinh lực địch tại khu tập trung Quán Ngang, Dốc Miếu, điểm cao 31... Tôi được biết, lực lượng du kích xã Gio Hải do anh Trương Quang Thọ làm xã đội trưởng đã chiến đấu dũng cảm chỉ huy du kích xã đánh hàng chục trận, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, phá hủy nhiều xe quân sự địch. Riêng anh Thọ diệt 65 tên, bắt một trung úy tình báo, bắn cháy 14 xe tăng, xe bọc thép, đánh chìm, đánh hỏng bảy tàu. Tháng 12 năm 1971, Trương Quang Thọ dẫn một tổ du kích, cải trang là

lính địch, vào tận nơi ngủ của một nhân viên tình báo ác ôn, có nhiều nợ máu với nhân dân trong xã và giết tên này. Khi trở ra Thọ còn cho anh em tiến công lính canh gác, làm chúng chạy tán loạn. Tên tình báo ác ôn bị diệt, nhân dân trong xã rất phấn khởi.

Đi đôi với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng ở Triệu Phong, Hải Lăng cũng như ở Gio Linh, Cam Lộ có tiến bộ so với trước. Sau chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, việc đòi xác chồng, con, em, đòi trả người thân bị bắt đi lính đã nhanh chóng biến thành phong trào của quần chúng cả ở nông thôn và thành thị, làm cho ngục quyền, ngục quân thêm rối ren, lúng túng.

Phong trào sản xuất, đóng góp lương thực được khôi phục và phát triển, nhất là ở miền núi huyện Hướng Hóa. Năm 1971, sản xuất ở đây được phục hồi ngang mức năm 1965. Đời sống của nhân dân các dân tộc được cải thiện. Không những tự túc được lương thực, nhân dân huyện Hướng Hóa còn huy động được một khối lượng lớn gạo, sản và các nguồn thực phẩm phục vụ các cơ quan, đơn vị đứng chân trên địa bàn.

Qua các phong trào chiến đấu, sản xuất lực lượng vũ trang ở huyện Hướng Hóa cũng phát triển mạnh. Theo con số tôi nắm được, cả huyện có khoảng

gần 1.600 du kích trên tổng số dân 15 nghìn dân. Như vậy, cứ gần mười người dân thì có một du kích. Về trang bị cũng được khá hơn, trước đây, du kích chỉ được trang bị súng AK, CKC thì đến cuối năm 1971, lực lượng du kích được trang bị cả súng trung liên, đại liên, súng máy 12ly7 và cối 60 ly.

Những trận chiến đấu liên tục trong năm 1971 của lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với chủ lực Mặt trận B5 chiến đấu trên chiến trường Quảng Trị là sự phối hợp, hiệp đồng giữa bộ đội địa phương với bộ đội chủ lực, giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữa nổi dậy với tiến công, giữa xây dựng với chiến đấu, giữa bình vận với chiến đấu làm cho thế và lực của ta ở đồng bằng Quảng Trị dần dần được khôi phục và phát triển nhanh chóng, đẩy địch vào thế bị động, suy giảm về lực lượng, sa sút về ý chí, làm chuyển biến tương quan lực lượng có lợi cho ta.

Thắng lợi của quân và dân ta ở chiến trường Quảng Trị trong năm 1971 còn là sự phối hợp chiến đấu giữa Trung đoàn 27 với các đơn vị chủ lực cơ động của Bộ. Đặc biệt là sự phối hợp chiến đấu của trung đoàn với Tiểu đoàn 33 đặc công do anh Hoàng Huy Bông - Tiểu đoàn trưởng và anh Phạm Hồng Thanh¹ - Chính trị viên phó tiểu đoàn chỉ huy đã

1. Anh Phạm Hồng Thanh sau này là Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

gây cho địch nhiều tổn thất từ Dốc Miếu, Cồn Tiên, La Vang, Ái Tử đến Đầu Mầu, Tà Cơn, Khe Sanh... Đội 1 đoàn Đặc công 126 Hải quân do anh Mai Năng¹ và anh Nguyễn Văn Tình² chỉ huy đã chiến đấu liên tục từ năm 1968 đến năm 1971 ở một nơi địch đề phòng cẩn thận là cảng Cửa Việt, khiến chúng không tránh khỏi đòn trừng trị của các chiến sĩ đặc công nước tài giỏi của ta.

Thời gian này, Trung đoàn 27 còn được các đơn vị pháo binh của anh Đoàn Tuế - Chủ nhiệm Pháo binh Mặt trận B5 chi viện.

Thắng lợi của chiến dịch lịch sử Đường 9 - Nam Lào đánh dấu một bước trưởng thành của bộ đội chủ lực ta về trình độ tác chiến tập trung hiệp đồng binh chủng để chuyển mạnh sang thời kỳ tổ chức các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược mở ra những khả năng có thể tiêu diệt lớn quân chủ lực địch, giải phóng từng vùng đất đai rộng lớn quan trọng, làm thay đổi cục diện chiến tranh có lợi cho ta, tiến tới kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

1. Anh Mai Năng sau này là Thiếu tướng, Tư lệnh Binh chủng Đặc công.

2. Anh Nguyễn Văn Tình sau này là Trung tướng, Chính ủy Binh chủng Hải quân, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.